SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10
NĂM HỌC 2021-2022

KẾT QUẢ CHẤM THI

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
1	420001	1	A Mơ Zin Niê	03/08/2006	4.25	0.5	4				
2	420002	1	H' Ana Niê Kdăm	30/01/2006	5	4.75	6.25				
3	420003	1	Hoàng Thị Lê An	17/06/2006	6.42	4.25	3.75				
4	420004	1	Hoàng Thị An	12/02/2006	5.5	3.5	3.75				
5	420005	1	H' Anh Byă	08/02/2006	3.5	0.25	2.5				
6	420006	1	Y- Lê Ngọc Anh - Byă	03/08/2006	3.25	3.75	2				
7	420007	1	Hoàng Tuấn Anh	14/02/2006	5.25	5	2.75				
8	420008	1	Hà Thị Minh Anh	17/08/2006	6.25	2.25	3.25				
9	420009	1	Hoàng Thị Minh Anh	09/11/2006	5.75	2.25	3.25				
10	420010	1	H Anh Kđok	31/01/2006	4	0.25	3.5				
11	420011	1	Lê Hà Quỳnh Anh	24/06/2006	8	4.75	2.75				
12	420012	1	Nông Thị Hoàng Anh	24/12/2006	5.25	4.75	4.75				
13	420013	1	Nguyễn Mai Thảo Anh	29/09/2005	6.75	2.75	2.5				
14	420014	1	H' Anh Niê	04/04/2006	5.5	2	3.5				
15	420015	1	Trần Châu Anh	29/07/2006	5	0.75	2.75				
16	420016	1	Vi Niê Quỳnh Anh	17/11/2006	5	2.25	4.75				
17	420017	1	Vương Thị Lan Anh	18/03/2006	5	1.75	2.5				
18	420018	1	Mông Chu An	26/04/2006	#N/A	#N/A	#N/A				
19	420019	1	Nguyễn Hoàng An	16/02/2006	5.5	5.75	4.25				
20	420020	1	Phạm Văn An	23/11/2006	5.5	3.5	3				
21	420021	1	Cầm Thị Nguyệt Anh	20/07/2006	4.75	1.75	3				
22	420022	1	Mạc Thị Kim Anh	19/12/2006	6.75	1.5	3.75				
23	420023	1	Triệu Thị Ngọc Anh	21/01/2006	5.75	4	3.5				
24	420024	1	H Ap Niê	13/02/2006	2.25	0.75	3.25				
25	420025	2	H Barê Byă	23/11/2006	4	1.5	2				
26	420026	2	Hoàng Gia Bảo	08/03/2006	5.25	3	5.25				
27	420027	2	Lương Quốc Bảo	11/03/2006	3.5	1.75	2.75				
28	420028	2	H' Báo Byă	22/04/2006	4.25	1.75	3.25				
29	420029	2	Nông Hữu Bằng	07/07/2006	3.5	1.5	2.25				
30	420030	2	Nguyễn Cao Bằng	22/02/2006	3.25	0.5	3.25				

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
31	420031	2	Quách Đỗ Duy Bằng	27/03/2006	4	5.25	3				
32	420032	2	H' Bely Hwing	18/01/2006	7	3	4.75				
33	420033	2	Nay H' Betly	28/05/2006	1.75	0	2.5				
34	420034	2	Lộc Thị Bé	22/06/2006	4.25	5.25	3				
35	420035	2	H Bi - Niê	14/10/2006	4.25	0.25	2				
36	420036	2	Y' Bin Niê	14/02/2006	5	4.75	3.75				
37	420037	2	H' Biut - Niê	20/03/2006	5.5	0.25	3				
38	420038	2	Lê Hà Như Bình	01/10/2006	7.5	4	5.75				
39	420039	2	H Bua Am Byă	19/01/2006	3.5	0.25	2				
40	420040	2	H- Buin - Mlô	27/03/2006	1.25	0.25	1.75				
41	420041	2	H' Chăn Kriêng	22/07/2006	2.5	0.25	2.25				
42	420042	2	H' Châu Niê	18/02/2006	3	0.5	3.25				
43	420043	2	H' Châu - Niê	23/04/2006	4.5	0.75	3.5				
44	420044	2	Chang Thị Quỳnh Chi	17/11/2006	4	1	2.25				
45	420045	2	H- Chiên Niê	13/06/2005	2.5	0	2.25				
46	420046	2	Y Chiến Eban	10/01/2006	3	0.5	3				
47	420047	2	Hà Thị Anh Chi	17/01/2006	7.25	1	2.5				
48	420048	2	Hoàng Trần Quỳnh Chi	17/11/2006	#N/A	#N/A	#N/A				
49	420049	3	Nông Thị Kim Chi	25/04/2006	6.75	4	4.25				
50	420050	3	H- Chinh - Mlô	08/03/2005	4	0.25	4.75				
51	420051	3	H- Chi Niê	15/11/2006	3.5	0.5	2.5				
52	420052	3	Lâm Thiên Chí	07/04/2006	#N/A	#N/A	#N/A				
53	420053	3	Quách Thiện Chí	03/03/2006	4.5	1.5	2.25				
54	420054	3	Y Chon Niê	11/01/2006	6	2.75	4.25				
55	420055	3	H Chớp Hwing	14/04/2006	4.5	0.25	2.75				
56	420056	3	H' Chuyên Mlô	20/04/2006	4.5	0.5	3				
57	420057	3	Hứa Thị Có	07/02/2006	5	0.25	2.25				
58	420058	3	Nông Văn Cờ	09/01/2006	4.5	3.25	3.25				
59	420059	3	Mò Thị Huyền Cúc	23/02/2006	3.75	0.5	1				
60	420060	3	H' Da Hân Byă	30/11/2006	2.75	0.5	2				
61	420061	3	Hạng Thị Dậu	05/10/2004	4.5	1.75	2.75				
62	420062	3	Y Den Kbuôr	26/09/2004	1.75	0.5	3.5				
63	420063	3	Ksơr H' Diêm	22/02/2006	1.25	0.25	3.25				
64	420064	3	Mó Diêm	09/10/2005	2.5	0.5	2				

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
65	420065	3	H Diên Liêng	01/05/2006	4.5	1.75	2.75				
66	420066	3	H Diên Rčam	21/02/2006	6.5	1	2.25				
67	420067	3	Đinh Mai Quỳnh Diễm	19/04/2006	6	1	2.75				
68	420068	3	Hà Thị Phương Diễm	18/12/2006	5	0.5	2				
69	420069	3	Hoàng Kiều Diễm	15/01/2006	5	2.5	3.5				
70	420070	3	H' Diếp Ayũn	01/10/2006	1.25	0.25	4.5				
71	420071	3	H Diệp Ayũn	31/10/2006	6.25	1	3.75				
72	420072	3	H- Diệp Eban	26/12/2006	2.5	0	2.25				
73	420073	4	Hoàng Thị Diệu	11/06/2006	7.5	1	2.75				
74	420074	4	H' Dim Kmăn	07/07/2006	4	0.5	3.25				
75	420075	4	H' Dina Mlô	02/09/2006	2.25	0	2				
76	420076	4	H Dlen Byă	01/07/2006	4	0.25	1.75				
77	420077	4	H Doanh Hmŏk	25/07/2006	2.5	1	4				
78	420078	4	Ksơr H' Doanh	20/11/2006	3.25	1	2.25				
79	420079	4	Rčom Y Doan Mlô	14/05/2006	2.75	0.5	4.25				
80	420080	4	Hoàng Thế Du	18/09/2006	3.5	0.75	1.5				
81	420081	4	Hoàng Thuỳ Dung	04/11/2006	6	0.25	2				
82	420082	4	H' Du Ral Mdrang	04/09/2006	3.25	1.25	3				
83	420083	4	H Duyên Eban	12/10/2006	4.5	1	3.5				
84	420084	4	Hoàng Thị Mai Duyên	07/09/2006	6	1.75	3.25				
85	420085	4	Lê Thị Duyên	21/01/2006	5.5	1.75	4.75				
86	420086	4	Lê Thị Mỹ Duyên	26/06/2006	3	0.25	2.5				
87	420087	4	Nông Thị Duyên	02/03/2006	6.25	4.75	2.25				
88	420088	4	Nguyễn Thị Duyên	20/12/2006	3.5	0.75	2.75				
89	420089	4	H: Duyên Niê	26/03/2006	2.5	0.25	2.25				
90	420090	4	H' Duyên Niê	29/07/2006	5	0	3				
91	420091	4	H' Duyết Niê Kdăm	28/04/2006	5	4.25	4.5				
92	420092	4	Ksơr Y Niê Duy	18/03/2006	1	0	2.75				
93	420093	4	Đinh Trương Anh Dương	12/11/2006	4	2.25	3.5				
94	420094	4	H Đap Mlô	16/03/2006	1	0.5	2.25				
95	420095	4	H Đap Niê	17/12/2005	4.25	0.75	2.25				
96	420096	4	Lê Đình Đạt	18/05/2006	4	2.75	4.5				
97	420097	5	La Sỹ Đạt	07/01/2006	4.75	2.75	2.75				
98	420098	5	Nguyễn Thành Đạt	06/06/2006	5.25	5	5.5				

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
99	420099	5	Y Đăng Ktla	11/06/2006	5	1.5	2.75				
100	420100	5	H Đăp Mlô	03/09/2006	5.25	1.75	2.75				
101	420101	5	H Đep Ayũn	16/10/2006	2.5	0.5	2.5				
102	420102	5	H- Đê Bô Ra Niê	23/01/2006	3	0.5	3				
103	420103	5	H' Đêlya Niê	06/02/2006	3.5	0.25	3				
104	420104	5	H' Đêly Niê	06/02/2006	3.5	0	3.75				
105	420105	5	H' Đê Nia Kbuôr	23/02/2006	3.25	0.75	1.75				
106	420106	5	Y Đề Can Eban	12/01/2006	4.5	0.5	3.25				
107	420107	5	H Điệp Ksơr	10/09/2006	3.25	0.5	2				
108	420108	5	H- Điệp - Bkrông	13/03/2005	3	0	2.5				
109	420109	5	H Đinh Ayũn	16/08/2006	5.75	0.5	4.75				
110	420110	5	H' Đoai Byă	04/08/2006	5	0	3.25				
111	420111	5	Hoàng Thị Đoan	12/10/2006	3.75	0.5	3.25				
112	420112	5	H' Đô Mi Niê	17/03/2006	3.25	1.75	2				
113	420113	5	Y Đô Na Kbuôr	07/07/2006	2.25	0.75	2				
114	420114	5	H Đô Na Niê	13/01/2006	#N/A	#N/A	#N/A				
115	420115	5	H' Đuên Eban	14/03/2006	4.75	1.25	4.75				
116	420116	5	Trương Tiến Đức	20/01/2006	6.75	3.25	1.75				
117	420117	5	Vương Lê Anh Đức	30/04/2006	6	2.75	5.25				
118	420118	5	H Em Ayũn	02/04/2006	3.75	0.75	2.25				
119	420119	5	H- Gê Sia Niê	23/11/2006	4.5	3	4				
120	420120	5	H' Gia Le Ktla	28/05/2006	2.75	0	2.25				
121	420121	6	H' Giang Ayũn	25/05/2006	4	0.5	3				
122	420122	6	Chu Thị Hương Giang	04/09/2006	6	2.5	4.75				
123	420123	6	Lăng Thị Quỳnh Giang	18/02/2006	5.25	3.75	6.25				
124	420124	6	Nguyễn Thị Hương Giang	08/03/2006	6.75	2.25	2.5				
125	420125	6	H Giang Niê	05/06/2006	4.75	0.5	3				
126	420126	6	H' Gia Tuệ - Uông	19/09/2006	6.5	2.25	2.75				
127	420127	6	H Goan Ayũn	04/06/2006	3.25	0.5	1.75				
128	420128	6	H- Goen - Byă	27/09/2006	4.25	1.25	2.75				
129	420129	6	Y Gô Mlô	30/12/2006	2.25	0	3				
130	420130	6	H Guin Niê	13/01/2006	2.75	0.75	2.5				
131	420131	6	H Gum B'krông	14/11/2006	4	1	2				
132	420132	6	Chàng Thị Thạch Hà	19/05/2006	4.75	1.5	2.5				

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
133	420133	6	Hoàng Thu Hà	23/04/2006	6.25	2	3.5				
134	420134	6	Nguyễn Thị Hoàng Hà	11/08/2006	4.75	1.5	3.75				
135	420135	6	H Hà Niê	24/11/2006	3.75	0.5	1.5				
136	420136	6	H Háp Mlô	28/11/2006	5	1	4				
137	420137	6	H' Hạnh Ayũn	20/04/2006	3.25	0.75	1.75				
138	420138	6	Vương Thị Hồng Hạnh	01/01/2006	6.5	1	3.5				
139	420139	6	Vương Thị Hạnh	03/07/2006	6.75	2.25	3.75				
140	420140	6	Y Hão Niê	15/04/2006	2.25	0.5	3				
141	420141	6	Long Thị Minh Hằng	10/01/2006	7.5	2.75	4.25				
142	420142	6	Triệu Thị Hằng	02/12/2006	6.25	4.5	4				
143	420143	6	Vi Thị Thuý Hằng	20/02/2006	5.75	2	3.5				
144	420144	6	Cung Thị Bích Hân	18/04/2006	8.83	3.75	4				
145	420145	7	Hoàng Thị Hồng Hậu	11/01/2006	5.5	2.25	2.25				
146	420146	7	H- Helen Mlô	09/11/2006	6	0.5	4				
147	420147	7	Đỗ Thị Thu Hiền	11/10/2006	6.67	3	3.5				
148	420148	7	H Hiền Mlô	12/09/2006	4.5	0.25	3.5				
149	420149	7	Triệu Thị Hiền	14/01/2006	5	1.5	3.25				
150	420150	7	Hoàng Minh Hiếu	13/02/2006	4.25	1.5	2.5				
151	420151	7	Nguyễn Vương Duy Hiếu	01/11/2006	5	1.5	2				
152	420152	7	Nguyễn Ích Hiếu	12/08/2006	4.5	3	4				
153	420153	7	Trần Thị Ngọc Hiếu	19/10/2006	7	3	3.25				
154	420154	7	Vương Minh Hiếu	11/09/2006	6	2.25	4				
155	420155	7	Lê Thị Hiệp	28/06/2006	6.5	4.5	4				
156	420156	7	Nông Hoàng Hiệp	22/01/2006	3.75	3.25	4.5				
157	420157	7	H' Hmang Mlô	04/02/2006	5	1	3.25				
158	420158	7	La Thị Quỳnh Hoa	18/05/2006	3.25	1	1.75				
159	420159	7	Nông Thị Hoa	13/02/2006	3.75	1.75	3.5				
160	420160	7	H' Hoa - Niê	25/09/2006	4.5	0.5	4.25				
161	420161	7	H- Hoài Niê	16/02/2006	2.75	0.5	2				
162	420162	7	Phạm Thị Hoài	22/06/2006	5.75	3.5	3.75				
163	420163	7	H Hoài Rơ Lưk	26/03/2006	1.75	0	3				
164	420164	7	Cil Siu Hoàng	03/06/2006	3	1.25	2.75				
165	420165	7	Knul Phạm Hoàng	11/03/2006	6.25	5.25	3.5				
166	420166	7	Lê Công Đình Hoàng	23/12/2006	5.75	1.25	3.5				

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
167	420167	7	Long Văn Hoàng	25/03/2005	5.25	5	3				
168	420168	7	Ma Đức Hoàng	27/06/2006	6.5	8.5	7.25				
169	420169	8	Phùng Đàm Hoàng	05/12/2006	5	2.75	1.75				
170	420170	8	H Du Hoàng Pang Ting	08/12/2006	5	0.5	2.75				
171	420171	8	Nay H' Hồng	18/05/2006	5.5	1.5	1.5				
172	420172	8	H Hồng Niê	16/08/2006	4.5	0.5	2.25				
173	420173	8	H- Huế Kpă	22/01/2006	4	0	2.5				
174	420174	8	H' Huệ Dak Cat	24/06/2005	5	0.25	3				
175	420175	8	Hoàng Thị Thu Huệ	28/08/2006	4.17	2.5	2.75				
176	420176	8	H Hun - K'măn	01/11/2006	3.5	1	2.25				
177	420177	8	Đào Thu Huyền	30/06/2006	6.75	5	3.75				
178	420178	8	Hoàng Quốc Huy	21/10/2006	7	4	4.25				
179	420179	8	Nông Văn Hùng	26/06/2006	5.5	4.25	3.25				
180	420180	8	Phan Xuân Hưng	11/07/2006	4.5	6	3.5				
181	420181	8	Liễu Thị Hương Ayũn	29/05/2006	4.5	3.25	3.75				
182	420182	8	Đèo Thị Thiên Hương	05/09/2006	6.25	4.25	4.5				
183	420183	8	Hoàng Thị Lan Hương	10/04/2006	6.5	4.5	3.75				
184	420184	8	Mông Thị Hường	25/11/2006	4.75	3.75	3.5				
185	420185	8	H Jăn Hmŏk	23/08/2006	3.5	1	4.5				
186	420186	8	H' Jenny Eban	27/06/2006	5.25	4.75	3.25				
187	420187	8	H Jĩ Niê	23/03/2006	5.25	5.25	2.75				
188	420188	8	H' Jui Liét Bkrông	15/11/2006	2.75	1	2.25				
189	420189	8	H' Julia Mdrang	26/03/2006	6.25	1.25	3.25				
190	420190	8	H' Julin - Eban	08/10/2005	3.5	0	2				
191	420191	8	H Juô Hmŏk	23/08/2006	4.75	1	3.25				
192	420192	8	Y Ka Lin Niê Kdăm	09/04/2006	4.75	1.5	1.25				
193	420193	9	Y Kết Byă	11/01/2006	4.5	0	2.25				
194	420194	9	Y Kha Buôn Yă	01/03/2006	6.5	5.25	3.25				
195	420195	9	Y Khang Niê	29/10/2006	1	0.5	2.25				
196	420196	9	Y- Khanh - Eban	23/03/2006	4	0	2.5				
197	420197	9	Nông Văn Khải	20/03/2006	6.25	1.75	3				
198	420198	9	Chu Thị Khánh	27/01/2006	6.5	1.5	4.5				
199	420199	9	Đinh Hoàng Khiêm	08/10/2006	4	1.25	3.5				
200	420200	9	Đinh Thế Khiêm	13/08/2006	6.5	3.75	3.5				

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
201	420201	9	Nông Nguyễn Trường Khoa	27/05/2006	5.5	3.75	4.5				
202	420202	9	Y Khoa Niê Kdăm	15/09/2006	4	0	2				
203	420203	9	H' Khôi - Hwing	01/08/2006	4.25	0.5	3				
204	420204	9	H Khuê Rơ Nang	29/01/2006	7	1	2.25				
205	420205	9	Đinh Công Khuyến	05/01/2006	6.25	1	3.25				
206	420206	9	Y Kiêt Ečăm	28/08/2005	2.5	0	2				
207	420207	9	H' Kiêu Hra	11/11/2006	1	0	2				
208	420208	9	H' Kiều Hwing	30/07/2005	3.5	0.75	2				
209	420209	9	Lục Thị Thuý Kiều	10/08/2006	6.75	4.25	2.25				
210	420210	9	H Kiều Niê	04/01/2006	6.25	3.25	2.75				
211	420211	9	H' Kiều Trinh Ayũn	12/12/2006	5	0.5	3				
212	420212	9	Y Kiệt Mlô	29/12/2006	2	0.25	2				
213	420213	9	Y- Kiệt Niê	17/02/2006	3	2	3.25				
214	420214	9	H' Kim Ayũn	05/12/2005	2.75	0	3				
215	420215	9	H Kim Thanh Niê	05/12/2005	3.5	0.25	3.25				
216	420216	9	H K Li Mlô	24/05/2006	4	0.5	5				
217	420217	10	H Kưng Niê	09/10/2006	4.75	0	2.25				
218	420218	10	Y Kyon	13/05/2006	4.25	0.25	3				
219	420219	10	Đinh Lưu Lai	19/06/2006	2.5	1.5	2.75				
220	420220	10	H' La Na Niê	05/10/2006	1.25	0	3				
221	420221	10	H' Lan - Eban	23/04/2006	3	1.75	2.25				
222	420222	10	Hứa Thị Lan	06/08/2006	5.75	1.5	4.5				
223	420223	10	H' Lan Niê	06/01/2006	5.75	4.75	3.5				
224	420224	10	H Lan Niê	05/06/2006	4	0.5	3.25				
225	420225	10	H Lan Niê	02/02/2007	4	1.5	3.25				
226	420226	10	H' Lan Niê	17/06/2006	#N/A	#N/A	#N/A				
227	420227	10	H Lan Rơ Yam	12/10/2006	3	1.25	2.5				
228	420228	10	H La Ry Ksơr	25/08/2006	4	0	3.75				
229	420229	10	H- La Yi Mlô	01/04/2004	4.5	1	3.5				
230	420230	10	Hoàng Thị Lâm	14/08/2006	6	2.75	3.5				
231	420231	10	Vi Minh Lâm	04/09/2006	2	2.75	2				
232	420232	10	Y Lân Niê	08/03/2006	6	1.75	4				
233	420233	10	H' Lệ Tiên Eya	23/05/2006	7.25	4.5	5.5				
234	420234	10	H- Liên Kpă	19/04/2006	4	0.5	3				

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
235	420235	10	Phạm Thị Liên	05/04/2006	4.5	0.75	3				
236	420236	10	H: Liêr Ecăm	02/09/2006	4	0.25	1.5				
237	420237	10	Đinh Mai Quỳnh Liễu	04/04/2005	6	4.75	5.5				
238	420238	10	H Lika Niê	17/06/2006	2.25	0.75	3.5				
239	420239	10	Bùi Hoài Linh	01/03/2006	3.75	0.5	2.25				
240	420240	10	Đào Thị Ngọc Linh	06/11/2006	4.5	3.5	2.25				
241	420241	11	Hà Phương Linh	10/10/2006	5.5	1.5	4.5				
242	420242	11	Nông Hoàng Linh	27/10/2006	7.25	5	4.25				
243	420243	11	Ngân Thuỳ Linh	02/04/2006	2.75	1.5	3.5				
244	420244	11	Quách Thị Khánh Linh	21/01/2006	6.75	6.75	3.5				
245	420245	11	Võ Thị Thuỳ Linh	11/10/2006	#N/A	#N/A	#N/A				
246	420246	11	Vi Thị Kiều Linh	23/10/2006	4.75	1.5	2.5				
247	420247	11	Y Lipan Niê	08/06/2006	2.75	1	2.5				
248	420248	11	H- Li Sa Bet Niê	19/08/2006	2.25	0	3.75				
249	420249	11	H' Loanh Mlô	15/03/2006	0.75	0	1.5				
250	420250	11	Lương Ngọc Long	14/01/2006	6.25	4.5	3				
251	420251	11	Phạm Bảo Long	09/10/2006	5.25	4.25	4.25				
252	420252	11	Lê Văn Lợi	31/08/2006	7	7.25	5.25				
253	420253	11	Lưu Đức Lợi	12/04/2006	5.75	2	3				
254	420254	11	Vy Thị Lợi	05/01/2006	6.75	0.5	2				
255	420255	11	H Luân Kđõh	10/12/2006	2	0	2.75				
256	420256	11	Linh Thị Ngọc Luyến	25/05/2006	4.5	2.5	3.25				
257	420257	11	Ngô Thị Luyến	17/01/2006	6.25	1.25	3.25				
258	420258	11	H Lũa Niê	08/04/2006	2.75	0	2				
259	420259	11	H' Lúa Niê	27/07/2006	4	0.75	2.25				
260	420260	11	H Lưm Byă	07/10/2006	3.5	0.5	3.25				
261	420261	11	Y Lưu Niê	12/01/2006	4.75	1.5	3				
262	420262	11	Bế Thị Ly	08/10/2006	4.5	1.25	1.75				
263	420263	11	H' Ly Hè Niê	06/08/2006	4.5	1	3.25				
264	420264	11	Lãnh Lưu Ly	03/07/2006	5.5	3	4				
265	420265	12	Cẩm Ly Niê	26/06/2006	3.5	0	2.25				
266	420266	12	Phùn Thị Ly	01/04/2006	6	1	2.25				
267	420267	12	H Mac Niê	12/09/2006	3.5	0.5	3.25				
268	420268	12	H Mai Ayũn	04/04/2006	5.5	0.25	2.75				

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
269	420269	12	Y- Mal - Ecăm	01/09/2006	3.25	0.5	1.5				
270	420270	12	H' Man Niê	20/05/2004	2	0	2.5				
271	420271	12	H Mary Ayũn	18/08/2006	3.75	0.75	4				
272	420272	12	H Mat Bdap	09/04/2006	5.5	1.25	2				
273	420273	12	Dương Thế Mạnh	19/06/2006	7	2	3				
274	420274	12	Trương Công Mạnh	24/06/2006	6.5	5.25	4.5				
275	420275	12	H Mâng Niê	25/10/2006	4.75	1	2.75				
276	420276	12	Nông Nhật Mẫn	21/09/2006	4.75	3.5	3.5				
277	420277	12	H- Mê - Li Mlô	05/01/2006	2.5	0.5	2				
278	420278	12	H' Mêza Mlô	12/09/2006	4.75	0.5	2.25				
279	420279	12	Ma Thị Mến	10/07/2006	4.75	1	2.75				
280	420280	12	H- Miên Byă	02/04/2006	5	0	2.75				
281	420281	12	H' Mi Hoa Bkrông	02/03/2005	3	0.25	3.25				
282	420282	12	H Mik Niê	16/10/2006	2	0.25	4.5				
283	420283	12	H Milan Mjao	19/09/2006	5.25	1	2				
284	420284	12	Siu H Mila	18/03/2006	1.5	0	4				
285	420285	12	Mông Thị Hoạ Mi	21/01/2006	5.75	4.25	4.75				
286	420286	12	Lý Hiếu Minh	30/11/2006	5.25	3.25	5				
287	420287	12	Lộc Văn Minh	28/01/2006	4.75	1.75	3				
288	420288	12	Thạch Anh Hoàng Minh	03/11/2005	3.17	2	3.25				
289	420289	13	H- Mi - Riam Byă	12/09/2006	2	0	4				
290	420290	13	H' Mi Sa Ktla	26/03/2006	3.5	0	3.5				
291	420291	13	Nay H' Misa	29/03/2006	4.92	0.5	3.75				
292	420292	13	H' Miũ - Niê	09/12/2006	2.58	0	2.5				
293	420293	13	Lê Nhu Mì	07/02/2006	3	1.5	3				
294	420294	13	H' Mlinh Niê	25/09/2006	2.5	1	2				
295	420295	13	H Muin Niê	22/06/2005	5.75	0.75	3				
296	420296	13	H' Mưng Jiê	21/09/2006	4.5	0.5	3.25				
297	420297	13	H Myôn Eban	30/12/2006	2.25	0.75	3.25				
298	420298	13	H' My Ra Ksơr	08/01/2006	4.5	1	2.5				
299	420299	13	Trần Châu Hạ My	08/07/2006	5.75	3.25	4.75				
300	420300	13	Mó Mỹ Ra Lu	16/01/2006	6.25	1	3.5				
301	420301	13	H' Nač - Ayũn	27/07/2006	2	0.5	2.75				
302	420302	13	H Na Li Byă	15/04/2005	1.25	0	3.25				

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
303	420303	13	Cù Xuân Nam	06/06/2006	4	1.75	1.75				
304	420304	13	Trương Nguyễn Hoàng Nam	18/04/2006	4.5	8.5	7.25				
305	420305	13	Y- Nam Uông	14/03/2006	5.75	4	2.75				
306	420306	13	H Na Ra Niê	05/04/2006	4.25	0	3.5				
307	420307	13	H Nên Mlô	15/10/2006	5.25	0.5	3.5				
308	420308	13	Đinh Thị Hồng Nga	19/02/2006	7	5.25	5.5				
309	420309	13	Hoàng Thị Lệ Nga	10/03/2006	5	3.75	3.5				
310	420310	13	Hoàng Thị Nga	01/10/2006	4.5	0	3.25				
311	420311	13	Mông Thị Nga	20/02/2006	6.5	2.75	2.25				
312	420312	13	Diệu Nga Niê	20/04/2006	5.75	1	4.5				
313	420313	14	H' Nga Niê Kdăm	27/03/2006	2.83	0.5	2.75				
314	420314	14	Trần Thị Nga	18/02/2006	4.25	3.75	3.75				
315	420315	14	H Ngat Niê	07/01/2006	3	1.75	3				
316	420316	14	H Ngat Niê	18/04/2006	4.25	1	2.5				
317	420317	14	H' Ngăm Niê	20/04/2006	2	0.5	3				
318	420318	14	H Ngăn Trei	02/01/2006	4	1.25	2.5				
319	420319	14	H' Ngân Adrơng	03/05/2006	3.25	0.75	2.75				
320	420320	14	H' Ngân Ayũn	09/10/2005	6.25	0.75	2				
321	420321	14	Đỗ Nguyễn Thu Ngân	19/12/2006	6	3	2.25				
322	420322	14	La Thị Thu Ngân	27/09/2006	3.75	1.75	3.5				
323	420323	14	Lưu Thị Kim Ngân	24/05/2006	7.5	2.75	3.5				
324	420324	14	Vương Hà Thảo Ngân	10/11/2006	5.5	2.5	4.25				
325	420325	14	Quan Thanh Nghiệp	27/02/2006	6.5	0	8				
326	420326	14	Y Nghĩa Triêk	04/04/2006	2	0	2				
327	420327	14	Đinh Thị Tuyết Ngọc	04/02/2006	4.75	4.75	5.25				
328	420328	14	Hoàng Thị Thuý Ngọc	09/07/2006	4.5	4.75	3.75				
329	420329	14	Kha Phạm Hoàng Như Ngọc	07/06/2006	6	1.5	5				
330	420330	14	Sầm Thị Bích Ngọc	16/04/2006	6	0.5	2.75				
331	420331	14	Vi Hồng Ngọc	05/06/2006	6	2.25	2.5				
332	420332	14	H Ngôn Bkrông	24/04/2006	5	4.75	3.75				
333	420333	14	Đinh Lê Thảo Nguyên	12/03/2006	7.25	4.75	4.75				
334	420334	14	Hoàng Lệ Thuỷ Nguyên	23/03/2006	6	6.25	5.25				
335	420335	14	H Nguyên Niê	10/01/2006	3	1	2.75				
336	420336	14	Hoàng Thị Như Nguyệt	20/01/2006	4	0.5	3.75				

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
337	420337	15	Lang Thị Minh Nguyệt	12/08/2006	5.5	0.75	2.5				
338	420338	15	H Nguyệt Niê	05/04/2006	2.5	0.5	4.25				
339	420339	15	H' Nguyệt Niê	16/08/2006	4.17	0.5	2				
340	420340	15	H' Nguyệt Niê Kdăm	27/03/2006	2.75	1	2				
341	420341	15	H' Nhang Hđők	02/08/2006	2.5	0.25	3.75				
342	420342	15	H' Nhao Niê	12/05/2006	4.08	2.75	3				
343	420343	15	Nông Thị Thanh Nhàn	02/06/2006	6.25	5.75	4.25				
344	420344	15	Vi Thị Thanh Nhàn	12/08/2006	4.5	2	4				
345	420345	15	Lưk E Nhã Uyên	12/11/2006	6.5	2.5	2.5				
346	420346	15	Trịnh Trọng Nhân	22/10/2006	5	2.75	4.75				
347	420347	15	Hoàng Minh Nhật	22/11/2006	4.5	0.75	3.5				
348	420348	15	H' Nhem Mlô	13/01/2006	#N/A	#N/A	#N/A				
349	420349	15	Bùi Thị Yến Nhi	23/10/2005	5	2.25	3.75				
350	420350	15	Dương Thị Yến Nhi	02/06/2006	6.25	5.75	3.75				
351	420351	15	Hồ Hoàng Quỳnh Nhi	30/09/2006	4.5	1.25	3				
352	420352	15	Ma Thị Yến Nhi	09/06/2006	6.25	1.75	4.75				
353	420353	15	Nông Thị Ngọc Nhi	26/03/2006	6	2	2.75				
354	420354	15	H Nhin Eban	02/03/2006	4.5	1.5	4				
355	420355	15	Triệu Hải Yến Nhi	14/02/2006	6.75	2	3.25				
356	420356	15	Lương Thị Nhị	06/01/2006	5.75	1.5	3				
357	420357	15	H Nhoa Hmők	03/10/2006	6.5	4.5	4				
358	420358	15	Y Nho Ayũn	17/02/2006	4	0.5	2				
359	420359	15	H' Nho Bkrông	03/04/2006	3.75	0.5	2				
360	420360	15	H- Nhom Hđơk	14/02/2006	5.5	2.5	2				
361	420361	16	Hoàng Thị Hồng Nhung	20/10/2006	7	4	2.5				
362	420362	16	H' Nhung - Hwing	02/12/2006	2	0	3				
363	420363	16	H' Nhuôm Du	25/04/2006	#N/A	#N/A	#N/A				
364	420364	16	Hoàng Thị Như	23/01/2006	4	1.25	3.25				
365	420365	16	Hứa Quỳnh Như	12/04/2006	4.5	1.5	2.75				
366	420366	16	Đậu Thị Quỳnh Như Knul	25/05/2006	4.5	2	3.5				
367	420367	16	H Như Niê	01/05/2006	2	1	2.5				
368	420368	16	H' Nhược Niê	25/02/2006	5	1.75	2				
369	420369	16	H' Nia - Niê	16/12/2006	5	1.5	2				
370	420370	16	H Nia Niê	01/08/2006	6.25	2.5	3				

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
371	420371	16	H Niêm Ding	19/07/2006	3.5	0.75	2.25				
372	420372	16	H' Niếp Ayũn	01/06/2006	5.75	0.5	2.5				
373	420373	16	H Ni Sang Ayũn	23/02/2006	1.75	0.5	3.25				
374	420374	16	H' Ni Xa Kbuôr	11/07/2006	5	1	3.75				
375	420375	16	Y Nom Mlô	11/09/2005	2	0.5	2.5				
376	420376	16	H' Nuên Hra	04/04/2006	1.75	0.75	3				
377	420377	16	H- Nuin Niê	22/07/2006	4.5	3	4				
378	420378	16	H- Nụ - Teh	16/09/2006	5	1.25	1.5				
379	420379	16	H Ny Ly Ayũn	26/02/2006	5	2.5	5.75				
380	420380	16	H' Oanh Ayũn	11/05/2006	5.25	1	2.75				
381	420381	16	Lương Thị Kim Oanh	03/02/2006	5.25	1.5	2.25				
382	420382	16	Lý Ngọc Kiêm Oanh	20/10/2006	1.75	1.75	2.25				
383	420383	16	Sầm Thị Kim Oanh	02/09/2006	6.75	4	3.5				
384	420384	16	H- On - Niê	11/04/2006	5	2.5	3.75				
385	420385	17	H' Ớt Knul	25/04/2005	4.75	0.25	4.25				
386	420386	17	H' Păk Niê	14/04/2006	4.25	0.25	2.5				
387	420387	17	H' Phič Mlô	07/06/2006	5.25	1	3.5				
388	420388	17	Bùi Hoàng Đại Phong	07/08/2006	4	2.5	2.5				
389	420389	17	Cầm Thanh Phong	03/06/2006	7	5.75	4.5				
390	420390	17	Nông Hoàng Phong	11/07/2006	3.75	5	3.75				
391	420391	17	Trần Duy Phong	04/08/2006	3	2.25	2.5				
392	420392	17	Y' Phơ Ra Niê	11/04/2006	0.5	0	2.25				
393	420393	17	Y' Phơ Rit Niê	11/04/2006	3.75	1	2.75				
394	420394	17	H- Phung Niê	26/05/2006	1.25	0.5	2				
395	420395	17	Lê Trọng Phúc	06/03/2006	6.5	1.75	2.75				
396	420396	17	Adrơng H' Phươn	16/10/2006	3.75	0.25	3				
397	420397	17	Lưu Thị Phương	20/01/2006	8	4.75	3.75				
398	420398	17	Nguyễn Thị Anh Phương	27/03/2006	4.75	0.25	2.5				
399	420399	17	H Phương Niê	19/03/2005	2.5	1	2.25				
400	420400	17	Vi Thị Yến Phương	28/12/2006	2.75	0.25	3.5				
401	420401	17	Hứa Thị Phước	13/04/2006	3.25	1	2.25				
402	420402	17	H Pi Bdap	23/11/2006	4.25	2.25	4				
403	420403	17	H- Pôm Pi Mlô	11/05/2006	5	1.75	2.75				
404	420404	17	H' Pyon Niê	10/11/2006	3	0	2				

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
405	420405	17	Bùi Việt Quang	27/12/2006	5.75	2.75	2.5				
406	420406	17	Hoàng Anh Quân Ayũn	28/03/2006	1.75	1	3				
407	420407	17	Y- Quân Bkrông	02/01/2006	#N/A	#N/A	#N/A				
408	420408	17	Quyên	06/04/2006	4.5	1	3.25				
409	420409	18	H' Quyên - Aliŏ	12/04/2006	2	0	4.25				
410	420410	18	Đặng Mai Quyên	21/02/2006	4.67	1	2				
411	420411	18	Đỗ Nguyễn Thanh Quyên	18/05/2006	6.5	5.75	3.75				
412	420412	18	Đinh Thị Ut Quyên	06/03/2006	6.75	4	4				
413	420413	18	H' Quyên Niê	28/01/2004	5	1.75	3				
414	420414	18	Y Quyên Niê	09/02/2004	7	7.25	2.5				
415	420415	18	H Quyền Niê	07/07/2006	4.5	0.5	3				
416	420416	18	H' Quynh Byă	10/01/2006	2	0.75	3.25				
417	420417	18	Nguyễn Thị Như Quỳnh Apuôt	14/10/2006	5	4.5	3.5				
418	420418	18	Hoàng Thị Nhật Quỳnh	26/01/2006	7	3.5	3				
419	420419	18	H Quỳnh Rčăm	29/04/2006	4.75	0.25	3				
420	420420	18	Triệu Thị Diễm Quỳnh	22/10/2006	4.75	3.25	1.5				
421	420421	18	H Rian Ayũn	14/11/2006	5.5	0.25	2.25				
422	420422	18	H' Rip Mlô	04/01/2006	5.25	1.25	2.75				
423	420423	18	H Rôza Mlô	07/03/2006	4.5	0.25	2.5				
424	420424	18	H' Ru Za Niê	11/03/2006	3	1.5	2.75				
425	420425	18	H' Rŭt Ayũn	15/05/2006	3	0.75	2.5				
426	420426	18	H Sa Byă	05/11/2006	4	2.5	3.5				
427	420427	18	H- Saly Hlong	11/11/2005	4.5	0	2.25				
428	420428	18	H Saly Mlô	04/03/2006	6.25	2.25	2				
429	420429	18	Dùng Quang Sang	11/01/2006	3.25	1.75	3.25				
430	420430	18	H' San - Hmŏk	18/07/2006	5.25	0.25	2.25				
431	420431	18	H Sa Ra Niê	25/06/2006	5.75	0.75	5				
432	420432	18	Hoàng Quốc Sáng	24/05/2006	6	8.5	5				
433	420433	19	Y- Săn Mlô	23/11/2006	5	1	2.5				
434	420434	19	H Sen Eban	10/07/2006	4.25	0.75	3.75				
435	420435	19	H' Sê Phô Ra Ayũn	23/01/2006	3	0.5	3.75				
436	420436	19	H' Siêp Mdrang	27/01/2006	2.5	1	1.5				
437	420437	19	H Siêu Rya	03/11/2005	4.5	0.5	2.5				
438	420438	19	H' Sina Niê	28/03/2006	2	0.25	2.25				

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
439	420439	19	Nguyễn Thị Sinh	10/03/2005	5	1	3				
440	420440	19	H' Niê Si On Hmŏk	02/10/2006	5.5	1.75	2.25				
441	420441	19	H- Siôn Mlô	07/08/2006	2.5	1	3.25				
442	420442	19	H' Sô Nia Bhôk	07/08/2005	5.25	2	2.75				
443	420443	19	H' Sơ Bek Mlô	23/08/2006	5	1	4				
444	420444	19	H' Sơra Adrơng	19/01/2006	2.5	0	3				
445	420445	19	H' Sther Kbuôr	27/04/2006	6	0.5	4.75				
446	420446	19	Y' Sukin Eban	08/02/2006	4.5	1.25	1.75				
447	420447	19	Lý Huỳnh Tấn Tài	17/04/2006	5.25	3	4.75				
448	420448	19	La Tuấn Tài	02/01/2006	4.5	2.25	2				
449	420449	19	H' Tâm Ksơr	07/08/2006	4	0.5	3.75				
450	420450	19	Y Tân Niê	25/03/2005	1.75	0.5	1.5				
451	420451	19	Y Thac Hđok	28/07/2006	5.25	1	2.5				
452	420452	19	Y Than Niê	28/09/2006	3.75	0.5	3.75				
453	420453	19	H Thảo Ayũn	01/04/2006	6.5	0.5	2.25				
454	420454	19	Cầm Thị Phương Thảo	21/02/2006	7	6.25	5.5				
455	420455	19	Đặng Thị Thu Thảo	09/04/2006	#N/A	#N/A	#N/A				
456	420456	19	Đặng Thị Thảo	14/04/2006	5	0	1.25				
457	420457	20	Diệu Thảo Mlô	23/03/2006	4.75	0.25	2.75				
458	420458	20	Nguyễn Thị Phương Thảo	18/06/2006	7.75	5	4				
459	420459	20	Y- Thái Cil	28/01/2005	3	0.75	3				
460	420460	20	Lê Thị Hồng Thắm	19/02/2006	5.5	3.75	3				
461	420461	20	Lương Đức Thắng	12/02/2006	3.25	2.5	3.75				
462	420462	20	Y- Thiên Eban	17/06/2006	2.5	0	2.25				
463	420463	20	Y Thiêng Knul	02/04/2006	1	1	3.25				
464	420464	20	Y Thiết Ksơr	01/11/2006	5.25	1	2.5				
465	420465	20	Y- Thiện Mlô	13/07/2006	4.75	1.25	1.5				
466	420466	20	H Thĩ Kbuôr	10/05/2006	4	1	3.25				
467	420467	20	Chu Ngọc Thịnh	28/02/2006	5.5	3	3.75				
468	420468	20	Đoàn Nguyễn Văn Võ Đức Thịnh	19/07/2006	5.75	2.75	3.5				
469	420469	20	Nay H' Thoa	13/05/2006	4.5	0.25	3				
470	420470	20	Y Thoại Niê	14/07/2005	3.5	1	1.75				
471	420471	20	Y- Thông Chan Niê Ksơr	26/09/2006	5.5	1.5	3.5				
472	420472	20	Hứa Thị Thơm	20/06/2006	3	3	2.25				

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
473	420473	20	H' Thơm Niê	09/01/2006	2	0	2.75				
474	420474	20	Nguyễn Anh Thơ	03/12/2006	3	0.5	3.75				
475	420475	20	H- Thuận Siu	10/03/2006	3.25	0	2				
476	420476	20	Y Thuật Niê Kđăm	18/10/2006	3.75	2.5	2				
477	420477	20	Bùi Dương Thanh Thu	25/03/2006	7.25	8.5	8				
478	420478	20	H Thu Ksơr	25/01/2006	6	0.5	2.75				
479	420479	20	Võ Thị Hoài Thu	10/02/2006	6.75	3.5	3.25				
480	420480	20	Phan Đàm Duy Thuyên	23/03/2006	4.75	1.75	4				
481	420481	21	H Thuy Mlô	28/02/2006	2.5	0	3.75				
482	420482	21	Đinh Thị Thuỳ	07/11/2006	7	3.5	3.75				
483	420483	21	Hoàng Thị Thu Thuỳ	11/01/2006	7.5	2.75	5.5				
484	420484	21	H' Thuỳ Hwing	30/01/2006	4.25	0.5	3.75				
485	420485	21	Lang Thị Thuý	03/01/2006	5.25	0.5	3.25				
486	420486	21	Lê Ngọc Tỳ Thuý	06/06/2006	6	3.5	7.75				
487	420487	21	H' Thư Adrởng	26/11/2006	5.75	0.25	2.25				
488	420488	21	H' Thư Buôn Krông	21/10/2006	4.5	1	2.75				
489	420489	21	Hoàng Thị Minh Thư	13/03/2006	6.25	3.75	5.25				
490	420490	21	Hoàng Thị Minh Thư	10/05/2006	6.75	2.5	4				
491	420491	21	Lý Thị Thư	10/07/2006	3.5	0.25	3.25				
492	420492	21	H Thư Mlô	13/12/2006	6.5	6.5	8.5				
493	420493	21	Nông Thị Phương Thư	04/11/2006	4.75	7.5	4				
494	420494	21	Nông Thị Minh Thư	12/04/2006	5.75	1.25	3.75				
495	420495	21	H Thư Niê	18/03/2006	2	0	2.25				
496	420496	21	H Thương Byă	10/03/2006	5.5	4.25	3.25				
497	420497	21	Hoàng Thị Thương	19/02/2006	5.75	2.75	3.5				
498	420498	21	Nguyễn Hoài Thương	19/12/2006	6.25	6	4.75				
499	420499	21	H' Thương Niê	31/08/2006	1.75	1	2.5				
500	420500	21	Triệu Minh Thư	08/12/2006	4.75	3.5	3.25				
501	420501	21	H' Thức Li Ayũn	03/11/2005	3.5	0	3				
502	420502	21	Luân Thị Tiềm	24/07/2005	6.5	5.5	4.5				
503	420503	21	Đặng Công Tiến	24/12/2006	5	1	2.5				
504	420504	21	Ma Đức Tiến	23/09/2006	5.25	3	2.25				
505	420505	22	H Ti Gôn Bkrông	05/02/2006	6.25	0.25	3.5				
506	420506	22	Y' Tila Bkrông	07/06/2006	2	0.5	6				

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
507	420507	22	Y- Tim Kpă	02/02/2006	3.25	1	3.75				
508	420508	22	H' Timôthe Mlô	07/07/2006	3.33	0.25	3.25				
509	420509	22	Niê Y Ting	12/05/2006	1.75	0.5	2.5				
510	420510	22	Nay H' Tíu	15/02/2006	2.5	1.25	2.25				
511	420511	22	Y= Tram Mlô	17/05/2006	3.5	0.75	3.75				
512	420512	22	Hoàng Nữ Quỳnh Trang	01/12/2006	6.25	0.75	4				
513	420513	22	Hoàng Thị Huyền Trang	11/01/2006	6.75	3.75	3				
514	420514	22	Ksơr H' Trang	20/07/2006	2.25	0.75	3				
515	420515	22	Lưu Thị Huyền Trang	29/03/2006	6.75	3.25	3.5				
516	420516	22	Nguyễn Thị Thu Trang	25/05/2006	5.25	2.25	3.5				
517	420517	22	Nông Thị Quỳnh Trang	08/10/2006	5	2.25	2.5				
518	420518	22	Nguyễn Ngọc Huyền Trang	19/06/2006	6.25	5	4				
519	420519	22	Trần Thị Hà Trang	22/07/2006	7.5	6.25	6.5				
520	420520	22	Chu Thanh Trà	09/08/2006	4.75	4.5	2				
521	420521	22	Đặng Nguyễn Thanh Trà	25/01/2006	7.5	8.5	6.75				
522	420522	22	H' Trà My Mlô	20/04/2006	3.25	1	2.5				
523	420523	22	Nguyễn Thị Thanh Trà	22/07/2006	7	4.25	3.5				
524	420524	22	H Trâm Ayũn	12/06/2006	3.75	1	3.25				
525	420525	22	H Trâm Btô	02/09/2006	3	0	2.5				
526	420526	22	H Trâm Knul	11/10/2006	1.25	0	2.75				
527	420527	22	Lương Thị Ngọc Trâm	05/11/2006	5.5	0.5	1.75				
528	420528	22	H- Trâm Long Ding	04/04/2006	5	0.75	3.75				
529	420529	23	H' Trâm Mlô	19/04/2006	4	1.75	4.25				
530	420530	23	H Trâm Mlô	19/09/2006	6.5	1	4.75				
531	420531	23	Niê Huyền Trâm	12/05/2006	1.75	0	1.75				
532	420532	23	H Trem Niê	24/03/2006	1.75	0.5	3.25				
533	420533	23	Rahlan H Triêc	24/02/2006	3.75	0.75	2.75				
534	420534	23	H' Triệu - Hđok	11/10/2006	4.25	0.5	3.75				
535	420535	23	H' Trim Niê	14/07/2006	4	0	2.75				
536	420536	23	Bùi Tú Trinh	19/08/2006	4.5	3.75	2.5				
537	420537	23	H- Trinh Hđok	24/11/2006	4.75	2	2.75				
538	420538	23	Lê Thị Kiều Trinh	19/10/2006	6	3.25	3.75				
539	420539	23	Nguyễn Thị Tú Trinh	19/06/2006	5	0.5	1.5				
540	420540	23	Sạch Thị Phương Trinh	14/01/2006	5	3	2.75				

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
541	420541	23	Vi Thị Kiều Trinh	01/10/2006	4.5	0.5	2.75				
542	420542	23	H- Truc Eban	11/10/2006	5.25	2.25	2.75				
543	420543	23	H- Truyền Hmŏk	15/10/2006	1.25	0.25	2				
544	420544	23	Bùi Thị Thanh Trúc	20/06/2005	5.25	1	3				
545	420545	23	Hoàng Thị Thanh Trúc	17/03/2006	5.25	2	3				
546	420546	23	Mlô Nguyễn Thị Thanh Trúc	10/07/2006	3	0	1.75				
547	420547	23	Nay H' Trúc	07/03/2006	6.5	2.75	4.25				
548	420548	23	Võ Tá Trúc	20/11/2006	2.75	2.25	3.25				
549	420549	23	Lê Quang Trường	30/04/2006	5.5	3.75	3.5				
550	420550	23	Triệu Quang Trường	12/09/2006	4.5	0.75	3.75				
551	420551	23	Hoàng Anh Tuấn	03/04/2006	3.92	1.75	3.5				
552	420552	23	Lành Văn Tuấn	28/05/2005	5.25	1.75	4				
553	420553	24	Nguyễn Thị Bích Tuệ Niê	12/08/2006	5	0	3				
554	420554	24	Đỗ Thị Kim Tuyến	07/03/2006	4.08	3.75	3				
555	420555	24	H Tuyết Liêng	19/02/2006	5	0	2.25				
556	420556	24	Nông Thị Anh Tuyết	04/08/2006	5.92	2.25	3				
557	420557	24	H Tuyết Niê	18/08/2006	3.5	0	1				
558	420558	24	H Tuyết Niê	24/10/2005	5	2	3				
559	420559	24	Y Tuyl Hra	04/09/2006	2	0	2.5				
560	420560	24	Hoàng Văn Tùng	07/03/2006	3	2.75	2.5				
561	420561	24	Hứa Thanh Tùng	04/02/2006	4.75	2	2.5				
562	420562	24	Khà Cẩm Tú	07/12/2006	4.75	2	3.25				
563	420563	24	Hứa Thị Ty	26/01/2006	4.75	2	2.75				
564	420564	24	H' Up Ayũn	15/07/2006	6.75	3.5	5				
565	420565	24	Bing Lê Uyên	26/11/2006	5.5	3	3.75				
566	420566	24	Dương Thị Thảo Uyên	03/12/2006	5.25	2.75	2				
567	420567	24	Hà Thị Thanh Uyên	30/05/2006	5.25	0.5	3.75				
568	420568	24	Võ Hoàng Bảo Uyên Niê	01/10/2006	4.25	0.5	3.5				
569	420569	24	Triệu Thị Phương Uyên	17/06/2006	5	2	3.75				
570	420570	24	H Va Ni La Bdap	19/07/2006	4	0.5	3				
571	420571	24	Hoàng Thị Vân	26/03/2006	2.25	1.5	3.5				
572	420572	24	Hoàng Thị Vân	10/10/2006	3.5	1.5	2.75				
573	420573	24	Nông Thị Thanh Vân	28/04/2006	6	3.5	3.25				
574	420574	24	Vũ Hà H' Vi Knul	09/10/2006	4	0	3.5				

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
575	420575	24	H' Vi Ktla	01/01/2006	5.5	2.25	3.75				
576	420576	24	Hà Thị Vinh	26/05/2006	6.5	3.25	4.75				
577	420577	25	Dương Thế Vĩ	15/03/2006	4.75	2.5	3.75				
578	420578	25	Trần Khánh Vĩnh	27/08/2006	3.75	0.75	3.75				
579	420579	25	H Voan Bhôk	16/08/2006	3.75	0	3.5				
580	420580	25	Triệu Quang Vũ	08/06/2006	7.5	3.25	3.75				
581	420581	25	H- Vy Hằng Byă	03/02/2006	4.25	0.75	4.5				
582	420582	25	Triệu Thị Hồng Vy	11/08/2006	6.25	3.25	4.25				
583	420583	25	Thạch Thị Trà Vy	03/08/2006	4.5	2.5	2.25				
584	420584	25	Triệu Thảo Vy	23/01/2006	7	6	3				
585	420585	25	Lương Triều Vỹ	08/11/2006	4.75	5.5	3				
586	420586	25	Lương Chiều Vỹ	16/01/2006	6.25	8.5	5.25				
587	420587	25	Y; Wel Mlô	23/12/2006	4.25	0.75	1.25				
588	420588	25	H' Wim Niê	23/07/2006	3.5	0.25	2.75				
589	420589	25	H- Wor Niê	04/07/2006	2.5	0.75	3.25				
590	420590	25	Y- Wương - Ktla	09/07/2006	4.5	0	3.5				
591	420591	25	Mông Thị Xanh	24/04/2006	4	1.25	2.75				
592	420592	25	Huỳnh Thị Thanh Xuân	11/06/2006	4	0.5	2.5				
593	420593	25	Đàm Ngọc Xuân Niê	17/02/2006	5.75	4	2.5				
594	420594	25	Phạm Thị Thanh Xuân	01/01/2006	6.5	3	2.75				
595	420595	25	Tơ Thị Xuân	06/03/2006	4.75	1	2.5				
596	420596	25	H' Xuyến Eban	02/01/2006	5.5	1	1.5				
597	420597	25	Ma Thị Thu Yên	07/09/2006	6.5	4.75	4.25				
598	420598	25	Ma Thị Yêu	10/07/2006	3.5	1.5	3				
599	420599	26	Bùi Thị Hải Yến	26/07/2006	5.5	5.5	4.5				
600	420600	26	Cao Yến Yến	08/03/2006	4.75	0.75	3				
601	420601	26	Lục Thị Hải Yến	26/10/2006	6.5	5	4				
602	420602	26	Lưu Thị Ngọc Yến	24/02/2006	4.75	1.75	2.5				
603	420603	26	Lộc Thị Yến	15/06/2006	6.25	2.75	3.25				
604	420604	26	H Yến Liêng Hót	01/04/2006	3.5	0	3				
605	420605	26	Niê Phạm Thảo Yến	25/09/2006	5	2.5	3.5				
606	420606	26	H Yoa Niê	09/11/2006	4	1	2.75				
607	420607	26	H' Yuě Hmŏk	10/03/2006	5	1.5	2.25				
608	420608	26	H' Yuit Kbuôr	21/05/2006	5.5	4.75	4				

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
609	420609	26	H Yươc Hlõng	16/12/2006	5.25	0.5	2.75				
610	420610	26	Nay Thị Như Y	14/08/2006	2	0	2.75				
611	420611	26	Trương Như Y	31/10/2006	7.5	3.75	3.25				
612	420612	26	H- Ze Mi Eban	13/01/2006	6	1.5	3.75				
613	420613	26	Y- Zeni Niê	27/10/2006	1.75	0	1.5				
614	420614	26	H Zenly - Ktla	11/12/2006	7.5	4	4.25				
615	420615	26	Y- Zenô Niê	27/10/2006	2.5	0.25	3.75				
616	420616	26	H' Ziệp - Hwing	20/10/2006	5.5	1	2.5				
617	420617	26	H Zu Eban	18/02/2006	2.75	0	2.5				
618	420618	26	H Zuly Niê	19/05/2006	5.25	0.5	2.25				
619	420619	26	Y- Zumy - Hwing	09/12/2006	3.75	0.75	3.25				
620	210001	P.01	Nguyễn Bảo An	10/03/2006	6.75	8	8.75	2.75	TA		
621	210002	P.01	Nguyễn Phan Bình An	23/04/2006	5.5	6	8	3.43	TA		
622	210003	P.01	Vũ Hữu Bình An	01/01/2006	7.5	5.5	8	3.6	TA		
623	210004	P.01	Đặng Nhật Hà An	03/10/2006	6	6	6.75	2.1	TA		
624	210005	P.01	Phạm Hà An	30/01/2006	8.5	7.5	7.75	2.45	TA		
625	210006	P.01	Bùi Đặng Hoài An	15/08/2006	6.5	5.5	8	3.03	TA	Lịch sử	
626	210007	P.01	Phạm Thị Hoài An	15/05/2006	6.25	5	8.75	4.15	TA	Địa lí	
627	210008	P.01	Tô Minh An	22/02/2006	6	5.75	8.75	5.75	TA		
628	210009	P.01	Bùi Thị Như An	25/09/2006	6.5	7.75	8.75	4.3	TA	0	
629	210010	P.01	Đinh Bảo Anh	12/01/2006	6	6.75	5.75	1.2	TA		
630	210011	P.01	Mai Châu Anh	19/03/2006	5.5	7.75	7.5	2.75	TA		
631	210012	P.01	Đỗ Đức Anh	22/06/2006	5.25	5.75	5.25	1.93	TA		
632	210013	P.01	Lương Thị Hà Anh	01/03/2006	7.25	6	7.25	3.3	TA		
633	210014	P.01	Trần Hoài Anh	28/05/2006	8.25	5.25	9	4.05	TA		
634	210015	P.01	Hồ Thị Hòa Anh	24/04/2006	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	TA		
635	210016	P.01	Trần Nguyễn Lam Anh	17/08/2006	5	5.25	6.5	0.85	TA		
636	210017	P.01	Hoàng Ngọc Lan Anh	20/03/2006	5.5	3	7.5	2.75	TA		
637	210018	P.01	Phạm Vũ Linh Anh	15/01/2006	7.25	9	9.75	6.78	TA		
638	210019	P.01	Nguyễn Thị Mai Anh	15/02/2006	7	6.25	7	3.65	TA		
639	210020	P.01	Đặng Thị Minh Anh	19/07/2006	7.58	8.25	8	3.4	TA		
640	210021	P.01	Nguyễn Phạm Minh Anh	19/06/2006	7.25	7.5	9	3.45	TA		
641	210022	P.01	Trần Mai Phương Anh	04/09/2006	6.25	5.25	6.75	2.95	TA		
642	210023	P.01	Vũ Quang Anh	16/06/2006	7.5	7.83	9.25	4.6	TA		

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
643	210024	P.01	Trần Quốc Anh	07/08/2006	5.75	4.75	7	1	TA		
644	210025	P.02	Lê Quỳnh Anh	18/08/2006	8.83	7.25	8.75	3.9	TA		
645	210026	P.02	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	01/05/2006	6.75	9.5	9	4.3	TA		
646	210027	P.02	Nguyễn Quách Trí Anh	26/08/2006	6.75	6	6.5	1.98	TA		
647	210028	P.02	Nguyễn Đình Tuấn Anh	23/11/2006	6.5	4.75	7	2.25	TA		
648	210029	P.02	Lê Thị Ngọc Ánh	21/10/2006	8	7	9	4.6	TA		
649	210030	P.02	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	25/09/2006	6	4.75	7.25	2.8	TA	Địa lí	
650	210031	P.02	Nguyễn Lê Ngọc Ánh	12/09/2006	5.5	5.25	8.25	2.65	TA		
651	210032	P.02	Bùi Nhật Ánh	19/11/2006	9	8.25	9.75	5.58	TA		
652	210033	P.02	Trần Gia Nhật Ánh	09/10/2006	4	3	6.75	3.2	TA		
653	210034	P.02	Hà Mai Thiên Ân	10/07/2006	7.25	7.75	8.5	4	TA	Lịch sử	
654	210035	P.02	Nguyễn Phan An Bảo	10/11/2006	8.25	5	9.75	4.25	TA		
655	210036	P.02	Hoàng Đức Bảo	10/10/2006	7.5	7.25	9.25	6	TA		
656	210037	P.02	Nguyễn Gia Bảo	02/09/2006	6.5	7	8.25	3.2	TA		
657	210038	P.02	Lê Trần Gia Bảo	01/05/2006	6	6	7.75	2.35	TA		
658	210039	P.02	Nguyễn Anh Hoài Bảo	28/08/2006	6.5	3.5	7.25	2.75	TA		
659	210040	P.02	Nguyễn Văn Bảo	07/06/2006	4.5	8	5.75	1.08	TA		
660	210041	P.02	Nguyễn Thái Bình	06/07/2006	6.5	2.25	9	4.48	TA		
661	210042	P.02	Hoàng Thị Diệu Cầm	06/07/2006	6	3.25	3	0.88	TA		
662	210043	P.02	Nguyễn Lê Hoàng Cầm	15/09/2006	6	1.75	4.5	2.68	TA	Lịch sử	
663	210044	P.02	Lê Ngọc Bảo Châu	25/11/2006	6.5	7.67	9.5	3.53	TA		
664	210045	P.02	Bùi Ngọc Minh Châu	04/07/2006	7.5	8.5	8.5	4.7	TA		
665	210046	P.02	Nguyễn Minh Chi	15/11/2006	6.25	6.08	8.75	4.2	TA		
666	210047	P.02	Bùi Trung Chính	13/04/2006	5	4	4.25	1.43	TA		
667	210048	P.02	Trịnh Nguyễn Phương Danh	11/12/2006	4	7	8	3.4	TA		
668	210049	P.03	Nguyễn Đình Duy	13/01/2006	7.5	2.75	7	2.15	TA		
669	210050	P.03	Lê Bá Nguyên Duy	17/12/2006	1.75	2.25	8.75	2.78	TA		
670	210051	P.03	Dương Trần Thái Duy	15/02/2006	6.25	7	8.25	3.05	TA	Địa lí	
671	210052	P.03	Nguyễn Khánh Duyên	05/06/2006	5.75	8	9	3.83	TA		
672	210053	P.03	Cao Kỳ Duyên	19/09/2006	6.75	7.25	7.75	2.55	TA		
673	210054	P.03	Nguyễn Hữu Dũng	12/11/2006	5	3.25	4.75	1.28	TA		
674	210055	P.03	Nguyễn Mai Lân Dũng	31/10/2006	4.75	3.5	7.5	3.35	TA		
675	210056	P.03	Hoàng Ngô Quốc Dũng	15/03/2006	5.25	2.5	8	3.78	TA		
676	210057	P.03	Nguyễn Thùy Dương	28/08/2006	7	3.25	6	1.83	TA		

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
677	210058	P.03	Bùi Khánh Đan	02/10/2006	5.5	3.25	6.25	1.8	TA		
678	210059	P.03	Phan Hải Đăng	04/06/2006	6.08	8.5	9.5	5.7	TA		
679	210060	P.03	Dương Thành Đạt	25/06/2006	4.5	2.5	3.25	1.63	TA		
680	210061	P.03	Lê Anh Đức	03/03/2006	7.5	7.75	9.25	6.58	TA		
681	210062	P.03	Nguyễn Hồ Châu Giang	09/05/2006	7	7	7.25	2.25	TA	Lịch sử	
682	210063	P.03	Ngô Hà Giang	05/04/2006	5.75	7.75	9.75	4.4	TA		
683	210064	P.03	Ngô Ngọc Quỳnh Giang	22/05/2006	6.25	3.75	7.25	2.33	TA	Lịch sử	
684	210065	P.03	Vũ Thị Giang	09/02/2006	7	3	7.25	1.93	TA		
685	210066	P.03	Hồ Thị Trà Giang	04/03/2006	7	3.75	6.75	3.9	TA		
686	210067	P.03	Ngô Thị Ngọc Hà	30/05/2006	6.75	8.5	8.75	4.4	TA		
687	210068	P.03	Hoàng Thanh Hà	03/08/2006	4	6.5	5	1.7	TA		
688	210069	P.03	Nguyễn Vy Hà	01/07/2006	6	5	7.5	2.25	TA	Lịch sử	
689	210070	P.03	Nguyễn Văn Minh Hào	03/09/2006	5.75	9	9.25	5.65	TA		
690	210071	P.03	Nguyễn Văn Nhật Hào	03/09/2006	5.5	7.75	10	6.55	TA		
691	210072	P.03	Huỳnh Bảo Hân	17/03/2006	6.92	6.75	7.75	3.6	TA		
692	210073	P.04	Phạm Võ Gia Hân	01/06/2006	5	8.5	7.25	1.88	TA		
693	210074	P.04	Đỗ Thị Ngọc Hân	09/03/2006	6.25	7.25	8.75	4.08	TA		
694	210075	P.04	Nguyễn Ngọc Hân	18/03/2006	6.25	8.5	9	4.9	TA		
695	210076	P.04	Nguyễn Nữ Ngọc Hân	07/05/2006	6.5	7.5	8.25	3.28	TA		
696	210077	P.04	Trần Ngọc Hân	14/05/2006	7.75	8.5	8.75	4.45	TA	Địa lí	
697	210078	P.04	Trần Võ Tú Hân	21/01/2006	5.5	1.75	7.5	2.55	TA		
698	210079	P.04	Mai Thị Mỹ Hằng	29/9/2006	7.5	7	7.5	2.3	TA		
699	210080	P.04	Nguyễn Thị Thúy Hằng	06/07/2006	8	7.25	6.5	2.65	TA		
700	210081	P.04	Dương Tống Khánh Hạ	29/12/2006	5.25	4.5	5	2.13	TA		
701	210082	P.04	Đào Thị Khiết Hạ	11/07/2006	5	1.5	6.5	2.23	TA	Lịch sử	
702	210083	P.04	Nguyễn Vũ Hồng Hạnh	21/08/2006	6.75	6.17	9.75	3.68	TA		
703	210084	P.04	Nguyễn Nhật Hiếu	14/11/2006	6.5	9	9.25	4.88	TA		
704	210085	P.04	Nguyễn Trọng Hiếu	17/10/2006	4.5	7.5	7	1.78	TA		
705	210086	P.04	Nguyễn Thị Thu Hiền	19/03/2006	7.25	6	8	2	TA		
706	210087	P.04	Nguyễn Văn Hiệp	28/07/2006	7.5	7.5	8.75	3.93	TA		
707	210088	P.04	Ngô Ngọc Hoa	23/04/2006	7.25	6	7.75	2	TA		
708	210089	P.04	Tạ Lâm Hoan	18/10/2005	7.42	6.75	8.25	3	TA		
709	210090	P.04	Phạm Thị Khánh Hoàn	14/01/2006	8	8.5	9.5	6.35	TA		
710	210091	P.04	Lê Duy Hoàng	27/05/2006	6	3.25	7.75	1.33	TA		

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
711	210092	P.04	Vũ Lê Hoàng	08/04/2006	6.5	6.5	8	4	TA		
712	210093	P.04	Ngô Xuân Minh Hoàng	13/02/2006	6.25	5.5	7	1.3	TA		
713	210094	P.04	Nguyễn Hòa	15/05/2006	7.75	7.5	9	5.1	TA		
714	210095	P.04	Nguyễn Lê Bích Hợp	30/11/2006	7	6.25	6.5	2.8	TA	Lịch sử	
715	210096	P.04	Nguyễn Đình Anh Huy	12/11/2006	5	4.5	7.75	3.75	TA		
716	210097	P.05	Nguyễn Lê Đức Huy	25/04/2005	7.5	8.5	9.25	5.55	TA		
717	210098	P.05	Trương Trần Minh Huy	01/10/2006	8	9	10	5.38	TA		
718	210099	P.05	Mai Nhất Huy	29/01/2006	7.5	6.5	7	1.33	TA	Địa lí	
719	210100	P.05	Trương Lê Thanh Huyền	03/03/2006	7.25	7.5	9.5	2.98	TA	Địa lí	
720	210101	P.05	Thái Nguyễn Thanh Huyền	29/10/2006	6.75	8.25	9.5	5.35	TA	Lịch sử	
721	210102	P.05	Nguyễn Duy Hùng	28/06/2006	6.75	6.75	6	1.6	TA		
722	210103	P.05	Đoàn Phi Hùng	02/01/2006	4.5	2.75	8.25	1.67	TA		
723	210104	P.05	Võ Minh Hương	22/12/2006	6	3.5	7.75	4.5	TA	Địa lí	
724	210105	P.05	Bạch Thanh Hương	08/11/2006	8.5	8.5	9.25	3.73	TA		
725	210106	P.05	Võ Thiên Hương	09/03/2006	8.5	9.5	9.5	5.1	TA		
726	210107	P.05	Võ Tuấn Khang	20/08/2006	3	2	6.5	0.8	TA		
727	210108	P.05	Nguyễn Thị Bảo Khánh	22/01/2006	7.5	8	8.25	2.83	TA		
728	210109	P.05	Trần Bảo Khánh	22/01/2006	8.5	8	9.75	5	TA		
729	210110	P.05	Nguyễn Hữu Khánh	26/03/2006	6.5	3.25	7.25	1.53	TA		
730	210111	P.05	Nguyễn Kim Khánh	02/09/2006	8.5	8.5	8.25	4.75	TA	Lịch sử	
731	210112	P.05	Lê Quốc Khánh	30/08/2006	6	8.5	7.25	2.5	TA		
732	210113	P.05	Nguyễn Quang Khải	14/04/2006	9	8.75	9.75	3.98	TA		
733	210114	P.05	Bùi Anh Khoa	23/06/2006	5.5	6	8.75	3.8	TA		
734	210115	P.05	Trương Hữu Minh Khôi	26/07/2006	7	7.25	9.75	2.9	TA	0	
735	210116	P.05	Trần Thị Minh Khuê	06/11/2006	6.75	7.75	8.5	4.05	TA		
736	210117	P.05	Trần Quốc Khương	08/01/2006	6.25	6	6.5	3.05	TA		
737	210118	P.05	Hà Bảo Lâm	29/06/2006	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	TA		
738	210119	P.05	Đoàn Ngọc Lâm	17/09/2006	6.25	7.75	9.75	7.15	TA		
739	210120	P.05	Lê Nguyễn Vân Lê	16/03/2006	6.75	6.5	6.75	1.05	TA	Lịch sử	
740	210121	P.06	Nguyễn Ngọc Diệu Linh	13/01/2006	5.25	7.25	7	1.75	TA		
741	210122	P.06	Châu Khánh Linh	25/11/2006	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	TA		
742	210123	P.06	Hoàng Khánh Linh	09/08/2006	6.25	7.25	7.5	3.68	TA		
743	210124	P.06	Nguyễn Thị Khánh Linh	30/12/2006	7.75	8.25	9	6.7	TA		
744	210125	P.06	Nguyễn Trần Khánh Linh	02/09/2006	7.25	5.25	9	4	TA	Địa lí	

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
745	210126	P.06	Phạm Khánh Linh	26/02/2006	6.75	5	7.75	3.23	TA		
746	210127	P.06	Nguyễn Thị Mỹ Linh	02/11/2006	5.75	6.5	7	2.35	TA		
747	210128	P.06	Huỳnh Ngọc Linh	17/08/2006	8	9.25	9.5	4.9	TA		
748	210129	P.06	Cao Nguyễn Phương Linh	25/12/2006	5.25	4.75	7	1.7	TA		
749	210130	P.06	Nguyễn Phương Linh	08/07/2006	7	8.5	9.5	5.2	TA		
750	210131	P.06	Đặng Thuỳ Linh	27/02/2006	6.5	8	10	4.4	TA		
751	210132	P.06	Nguyễn Ngọc Thuỳ Linh	18/03/2006	6.75	6	9	3.68	TA		
752	210133	P.06	Nguyễn Thị Thùy Linh	09/08/2006	5.75	2	3.25	1.08	TA		
753	210134	P.06	Thái Thùy Linh	20/11/2006	6.5	9.25	3.5	1.23	TA		
754	210135	P.06	Võ Thị Thùy Linh	11/10/2006	6.75	8	8.75	2.68	TA	Lịch sử	
755	210136	P.06	Bùi Bá Trường Long	18/01/2006	4	4.75	7.75	3.45	TA		
756	210137	P.06	Phạm Hà Ly	19/12/2006	5.75	8.75	6.5	2.33	TA		
757	210138	P.06	Hồ Thị Khánh Ly	21/11/2006	8.25	7.25	7.25	2.7	TA	Địa lí	
758	210139	P.06	Nguyễn Thị Thảo Ly	04/08/2006	8	3.75	8.5	4	TA		
759	210140	P.06	Lê Ngọc Trúc Ly	19/04/2006	5.25	5.5	8.75	3.35	TA		
760	210141	P.06	Trần Phương Mai	13/06/2006	6.83	1.25	5	0.9	TA		
761	210142	P.06	Hoàng Nghĩa Mạnh	08/05/2006	7.33	4	9.75	6.38	TA		
762	210143	P.06	Nguyễn Trung Anh Minh	29/04/2006	7	6	9.5	3.4	TA		
763	210144	P.06	Nguyễn Chiêu Minh	01/07/2006	6.5	5.5	8.5	2.48	TA		
764	210145	P.07	Diệp Minh	15/06/2006	6.5	7.5	7.5	2.75	TA		
765	210146	P.07	Trần Lê Minh	16/08/2006	7.25	7.75	8.75	4.65	TA		
766	210147	P.07	Nguyễn Quang Minh	29/01/2006	6.75	8.5	9.75	4.08	TA		
767	210148	P.07	Trương Quang Minh	22/03/2006	7.75	4	8.75	5.65	TA		
768	210149	P.07	Võ Trung Minh	16/03/2006	6	8	8.5	2.2	TA		
769	210150	P.07	Lê Mỹ Diệu My	09/06/2006	7	7.25	9.25	5.8	TA		
770	210151	P.07	Nguyễn Thanh Hà My	26/08/2006	7.25	5.5	5.25	1.2	TA	Địa lí	
771	210152	P.07	Trần Hà Vy	06/02/2006	7	3.5	5.5	1.18	TA	Lịch sử	
772	210153	P.07	Nguyễn Nguyên My	20/07/2006	5	5.5	6	2.23	TA	Địa lí	
773	210154	P.07	Nguyễn Thị Trà My	09/01/2006	6	4.75	7.25	2.75	TA		
774	210155	P.07	Nguyễn Lê Ly Na	01/03/2006	4.25	2.75	5.5	1.8	TA		
775	210156	P.07	Võ Đỗ Nhất Nam	06/09/2006	8.75	8	7.75	4.2	TA		
776	210157	P.07	Phan Nguyễn Thành Nam	18/05/2006	6.75	7.5	7.5	3.2	TA		
777	210158	P.07	Phạm Hoàng Thiên Nga	21/03/2006	5.5	3.75	8.5	5.65	TA		
778	210159	P.07	Nguyễn Tú Nga	05/02/2006	8	8.5	8.25	4.03	TA		

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
779	210160	P.07	Phạm Trần Thảo Ngân	13/05/2006	8.5	5.75	8.75	4.1	TA		
780	210161	P.07	Võ Bảo Ngân	29/01/2006	7.75	5.75	8	4.28	TA	Địa lí	
781	210162	P.07	Lê Thị Thanh Ngân	28/06/2006	7	6.75	7	2.88	TA		
782	210163	P.07	Nguyễn Thiên Ngân	13/08/2006	9	8.5	9.5	5	TA		
783	210164	P.07	Trần Nguyễn Thục Nghi	20/02/2006	4.5	3.5	6	2.05	TA	Lịch sử	
784	210165	P.07	Mai Hồng Ánh Ngọc	11/04/2006	7	6.5	6.75	1.85	TA		
785	210166	P.07	Đỗ Bảo Ngọc	18/07/2006	6.5	8.5	6.75	1.7	TA	Lịch sử	
786	210167	P.07	Trần Vũ Bảo Ngọc	09/03/2006	8	3.75	7.5	2.98	TA		
787	210168	P.07	Phạm Bích Ngọc	16/09/2006	6.5	5.5	6.75	2.15	TA		
788	210169	P.08	Trần Thị Bích Ngọc	23/09/2006	5.75	4.5	6.25	2.88	TA		
789	210170	P.08	Lê Khánh Ngọc	22/02/2006	6.25	8.25	6.25	0.88	TA	Lịch sử	
790	210171	P.08	Ngô Nguyễn Khánh Ngọc	25/09/2006	6.25	8.5	8	2.55	TA	Địa lí	
791	210172	P.08	Từ Hoàng Tiểu Ngọc	27/11/2006	5.5	5.5	8.5	3.65	TA		
792	210173	P.08	Nguyễn Hạnh Nguyên	08/02/2006	5.25	4.75	8	4.73	TA		
793	210174	P.08	Đặng Lê Khôi Nguyên	02/08/2006	4.5	5.25	6.25	1.93	TA	0	
794	210175	P.08	Nguyễn Đoàn Khôi Nguyên	24/09/2006	6.25	8.25	9.5	6.2	TA		
795	210176	P.08	Lê Nguyên	14/09/2006	6.5	8.25	9.25	5.6	TA		
796	210177	P.08	Nguyễn Phan Nguyên	06/05/2006	5.5	7.25	9.25	4.45	TA	Lịch sử	
797	210178	P.08	Nguyễn Phương Nguyên	01/09/2006	7.5	9	8.75	4.65	TA	Lịch sử	
798	210179	P.08	Hà Sỹ Nguyên	23/01/2006	7.25	8.5	9.25	4.85	TA		
799	210180	P.08	Đinh Trần Tấn Nguyên	17/08/2006	7.5	6	9	4.7	TA		
800	210181	P.08	Nguyễn Phương Thảo Nguyên	22/09/2006	5.75	6	7.5	3	TA		
801	210182	P.08	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	18/02/2006	8	8.25	8	3.48	TA	Địa lí	
802	210183	P.08	Phạm Nguyễn Thảo Nguyên	18/09/2006	7.75	7.75	8.75	4.8	TA		
803	210184	P.08	Tạ Thị Thảo Nguyên	18/12/2006	7.5	7.25	8.75	2.65	TA		
804	210185	P.08	Nguyễn Hữu Thiện Nhân	22/03/2006	7.5	7	9	2.55	TA		
805	210186	P.08	Nguyễn Thị Kim Nhạn	10/02/2006	7	8.25	9.25	4.13	TA		
806	210187	P.08	Đoàn Dũ Hạnh Nhi	24/09/2006	5.5	8.25	9	2.7	TA	Địa lí	
807	210188	P.08	Nguyễn Ngọc Hạnh Nhi	18/07/2006	8	8.75	8.25	4.2	TA		
808	210189	P.08	Mai Nguyễn Hoàng Nhi	25/06/2006	7.75	6.75	9.25	4.65	TA		
809	210190	P.08	Lưu Hồng Nhi	08/04/2006	7.33	4.5	8	3.68	TA		
810	210191	P.08	Nguyễn Nhật Nhi	08/01/2006	7.25	2	7	1.48	TA		
811	210192	P.08	Nguyễn Lê Quỳnh Nhi	28/07/2006	7.75	7.75	9	3.25	TA		
812	210193	P.09	Phan Hoàng Thảo Nhi	24/05/2006	6	8.75	6.75	1.9	TA		

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
813	210194	P.09	Vũ Trần Thục Nhi	23/12/2006	7.5	8.5	9.25	3.7	TA		
814	210195	P.09	Hoàng Đặng Uyên Nhi	26/11/2006	6.5	4.25	6.75	1.23	TA	Lịch sử	
815	210196	P.09	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	17/05/2006	6.75	7	7.25	2.1	TA	Địa lí	
816	210197	P.09	Võ Yến Nhi	21/06/2006	6.5	8.25	9.5	4.75	TA		
817	210198	P.09	Phan Gia Như	17/10/2006	6.75	4.75	5.5	1.5	TA		
818	210199	P.09	Nguyễn Lê Hà Như	11/04/2006	8.5	6.75	9	5.03	TA		
819	210200	P.09	Đinh Thị Quỳnh Như	27/10/2006	6.5	8	9.25	4.23	TA		
820	210201	P.09	Nguyễn Thị Quỳnh Như	06/06/2006	8.25	8.25	9.25	3.48	TA		
821	210202	P.09	Nguyễn Thị Minh Oanh	26/03/2006	6.5	6.5	8.25	2.95	TA	Lịch sử	
822	210203	P.09	Mai Mạnh Đức Phát	07/02/2006	5	4	8.5	3.48	TA		
823	210204	P.09	Phan Duy Phong	23/03/2006	7.75	7.75	8.75	4.25	TA		
824	210205	P.09	Nguyễn Hoàng Phong	04/12/2006	6.5	8.5	8.5	4.7	TA		
825	210206	P.09	Nguyễn Khắc Phong	07/10/2006	4.75	2	4	0.63	TA		
826	210207	P.09	Trần Thiện Phú	07/04/2006	7.5	8	8.25	3.7	TA		
827	210208	P.09	Nguyễn Thị Diễm Phúc	27/03/2006	8.75	8.25	8.75	4.06	TA	Lịch sử	
828	210209	P.09	Phạm Hoàng Phúc	21/12/2006	8.25	8.5	9.25	2.7	TA		
829	210210	P.09	Bùi Thọ Phúc	18/07/2006	5.25	6.75	7	2.8	TA		
830	210211	P.09	Bùi Hà Phương	04/04/2006	8	7.75	7	2.55	TA	Địa lí	
831	210212	P.09	Đào Thu Phương	01/08/2006	7	2.25	6.25	2.13	TA		
832	210213	P.09	Tô Thu Phương	29/11/2006	7.25	7.75	8.25	3.9	TA		
833	210214	P.09	Nguyễn Kim Thiên Phước	02/10/2006	7	7	9	4.78	TA		
834	210215	P.09	Lê Hồ Duy Quang	26/12/2006	8	6.5	8.5	3.6	TA		
835	210216	P.09	Phạm Nhật Quang	30/08/2006	6.75	6.25	10	6.38	TA		
836	210217	P.10	Đoàn Minh Quân	27/02/2006	4	1.25	5.25	2	TA		
837	210218	P.10	Lê Minh Quân	14/09/2006	6.5	9.25	9.25	5.6	TA		
838	210219	P.10	Đồng Lê Nhật Quỳnh	05/07/2006	9	5	8.5	3.8	TA		
839	210220	P.10	Trương Thái Sơn	14/06/2006	6.75	5.75	9.5	3.1	TA		
840	210221	P.10	Hồ Hoàng Tâm	17/09/2006	6.25	4	6.5	1.8	TA		
841	210222	P.10	Nguyễn Lưu Ngọc Thành	30/10/2006	5	8.5	8.25	4.85	TA		
842	210223	P.10	Bùi Tuấn Thành	27/12/2006	5.5	5	7.5	4.05	TA		
843	210224	P.10	Nguyễn Cảnh Thắng	17/02/2006	5.75	4	8.25	2.93	TA		
844	210225	P.10	Vũ Đức Thắng	09/08/2006	5	8.25	5.5	1.65	TA		
845	210226	P.10	Hoàng Tạ Nguyên Thảo	30/08/2006	8.25	8.25	9.5	6.35	TA		
846	210227	P.10	Hoàng Thị Phương Thảo	02/02/2006	6.25	7.25	9	4.93	TA		

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
847	210228	P.10	Nguyễn Võ Phương Thảo	28/08/2006	3.5	1.25	6.5	2.5	TA		
848	210229	P.10	Trần Phương Thảo	08/03/2006	8.25	8.5	9.5	5.05	TA		
849	210230	P.10	Trần Thị Phương Thảo	15/08/2006	8	4.25	6.25	2.75	TA		
850	210231	P.10	Đặng Thanh Thảo	04/12/2006	6.75	3.75	8.25	3.05	TA		
851	210232	P.10	Huỳnh Uyên Thảo	01/10/2006	8	8.5	8.25	5.38	TA		
852	210233	P.10	Bùi Ngọc Đức Thiện	01/10/2006	7.5	7.25	8.75	5.33	TA	Lịch sử	
853	210234	P.10	Phạm Quang Thiện	14/03/2006	6	7.25	8.75	5.35	TA		
854	210235	P.10	Nguyễn Toàn Thiện	06/05/2006	5	6.5	10	5.15	TA	Địa lí	
855	210236	P.10	Huỳnh Phạm Hữu Thời	19/03/2006	7	8	9	5.83	TA	Lịch sử	
856	210237	P.10	Phạm Thị Như Thủy	24/07/2006	7.75	8.75	9.25	3.68	TA		
857	210238	P.10	Nguyễn Anh Thư	04/02/2006	7	6.75	8.75	3.53	TA	Địa lí	
858	210239	P.10	Trần Anh Thư	23/05/2006	6.25	5.25	7.25	2.78	TA		
859	210240	P.10	Văn Hoài Thư	01/01/2006	6	2.25	6.5	0.8	TA	Địa lí	
860	210241	P.11	Trần Khánh Thư	03/03/2006	7.75	9.5	9.25	5.8	TA		
861	210242	P.11	Nguyễn Minh Thư	09/06/2006	9	8	9.25	5.3	TA		
862	210243	P.11	Nguyễn Thị Minh Thư	10/09/2006	6.5	6.25	8.75	3.05	TA		
863	210244	P.11	Trần Nguyễn Hoài Thương	30/04/2006	9	8.5	10	5.5	TA		
864	210245	P.11	Trần Nhật Bảo Thy	30/01/2006	8.25	4.25	9.5	3.35	TA		
865	210246	P.11	Đinh Thị Quỳnh Thy	28/03/2006	7	5.75	8.25	3.35	TA	Địa lí	
866	210247	P.11	Nguyễn Thị Thùy Tiên	05/06/2006	4.33	2.75	2.75	1.18	TA		
867	210248	P.11	Lê Trịnh Thủy Tiên	10/02/2006	7.25	4.5	8	3.4	TA	Lịch sử	
868	210249	P.11	Nguyễn Thủy Tiên	04/10/2006	3.5	2.75	4.5	1.6	TA	Địa lí	
869	210250	P.11	Võ Ngọc Thủy Tiên	23/03/2006	6	3.75	5.75	1.23	TA		
870	210251	P.11	Phan Nguyễn Công Tiến	07/03/2006	6.5	7.75	7.5	1.88	TA		
871	210252	P.11	Hoàng Văn Tiến	19/08/2006	6.25	8.25	7.5	2.58	TA		
872	210253	P.11	Huỳnh Trường Tin	05/07/2006	6.25	4	7.5	3.45	TA		
873	210254	P.11	Nguyễn Ngọc Toàn	17/05/2006	6.25	6	8.75	5.05	TA		
874	210255	P.11	Phạm Thị Huyền Trang	04/01/2006	7.25	8.5	8.75	3.48	TA		
875	210256	P.11	Trần Ngọc Huyền Trang	03/06/2006	7.5	5.5	6.25	2.3	TA	Lịch sử	
876	210257	P.11	Nguyễn Ngọc Khánh Trang	31/08/2006	6.5	5	8.5	2.88	TA		
877	210258	P.11	Dương Thuỳ Trang	27/01/2006	7.5	8.5	9.25	5.48	TA		
878	210259	P.11	Đỗ Thùy Trang	12/03/2006	5.75	6.75	9	3.6	TA	Địa lí	
879	210260	P.11	Trần Thị Thùy Trang	02/01/2006	8.5	8.5	9.25	4.75	TA		
880	210261	P.11	Hồ Anh Trâm	12/01/2006	5.75	6	8.25	2.4	TA		

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
881	210262	P.11	Vương Nguyễn Bảo Trâm	04/05/2006	7.25	8.5	8	2.35	TA		
882	210263	P.11	Hoàng Hà Phương Trâm	15/04/2006	7	6.75	9	3.45	TA		
883	210264	P.11	Phạm Thảo Trâm	05/03/2006	8	8	8.5	2.48	TA	Địa lí	
884	210265	P.12	Nguyễn Phan Thùy Trâm	02/08/2006	7.5	3.75	8.25	3.93	TA		
885	210266	P.12	Ngô Phan Thùy Trâm	05/03/2006	6.25	5.25	7.5	1.65	TA	Địa lí	
886	210267	P.12	Nguyễn Bảo Trân	02/07/2006	6.75	9	9.25	5.35	TA		
887	210268	P.12	Trịnh Ngọc Bảo Trân	01/07/2006	8.25	9.5	9.5	4.33	TA		
888	210269	P.12	Trần Nguyễn Bảo Trân	14/10/2006	7.25	3.25	6.25	1.43	TA	Địa lí	
889	210270	P.12	Nguyễn Thị Ngọc Trầm	25/04/2006	7	8.5	9.25	3.93	TA		
890	210271	P.12	Vũ Minh Triết	01/09/2006	5.25	7.75	8.5	2.65	TA		
891	210272	P.12	Nguyễn Dương Gia Trí	14/11/2006	6.5	8.25	9	2.95	TA		
892	210273	P.12	Trần Nguyễn Hữu Trí	10/09/2006	6.25	6.75	9	3.45	TA		
893	210274	P.12	Nguyễn Anh Trung	05/07/2006	7.25	3.75	6.75	2.48	TA		
894	210275	P.12	Cao Đức Trung	27/11/2006	8	7	9.25	4.03	TA		
895	210276	P.12	Nguyễn Hải Trung	29/10/2006	4.75	8.5	7.75	2.23	TA		
896	210277	P.12	Nguyễn Lê Thanh Trúc	12/06/2006	6.5	2	5.25	1.35	TA		
897	210278	P.12	Nguyễn Thanh Tuấn	29/04/2006	5.25	5.25	5.75	2	TA		
898	210279	P.12	Lê Thị Cẩm Tú	12/09/2006	6.25	3.75	7.25	4.95	TA		
899	210280	P.12	Nguyễn Huy Tùng	07/07/2006	5.5	2.5	8.25	2.95	TA		
900	210281	P.12	Nguyễn Thị Bảo Uyên	17/06/2006	5.5	2.5	4.25	1.4	TA		
901	210282	P.12	Nguyễn Khánh Uyên	15/07/2006	7.25	8	8.75	4.35	TA	Địa lí	
902	210283	P.12	Đặng Phương Uyên	15/11/2006	7.25	6.5	8.75	5	TA		
903	210284	P.12	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	25/03/2006	8.25	3.25	8.5	2.9	TA	Địa lí	
904	210285	P.12	Nguyễn Phan Tú Uyên	01/01/2006	7	5.75	7	2.18	TA		
905	210286	P.12	Trần Hoàng Tú Uyên	05/09/2006	7.25	9	9.25	3.95	TA		
906	210287	P.12	Văn Hoàng Bạch Vân	20/11/2006	6.5	8	8.5	3.6	TA		
907	210288	P.12	Trần Thị Thảo Vi	06/02/2006	8.25	7.5	8.75	3.9	TA	Địa lí	
908	210289	P.13	Bùi Nguyễn Tường Vi	16/04/2006	7.5	8.5	8.5	4.05	TA		
909	210290	P.13	Văn Công Vinh	24/02/2006	7.25	8.5	7.25	3.25	TA		
910	210291	P.13	Đặng Ngọc Phúc Vinh	25/05/2006	4.5	5.75	6.25	1.63	TA		
911	210292	P.13	Đặng Nguyễn Khánh Vy	11/02/2006	6	5.5	4.5	1.03	TA	Địa lí	
912	210293	P.13	Lê Nguyễn Thảo Vy	10/01/2006	5.5	#N/A	#N/A	#N/A	TA		
913	210294	P.13	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	29/01/2006	7.5	8	9.25	5.58	TA		
914	210295	P.13	Trần Hạ Trúc Vy	14/03/2006	5	2.5	3.75	1.4	TA		

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
915	210296	P.13	Đặng Uyên Vy	10/01/2006	7	6.25	9.25	4.95	TA		
916	210297	P.13	Dương Liêu Ý Vy	31/12/2005	6.25	4.5	7.75	3.03	TA		
917	210298	P.13	Nguyễn Thị Hồng Xuân	10/01/2006	4.5	3.5	6	1.88	TA		
918	210299	P.13	Ngô Thị Hải Yến	11/04/2006	6	7.75	8	2.38	TA		
919	210300	P.13	Nguyễn Vũ Như Ý	16/07/2006	5.75	8.5	9	3.95	TA		
920	210301	P.13	Phạm Hoàng Thiên Ý	06/12/2006	6	7.5	7.75	3.55	TA	Lịch sử	
921	210302	P.14	Nguyễn Tiến Đạt	18/07/2006	5.5	6.25	3	3.15	TP		
922	210303	P.14	Trần Lê Minh Đức	03/02/2006	5	3.25	3.5	1.83	TP		
923	210304	P.14	Phạm Thị Gia Hân	11/09/2006	5.25	5.75	6.5	5.33	TP		
924	210305	P.14	Lê Hoàn	21/05/2006	3.5	2.5	5	2.95	TP		
925	210306	P.14	Lê Hữu Hoàng	21/02/2006	6.5	8.5	7.75	7.2	TP		
926	210307	P.14	Đinh Văn Hùng	16/08/2006	5.25	4.5	6	3.03	TP		
927	210308	P.14	Phạm Tuyết Ngân	30/07/2006	6	6.25	4.25	4.58	TP		
928	210309	P.14	Thân Thiện Nhân	16/08/2006	7.5	7	5.5	5.93	TP		
929	210310	P.14	Từ Ngọc Bảo Nhi	05/02/2006	7	4	3.5	5	TP		
930	210311	P.14	Phạm Thị Quỳnh Như	30/05/2006	6.5	3.5	3.75	6.15	TP		
931	210312	P.14	Tô Minh Quang	16/07/2006	5	3.25	3.25	5	TP		
932	210313	P.14	Võ Minh Quân	08/05/2006	6.5	7.75	2.5	2.35	TP		
933	210314	P.14	Y RôBin Niê Hrah	03/06/2006	6	6.75	6.25	5.23	TP		
934	210315	P.14	Nguyễn Ngọc Hiền Thảo	21/07/2006	7.5	1.5	3.75	3.93	TP		
935	210316	P.14	Trần Mai Quỳnh Thư	24/09/2006	6.75	5.25	6	5.6	TP		
936	210317	P.14	Tạ Tiểu Ngọc Trâm	10/03/2006	7	6.25	5.75	5.6	TP		
937	210318	P.14	Nguyễn Mạnh Tuấn Tú	17/06/2006	5.75	7.25	6.5	5	TP		
938	210319	P.15	Nguyễn Thị Hải An	01/02/2006	5	4.5	7	1	TO	Tin học	
939	210320	P.15	Phạm Phúc An	18/03/2006	5.75	8.5	8.75	3.5	TO	Sinh học	
940	210321	P.15	Hoàng Phan Thái An	02/08/2006	4	8.5	5.5	2	TO		
941	210322	P.15	Nguyễn Văn Thành An	22/03/2006	6.5	8.5	6.5	3.75	TO	Tin học	
942	210323	P.15	Nguyễn Văn An	29/10/2006	3.75	5.75	4	1.75	TO	Tin học	
943	210324	P.15	Nguyễn Diệp Anh	26/07/2006	4.5	6.75	6.25	2	TO	Sinh học	
944	210325	P.15	Ngô Trần Duy Anh	30/08/2006	4	8.5	5.75	0.5	TO	Tin học	
945	210326	P.15	Thái Đình Anh	01/09/2006	5.25	7	4.25	1	TO	Tin học	
946	210327	P.15	Đỗ Đức Anh	21/04/2006	4.5	8.75	5	2	TO	Tin học	
947	210328	P.15	Đỗ Nguyễn Minh Anh	19/11/2006	8.75	10	9.75	7	TO	Sinh học	
948	210329	P.15	Bùi Thanh Nhật Anh	19/07/2006	6.5	7.75	7.25	3.75	TO	Tin học	

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
949	210330	P.15	Nguyễn Ngọc Phương Anh	28/06/2006	6.5	4.75	5	1	TO	Sinh học	
950	210331	P.15	Trần Phương Anh	22/10/2006	7.25	9.5	5.5	4	TO	Sinh học	
951	210332	P.15	Trần Nguyễn Thảo Anh	16/11/2006	7	8.5	7.25	2.75	TO	Sinh học	
952	210333	P.15	Hà Tuấn Anh	09/10/2006	6.5	9	7.5	3.5	TO	Tin học	
953	210334	P.15	Nguyễn Vũ Bách	08/06/2006	5	9.25	6	5.5	TO		
954	210335	P.15	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	19/12/2006	6.25	9.25	6	1.25	TO	Tin học	
955	210336	P.15	Nguyễn Minh Bảo	14/11/2006	6.5	8	5	4.25	TO	Tin học	
956	210337	P.15	Bùi Nguyễn Phan Chánh	11/07/2006	6.5	9	6.5	3.75	TO	Tin học	
957	210338	P.15	Vũ Dương Ngọc Châu	01/01/2006	6.5	8.5	5.5	3	TO	Tin học	
958	210339	P.15	Trần Ngọc Quế Chi	19/01/2006	6.75	4.75	4	1	TO	Sinh học	
959	210340	P.15	Đỗ Minh Chiến	05/04/2006	7.5	8.5	5	2	TO	Tin học	
960	210341	P.15	Ngô Quý Chính	30/11/2006	6.25	7	6.75	4.75	TO	Tin học	
961	210342	P.15	Hoàng Thị Chung	08/06/2006	6.75	9.25	5	5.75	TO	Tin học	
962	210343	P.16	Trần Hoàng Chương	05/06/2006	6.5	7.5	4.75	4	TO	Tin học	
963	210344	P.16	Phạm Thế Cường	11/05/2006	6.5	7.5	4.5	1	TO	Sinh học	
964	210345	P.16	Hà Lê Trường Danh	19/08/2006	7.5	10	8	6.25	TO	Tin học	
965	210346	P.16	Đặng Đức Duy	07/10/2006	7.75	9.25	8.25	6	TO	Tin học	
966	210347	P.16	Hà Phan Khánh Duy	06/12/2006	6	8.5	7.25	5.25	TO	Tin học	
967	210348	P.16	Hoàng Thái Duy	26/06/2006	6.25	7.25	6.5	1.75	TO	Tin học	
968	210349	P.16	Nguyễn Tài Dũng	10/10/2006	5.5	10	9.25	4.25	TO	Tin học	
969	210350	P.16	Phạm Văn Dũng	27/05/2006	5	6.75	3	1.5	TO	Tin học	
970	210351	P.16	Nguyễn Cao Đang	24/10/2006	6.08	8	5	2.5	TO		
971	210352	P.16	Vũ Thành Đạt	14/07/2006	4.25	4.5	4.25	0.25	TO	Tin học	
972	210353	P.16	Đào Tiến Đạt	13/07/2006	6.5	8	7.75	6.5	TO	Tin học	
973	210354	P.16	Phạm Thị Kim Định	09/10/2006	7	6	4.75	2	TO	Tin học	
974	210355	P.16	Bùi Huỳnh Ngọc Đoan	15/06/2006	8.25	10	9.75	5	TO	Tin học	
975	210356	P.16	Nguyễn Hữu Đức	15/04/2006	6.75	8.5	4.25	4	TO	Tin học	
976	210357	P.16	Trần Nguyễn Ánh Giang	19/09/2006	7.25	8.5	8.5	3.5	TO	Tin học	
977	210358	P.16	Nguyễn Thị Thu Giang	23/06/2006	6.25	8.25	4.75	1.75	TO	Sinh học	
978	210359	P.16	Nguyễn Trường Giang	30/05/2006	7	8.5	3.25	3	TO	Sinh học	
979	210360	P.16	Phạm Ngọc Hà	08/05/2006	4.25	3.75	6	1.25	TO	Sinh học	
980	210361	P.16	Nguyễn Trần Thu Hà	01/01/2006	8.25	9	9	4.25	TO	Sinh học	
981	210362	P.16	Dương Hồng Hạnh	24/10/2006	3.5	2.25	7.25	0.25	TO	Tin học	
982	210363	P.16	Vũ Thị Ngọc Hậu	01/03/2006	5.75	8.5	6	3.5	TO	Tin học	

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
983	210364	P.16	Trần Thị Hậu	30/08/2006	8.5	8.5	4	2.75	TO		
984	210365	P.16	Nguyễn Hải Gia Hi	02/01/2006	5.25	10	5.5	6.25	TO	Tin học	
985	210366	P.16	Lê Huy Hiếu	17/07/2006	6	9	6	2.75	TO	Tin học	
986	210367	P.17	Dương Minh Hiếu	27/07/2006	6	8.5	6.25	4.75	TO	Tin học	
987	210368	P.17	Phan Minh Hiếu	23/10/2006	5.5	4.25	4.75	0.75	TO	Tin học	
988	210369	P.17	Cao Ngọc Hiếu	01/09/2006	5.75	6.75	4.5	2.25	TO		
989	210370	P.17	Nguyễn Văn Hữu Hiền	02/06/2006	6.25	9.25	6.5	4	TO	Tin học	
990	210371	P.17	Đỗ Minh Hiển	04/09/2006	7	8.25	7.75	4	TO	Tin học	
991	210372	P.17	Trương Minh Hiển	21/11/2006	4.25	8.5	2.25	3.25	TO	Sinh học	
992	210373	P.17	Dương Đình Hoàng	10/01/2006	6.25	8.75	4.5	2.5	TO	Tin học	
993	210374	P.17	Trương Huy Hoàng	06/11/2006	6.5	8.75	5.25	5.5	TO	Tin học	
994	210375	P.17	Nguyễn Bùi Minh Hoàng	12/11/2006	6.25	6.75	4.5	1.75	TO		
995	210376	P.17	Đào Trương Nguyên Hoàng	12/06/2006	8	8.5	6	3.5	TO	Tin học	
996	210377	P.17	Hà Đăng Nguyên Hoàng	15/06/2006	7	8.75	9.25	4	TO	Tin học	
997	210378	P.17	Trần Nhật Hoàng	09/01/2006	8	9	9.75	5.25	TO	Tin học	
998	210379	P.17	Trương Công Huy	26/05/2006	7.5	9.5	7	8.5	TO	Tin học	
999	210380	P.17	Phạm Đoàn Nhật Huy	03/10/2006	6.25	8.5	9.25	3.75	TO	Tin học	
1000	210381	P.17	Lê Quang Huy	07/06/2006	6.25	7.5	4.25	4.5	TO	Tin học	
1001	210382	P.17	Trần Thành Huy	17/10/2006	8.5	8.5	8	3	TO	Tin học	
1002	210383	P.17	Cao Nguyễn Ngọc Huyền	05/07/2006	8	9.75	8	5.25	TO	Tin học	
1003	210384	P.17	Hoàng Ngọc Huyền	05/01/2006	8.25	10	8	6	TO	Sinh học	
1004	210385	P.17	Phan Thị Thu Huyền	22/09/2006	7.75	8	7.75	4.5	TO	Tin học	
1005	210386	P.17	Nguyễn Vũ Thiên Hùng	18/02/2006	4.25	7.25	2	1.75	TO	Sinh học	
1006	210387	P.17	Ngô Nguyễn Tiến Hùng	20/05/2006	7	9	8.5	4.5	TO	Tin học	
1007	210388	P.17	Phan Tuấn Hùng	15/12/2006	6	6.5	5	1.5	TO	Tin học	
1008	210389	P.17	Hồ Ngọc Gia Hưng	25/02/2006	5.5	8.5	7.25	3.25	TO	Tin học	
1009	210390	P.17	Nguyễn Gia Hưng	25/11/2006	7	8.75	8.25	3.25	TO	Sinh học	
1010	210391	P.18	Giản Thị Thuỳ Hương	28/03/2006	7	9.25	8	6.5	TO	Tin học	
1011	210392	P.18	Trần Thị Thu Hương	08/12/2006	7.25	7.5	6.75	3.25	TO	Tin học	
1012	210393	P.18	Nguyễn Phạm Gia Khang	17/07/2006	4.25	7.5	5.75	1.5	TO	Tin học	
1013	210394	P.18	Đoàn Đình Nam Khánh	01/07/2006	3.25	2.5	2.75	0.5	TO		
1014	210395	P.18	Nguyễn Tấn Quốc Khánh	15/09/2006	6.5	7.5	4.75	2.25	TO	Tin học	
1015	210396	P.18	Buì Trình Khiêm	01/01/2006	7.5	10	9.25	6	TO	Tin học	
1016	210397	P.18	Nguyễn Anh Khoa	02/08/2006	6.5	7.5	7.25	2.5	TO	Tin học	

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
1017	210398	P.18	Nguyễn Anh Khoa	04/04/2006	8.25	9.5	3.75	2.25	TO	Tin học	
1018	210399	P.18	Nguyễn Đăng Khoa	19/01/2006	5.75	7.25	4.5	2	TO	Sinh học	
1019	210400	P.18	Phạm Công Kiên	01/02/2006	4.25	8.25	7.25	3	TO	Tin học	
1020	210401	P.18	Nguyễn Trung Kiên	16/09/2006	5.5	10	6.75	4.5	TO	Tin học	
1021	210402	P.18	Đỗ Bá Lâm	01/03/2006	7.25	7	6.25	2.25	TO	Tin học	
1022	210403	P.18	Lê Ngọc Khánh Linh	21/01/2006	6	6	5.25	1	TO		
1023	210404	P.18	Trần Ngọc Khánh Linh	25/08/2006	8.5	8	7.5	2.5	TO	Tin học	
1024	210405	P.18	Nguyễn Thị Ngọc Linh	24/01/2006	8	9.5	7.25	4.25	TO	Tin học	
1025	210406	P.18	Trần Vũ Ngọc Linh	22/05/2006	5	7.5	5.25	0.75	TO	Sinh học	
1026	210407	P.18	Võ Nguyễn Nữ Ngọc Linh	24/11/2006	3.75	8.5	5.75	3.25	TO	Tin học	
1027	210408	P.18	Hoàng Bích Loan	04/07/2006	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	TO	Sinh học	
1028	210409	P.18	Hồ Duy Long	16/04/2006	5	9.5	7.25	5	TO	Tin học	
1029	210410	P.18	Nguyễn Hoàng Long	16/12/2006	6	7	5.75	1.5	TO	Tin học	
1030	210411	P.18	Hoàng Công Lý	08/08/2006	6.25	8.5	5.25	3.5	TO		
1031	210412	P.18	Đinh Hồng Mai	14/11/2006	4.25	6	3.5	2.5	TO		
1032	210413	P.18	Nguyễn Thị Mai	09/04/2006	5.75	7.5	2.75	2.25	TO	Tin học	
1033	210414	P.18	Lành Thế Mạnh	24/09/2006	5.25	8	5.25	4	TO	Tin học	
1034	210415	P.19	Phạm Ngọc Minh	13/01/2006	7	10	8.25	8	TO	Sinh học	
1035	210416	P.19	RaLan Trương Hoàng Ngọc Minh	09/05/2006	7	8.5	8.75	4	TO	Tin học	
1036	210417	P.19	Phạm Nguyễn Trà My	22/10/2006	7.5	6.25	5	1	TO	Tin học	
1037	210418	P.19	Nguyễn Tấn Mỹ	20/04/2006	7	3.25	4.75	1	TO		
1038	210419	P.19	Nguyễn Văn Nam	10/01/2006	6.5	8	5.25	0.5	TO	Tin học	
1039	210420	P.19	Trần Thị Quỳnh Nga	15/03/2006	8	8	5.5	3.25	TO	Tin học	
1040	210421	P.19	Lê Thị Thanh Ngân	13/02/2006	6	8.25	5.25	2	TO	Tin học	
1041	210422	P.19	Trần Trọng Nghĩa	11/04/2006	5	4	5.75	1.5	TO	Tin học	
1042	210423	P.19	Nguyễn Văn Nghĩa	16/09/2006	5.25	8.75	5	2.5	TO		
1043	210424	P.19	Trần Văn Nghĩa	24/08/2006	6	9.75	6.25	4	TO	Tin học	
1044	210425	P.19	Nguyễn Xuân Nghĩa	30/01/2006	6.75	9.75	7	5.75	TO	Sinh học	
1045	210426	P.19	Mai Bảo Ngọc	21/03/2006	5.5	3.25	4.5	1.5	TO	Sinh học	
1046	210427	P.19	Bùi Lê Khánh Ngọc	30/08/2006	7	6	5.25	1	TO	Sinh học	
1047	210428	P.19	Hoàng Thế Ngọc	02/10/2006	7.25	10	5.5	5.5	TO	Tin học	
1048	210429	P.19	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	15/10/2006	5.5	6.25	5.25	1.25	TO	Tin học	
1049	210430	P.19	Trần Thị Thảo Nguyên	12/04/2006	8	9.25	8.5	6.25	TO		
1050	210431	P.19	Trịnh Trần Nguyên	17/10/2006	6	8.5	6.25	4	TO	Tin học	

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
1051	210432	P.19	Đoàn Thị Ánh Nguyệt	15/05/2006	7	5.75	6.75	1	TO	Tin học	
1052	210433	P.19	Lê Đức Nhân	26/02/2006	8.25	10	6.75	5	TO	Tin học	
1053	210434	P.19	Phan Trường Nhất	18/08/2006	6.25	8.5	4.5	2	TO	Tin học	
1054	210435	P.19	Nguyễn Bá Nhật	27/07/2006	7	9.75	7.75	4.5	TO	Tin học	
1055	210436	P.19	Lê Trần Việt Nhật	09/07/2006	7.25	9.75	8.25	4	TO	Sinh học	
1056	210437	P.19	Huỳnh Thị Quỳnh Nhi	02/09/2006	8.5	8	7.25	4.5	TO	Tin học	
1057	210438	P.19	Trần Thị Diễm Oanh	26/02/2006	8.5	7	8.5	1.25	TO	Tin học	
1058	210439	P.20	Lý Hoàng Oanh	20/04/2006	7.75	6	5.5	2	TO	Sinh học	
1059	210440	P.20	Trần Vũ Hoàng Oanh	22/03/2006	8	9.25	8.25	4.5	TO	Tin học	
1060	210441	P.20	Cao Tiến Phát	02/06/2006	7.5	7.75	7	2	TO	Tin học	
1061	210442	P.20	Lê Huỳnh Thanh Phong	27/12/2006	4.25	5.25	4.75	1	TO	Sinh học	
1062	210443	P.20	Phan Tuấn Phong	13/04/2006	6.5	8.25	8	3.75	TO	Tin học	
1063	210444	P.20	Nguyễn Võ Hoàng Phúc	25/03/2006	7.25	10	5.75	5	TO	Tin học	
1064	210445	P.20	Võ Quang Phúc	03/07/2006	6.5	9	7.25	3.75	TO	Tin học	
1065	210446	P.20	Đỗ Văn Phúc	17/04/2006	5.75	7.25	4.75	0.75	TO		
1066	210447	P.20	Nguyễn Danh Phương	21/04/2006	7.75	9.5	7.5	6.25	TO	Tin học	
1067	210448	P.20	Hoàng Lan Phương	01/01/2006	7.75	8.75	6.25	3.5	TO	Sinh học	
1068	210449	P.20	Nông Văn Quang	29/03/2006	6.5	9.25	9	4.75	TO	Tin học	
1069	210450	P.20	Nguyễn Viết Quang	01/02/2006	5.5	8.5	4.5	2	TO	Tin học	
1070	210451	P.20	Đỗ Minh Quân	21/11/2006	5.75	8.5	6.25	1.5	TO	Tin học	
1071	210452	P.20	Nguyễn Ngọc Trúc Quỳnh	21/10/2006	7.25	8.5	7.25	3.75	TO	Tin học	
1072	210453	P.20	Hoàng Quang Sơn	31/10/2006	4.5	2.75	4.25	1	TO		
1073	210454	P.20	Nguyễn Huỳnh Thái Sơn	15/06/2006	6.75	6.25	5.75	1	TO	Tin học	
1074	210455	P.20	Vũ Lê Thành Tài	18/04/2006	5.75	8.5	4.75	2	TO		
1075	210456	P.20	Đặng Nguyễn Nhật Tân	28/09/2006	7.25	8.5	3	1.5	TO	Tin học	
1076	210457	P.20	Lê Quốc Thanh	11/06/2006	7	7.75	3.5	2.25	TO	Tin học	
1077	210458	P.20	Lý Tiểu Thanh	01/03/2006	7	9.5	6.25	3.5	TO	Sinh học	
1078	210459	P.51	Nguyễn Đăng Thái	07/03/2006	6.25	8.5	5.25	2.75	TT	0	
1079	210460	P.20	Lê Trung Thành	29/09/2006	8.75	10	9	6	TO	Tin học	
1080	210461	P.20	Nguyễn Mai Diệu Thảo	21/08/2006	6	7.5	3.25	1	TO	Tin học	
1081	210462	P.20	Trần Thanh Thảo	31/05/2006	5	5.5	6.5	0.5	TO	Tin học	
1082	210463	P.21	Đặng Thị Thu Thảo	09/04/2006	7.75	9	7.75	4.5	TO		
1083	210464	P.21	Vũ Đặng Anh Thi	13/10/2006	5.25	6.5	3.25	1.75	TO		
1084	210465	P.21	Trần Đan Thi	25/07/2006	8	10	8.5	5.75	TO	Sinh học	

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
1085	210466	P.21	Nguyễn Minh Thi	08/05/2006	7	8	6.75	4.5	TO	Sinh học	
1086	210467	P.21	Lương Hoàng Thiện	13/08/2006	7.25	9.5	7	4.5	TO	Tin học	
1087	210468	P.21	Hồ Lê Phúc Thiện	04/04/2006	6.5	10	7.75	7	TO	Sinh học	
1088	210469	P.21	Nguyễn Phú Thịnh	26/03/2006	7.75	9.5	7.75	4.5	TO	Tin học	
1089	210470	P.21	Lưu Anh Thư	13/08/2006	7.25	6.5	4	0.5	TO	Tin học	
1090	210471	P.21	Nguyễn Thị Anh Thư	07/03/2006	7	9	7	5	TO	Tin học	
1091	210472	P.21	Nguyễn Hồ Anh Thư	07/01/2006	5.75	8.5	4.25	2.75	TO	Sinh học	
1092	210473	P.21	Nguyễn Anh Thư	16/08/2006	7.5	8.5	8.25	6.75	TO	Tin học	
1093	210474	P.21	Phạm Lê Khánh Thư	08/01/2006	7	8.5	7.5	4	TO	Tin học	
1094	210475	P.21	Phạm Minh Thư	26/05/2006	6.25	7.75	4.75	2.25	TO	Sinh học	
1095	210476	P.21	Nguyễn Võ Hoàng Tiến	24/11/2006	6.75	10	7	6.5	TO	Tin học	
1096	210477	P.21	Nguyễn Viết Minh Tiến	01/01/2006	7	7	5.75	1.75	TO	Tin học	
1097	210478	P.21	Trần Xuân Tiến	24/11/2005	7	8	5.5	3.75	TO	Tin học	
1098	210479	P.21	Đinh Gia Toàn	02/01/2006	6.25	4.75	5.5	0.5	TO	Tin học	
1099	210480	P.21	Lê Bá Khánh Toàn	26/06/2006	8	8.5	7.5	4.25	TO	Sinh học	
1100	210481	P.21	Phạm Thị Hoàng Trang	09/01/2006	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	TO		
1101	210482	P.21	Tôn Nữ Thu Trang	09/10/2006	6	7	6	1.25	TO	Tin học	
1102	210483	P.21	Nguyễn Linh Thùy Trang	19/03/2006	7.5	9.5	7.5	5	TO	Tin học	
1103	210484	P.21	Trần Thùy Trang	28/10/2006	7.75	8.5	3	4.25	TO	Tin học	
1104	210485	P.21	Nguyễn Ngọc Linh Trà	07/11/2006	6.25	7.75	8.75	3	TO	Sinh học	
1105	210486	P.21	Đặng Nguyễn Thanh Trà	25/01/2006	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	TO		
1106	210487	P.22	Huỳnh Trịnh Bảo Trân	04/08/2006	7.5	8.5	4.25	2.25	TO	Tin học	
1107	210488	P.22	Phan Ngọc Bảo Trân	01/10/2006	7.5	8.5	6.5	1.5	TO		
1108	210489	P.22	Đào Phạm Huyền Trân	12/01/2006	9	8.75	9	4.5	TO	Tin học	
1109	210490	P.22	Nguyễn Minh Triết	20/06/2006	6.75	9.5	7	5.5	TO	Tin học	
1110	210491	P.22	Nguyễn Hải Triều	01/03/2006	7	9.5	6.5	2.25	TO	Tin học	
1111	210492	P.22	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	01/10/2006	7.5	4.75	3.75	2.5	TO	Tin học	
1112	210493	P.22	Đỗ Minh Trung	29/09/2006	4.75	4.75	6	0.75	TO	Sinh học	
1113	210494	P.22	Lê Hữu Trường	22/12/2006	4	7.75	4.75	3.5	TO	Tin học	
1114	210495	P.22	Võ Hoàng Nhật Uyên	20/10/2006	8.5	9.25	8.25	3.25	TO	Tin học	
1115	210496	P.22	Nguyễn Thị Uyên	31/08/2006	8.25	6.5	6.5	0.75	TO	Tin học	
1116	210497	P.22	Hoàng Thanh Vân	29/06/2006	7.25	4.5	3.25	1	TO	Tin học	
1117	210498	P.22	Lê Quang Vinh	26/01/2006	5.25	6.25	5.25	2	TO	Sinh học	
1118	210499	P.22	Lều Hoàng Vũ	10/01/2006	3.5	1.25	3.25	0	TO		

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
1119	210500	P.22	Bùi Tuấn Vũ	19/02/2006	8.5	9.5	7	5	TO	Tin học	
1120	210501	P.22	Nguyễn Trúc Vy	09/10/2006	6.5	8.5	2.5	1.75	TO	Tin học	
1121	210502	P.22	Nguyễn Yến Vy	04/02/2006	7.5	8	6.5	3.75	TO	Tin học	
1122	210503	P.22	Nguyễn Hoàng Gia Vỹ	08/04/2006	7.5	8.5	4.5	2	TO	Sinh học	
1123	210504	P.22	Nguyễn Phan Gia Bảo	23/03/2006	8.5	10	7.25	4.75	TT		
1124	210505	P.22	Nguyễn Tiến Cường	09/04/2006	6.75	10	4.5	4.5	TT		
1125	210506	P.22	Lê Văn Anh Đức	09/01/2006	7.25	8.5	5.5	0.5	TT		
1126	210507	P.22	Trần Anh Hào	21/07/2006	6.5	6	6	2.25	TT		
1127	210508	P.22	Nguyễn Minh Hiếu	17/01/2006	7	8.5	6.75	2	TT		
1128	210509	P.22	Trần Mạnh Đức Hoàng	24/02/2006	5.75	5.75	3.75	2	TT		
1129	210510	P.22	Phạm Huy Hoàng	04/12/2006	6.25	5	4.25	2	TT		
1130	210511	P.23	Trần Võ Lê Hoàng	11/02/2006	7	7	4.75	0.5	TT		
1131	210512	P.23	Phạm Gia Huy	01/01/2006	7.5	8.75	5.5	4.75	TT		
1132	210513	P.23	Phan Nguyễn Xuân Huỳnh	27/09/2006	7.25	9.5	3.75	3	TT		
1133	210514	P.23	Trần Đăng Khoa	24/08/2006	7	6	4.5	1.5	TT		
1134	210515	P.23	Nguyễn Tuấn Khoa	15/09/2006	7	9	4.75	3	TT		
1135	210516	P.23	Nguyễn Hồ Bá Kiên	02/02/2006	5.42	7.75	3.75	0.5	TT		
1136	210517	P.52	Trần Xuân Mẫn	10/10/2006	4.5	8	6	2.2	TI		
1137	210518	P.23	Lê Văn Bình Minh	16/05/2006	6.5	6.25	4.5	1	TT		
1138	210519	P.23	Nguyễn Đào Quý Phú	05/09/2006	7	9	9	2.5	TT		
1139	210520	P.23	Phạm Thái Phúc	06/06/2006	4.75	6.75	4.25	1.5	TT		
1140	210521	P.23	Đinh Hoàng Thái	17/05/2006	8	7.75	6.75	1.75	TT		
1141	210522	P.23	Đặng Trung Thành	23/12/2006	4	7	4	0.5	TT		
1142	210523	P.23	Mai Xuân Thành	09/07/2006	6.75	7.5	4.5	2.5	TT		
1143	210524	P.23	Vũ Thị Anh Thư	19/01/2006	5	8	4.5	1.75	TT		
1144	210525	P.23	Nguyễn Trần Huyền Trang	13/02/2006	7.25	9.5	9.25	3.5	TT		
1145	210526	P.23	Nguyễn Ngọc Minh Trân	30/09/2006	5	8.5	4.5	1.5	TT		
1146	210527	P.23	Nguyễn Ngọc Tú Trân	02/01/2006	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	TT		
1147	210528	P.23	Trần Hoàng Trọng	29/07/2006	7	8	6	4.25	TT		
1148	210529	P.23	Lê Viết Tùng	28/01/2006	7	6.25	4.75	0.75	TT		
1149	210530	P.23	Ngô Bảo Uyên	02/11/2006	8	8.5	7.75	1.25	TT		
1150	210531	P.23	Dương Văn Vương	27/02/2006	8.25	8.5	7.5	4.25	TT		
1151	210532	P.23	Nguyễn Đình Khang An	14/02/2006	5.5	7.25	3.75	3.75	LI		
1152	210533	P.23	Trần Duy Anh	04/05/2006	3.25	5.25	3	0	LI		

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
1153	210534	P.23	Nguyễn Ngọc Hoàng Anh	01/03/2006	3.5	6	4.25	1.5	LI		
1154	210535	P.24	Đào Quang Anh	17/03/2006	5.75	8.5	6	7.5	LI		
1155	210536	P.24	Châu Quỳnh Anh	29/11/2006	6	3.25	4	0.75	LI		
1156	210537	P.24	Nguyễn Tuấn Anh	30/03/2006	4.5	3.25	5	0.5	LI		
1157	210538	P.24	Trần Thị Vân Anh	08/10/2006	7.75	8.75	6.75	7.5	LI		
1158	210539	P.24	Phạm Văn Ân	30/03/2006	2.75	6.5	7.25	5.25	LI		
1159	210540	P.24	Trần Thị Ngọc Bích	01/02/2006	6.25	6.5	6.5	2.5	LI		
1160	210541	P.24	Nguyễn Cao Bình	12/07/2006	7	4.75	5.25	4.75	LI		
1161	210542	P.24	Mai Quốc Bình	28/03/2006	6.42	4.75	4.5	6	LI		
1162	210543	P.24	Trần Cao Bảo Châu	11/07/2006	5	2.75	3.25	1.25	LI		
1163	210544	P.24	Phạm Bích Châu	02/09/2006	5.75	4.75	5.5	3.25	LI		
1164	210545	P.24	Lê Huy Chương	11/12/2006	4.5	3.25	6	0.5	LI		
1165	210546	P.24	Nguyễn Viết Thành Công	08/08/2006	6.75	7	5.25	6.5	LI		
1166	210547	P.24	Nguyễn Quốc Cường	20/02/2006	5.5	5.5	5.25	2	LI		
1167	210548	P.24	Trần Viết Cường	16/10/2006	7	5.25	6.5	6.75	LI		
1168	210549	P.24	Trần Nguyễn Phương Danh	21/03/2006	5.25	4.75	7.25	4.5	LI		
1169	210550	P.24	Trần Du	07/04/2006	6.25	6.5	3.25	5.5	LI	0	
1170	210551	P.24	Lê Trần Khánh Duy	22/01/2006	8	7.5	7	6.5	LI		
1171	210552	P.24	Dương Trí Dũng	17/10/2006	5	5.5	4	7	LI		
1172	210553	P.24	Huỳnh Trí Dũng	22/04/2006	4	6.75	4.5	8	LI		
1173	210554	P.24	Phan Nguyễn Tuấn Dũng	12/12/2006	3.5	2	5.5	0.5	LI		
1174	210555	P.24	Nguyễn Tâm Đan	09/11/2006	8.5	8.5	7.25	6.5	LI		
1175	210556	P.24	Nguyễn Hải Đăng	28/08/2006	7.25	8.5	7.75	6	LI		
1176	210557	P.24	Trần Đình Nguyễn Đại	27/02/2006	4	6	3.75	0.75	LI		
1177	210558	P.24	Khúc Duy Đạt	14/03/2006	5.5	5.75	6.75	4.75	LI		
1178	210559	P.25	Võ Hoàng Đạt	28/10/2006	6.75	8.25	7.5	6	LI		
1179	210560	P.25	Bùi Nguyễn Tiến Đạt	16/10/2006	5.25	8	7.75	5.75	LI		
1180	210561	P.25	Trần Đức Tiến Đạt	11/09/2006	5.75	5	4.75	6.75	LI		
1181	210562	P.25	Trịnh Quang Đô	12/10/2006	5.5	5.75	4	1.25	LI		
1182	210563	P.25	Lê Trung Đô	16/10/2006	6	8.5	9.5	7.75	LI		
1183	210564	P.25	Võ Hoàng Đức	25/01/2006	5.25	3.5	4	3	LI		
1184	210565	P.25	Phùng Minh Đức	22/10/2006	6.25	8	7	5.25	LI		
1185	210566	P.25	Lê Phước Trung Đức	18/03/2006	5	5.25	5	6.5	LI		
1186	210567	P.25	Nguyễn Lê Lam Giang	05/01/2006	7.25	8.25	7.25	6.5	LI		

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
1187	210568	P.25	Lê Bá Thanh Hà	20/01/2006	6.75	9.25	8.5	8.75	LI		
1188	210569	P.25	Nguyễn Văn Hào	04/01/2006	6.5	8.5	5.75	4.75	LI		
1189	210570	P.25	Lê Ngọc Hảo	14/03/2006	7	8	8	7.25	LI		
1190	210571	P.25	Tô Bá Hân	13/01/2006	4	7.25	3	7.25	LI		
1191	210572	P.25	Nguyễn Thế Hải	23/06/2006	7.25	6.5	6	5.75	LI		
1192	210573	P.25	Bùi Ngọc Hảo	13/03/2006	7.5	6	5.25	5	LI		
1193	210574	P.25	Vương Ngọc Hiền	11/04/2006	6	3.5	4.25	1.25	LI		
1194	210575	P.25	Võ Văn Huy Hoàng	09/09/2006	7.5	8.25	7	4.25	LI		
1195	210576	P.25	Trương Hoàng	04/02/2006	6.75	8.5	7.5	6.75	LI		
1196	210577	P.25	Trần Việt Hoàng	26/02/2006	8	7.75	8.5	5.25	LI		
1197	210578	P.25	Đoàn Cao Bảo Huy	15/05/2006	5.5	5.25	9	2.25	LI		
1198	210579	P.25	Cao Nguyễn Đình Huy	08/03/2006	4.75	6.5	7.5	1.5	LI		
1199	210580	P.25	Đỗ Đức Huy	15/02/2006	5	6	5.25	4.25	LI		
1200	210581	P.25	Lê Huỳnh Gia Huy	10/11/2006	7.25	7.5	9.25	5.75	LI		
1201	210582	P.25	Đặng Trần Quang Huy	26/02/2006	5	5.75	5.5	3.25	LI		
1202	210583	P.26	Đinh Quốc Huy	30/10/2006	7	6	5.75	4.5	LI		
1203	210584	P.26	Hồ Quốc Huy	06/02/2006	6.5	7	7	3.75	LI		
1204	210585	P.26	Vũ Quốc Huy	07/09/2006	5.25	8	6.75	8.25	LI		
1205	210586	P.26	Phạm Khánh Huyền	02/09/2006	7	5.5	6.5	2.25	LI		
1206	210587	P.26	Nguyễn Tuấn Hùng	30/03/2006	4.25	2.75	3.5	0.25	LI		
1207	210588	P.26	Phan Xuân Hùng	18/06/2006	6	5.75	6.25	3.5	LI		
1208	210589	P.26	Bùi Minh Hưng	30/11/2006	7.5	8.5	7	4.75	LI		
1209	210590	P.26	Ngô Nguyễn Nhật Hưng	11/06/2006	6	2.5	4.5	0	LI		
1210	210591	P.26	Phan Nguyễn Thành Kha	03/10/2006	4.75	4.75	6.75	5	LI		
1211	210592	P.26	Bùi Hoàng Khang	14/11/2006	3.5	4.75	4.25	1.5	LI		
1212	210593	P.26	Hồ Sỹ Anh Khoa	26/09/2006	4.75	3.5	5.75	1.5	LI		
1213	210594	P.26	Trương Anh Khoa	07/02/2006	5.75	6.5	5	2.25	LI		
1214	210595	P.26	Nguyễn Công Khoa	23/05/2006	3.75	5.5	2.5	2	LI		
1215	210596	P.26	Bùi Đăng Khoa	26/10/2006	6	7.75	6	2.5	LI		
1216	210597	P.26	Nguyễn Đình Khoa	23/09/2006	4	2	2.25	0	LI		
1217	210598	P.26	Hoàng Trần Minh Khoa	05/06/2006	7	5.75	7.5	6.25	LI		
1218	210599	P.26	Đặng Văn Khoa	06/02/2006	7.5	8.5	8.25	6.25	LI		
1219	210600	P.26	Lê Phạm Bảo Khôi	21/07/2006	7.5	8.75	4.5	6	LI		
1220	210601	P.26	Trần Thanh Lan	24/08/2006	7	8.5	6	5.75	LI		

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
1221	210602	P.26	Phạm Huyền Diệu Linh	01/01/2006	7.5	8.25	5.75	4	LI		
1222	210603	P.26	Kiều Khánh Linh	14/01/2006	6.5	8.5	7	6.25	LI		
1223	210604	P.26	Phan Hoàng Mỹ Linh	01/05/2006	6.75	7.25	5.25	7.75	LI		
1224	210605	P.26	Bùi Ngọc Linh	17/04/2006	7.25	6.75	7.5	2.25	LI		
1225	210606	P.26	Trần Đại Long	26/07/2006	7.25	5.25	3.25	3.5	LI		
1226	210607	P.27	Nguyễn Ngọc Luân	26/06/2006	5.25	3.75	6.5	2.5	LI		
1227	210608	P.27	Nguyễn Thành Luân	23/01/2006	7.5	7.75	4	5.5	LI		
1228	210609	P.27	Nguyễn Ngọc Thảo Ly	21/11/2006	5.75	4	5.25	2.5	LI		
1229	210610	P.27	Hoàng Thị Quỳnh Mai	14/06/2006	3.75	8.25	6.25	2.75	LI		
1230	210611	P.27	Đào Văn Mạnh	24/03/2006	5.5	8.25	3.25	5.75	LI		
1231	210612	P.27	Nguyễn Bình Minh	13/09/2006	5	8.5	8.75	6	LI		
1232	210613	P.27	Bùi Đình Minh	02/04/2006	5	4.25	5	3.75	LI		
1233	210614	P.27	Lều Thị Nhật My	28/04/2006	6.75	7.5	6.75	6.5	LI		
1234	210615	P.27	Trần Thị Trà My	27/03/2006	7	4	5.25	2.75	LI		
1235	210616	P.27	Lã Hoàng Nam	26/06/2006	5.5	8.5	8.5	5	LI		
1236	210617	P.27	Trần Thiên Vĩnh Nghi	11/09/2006	5.25	4	6.75	6.25	LI		
1237	210618	P.27	Nguyễn Huỳnh Phong Nghĩa	21/08/2006	6.75	7.5	7.25	8.5	LI		
1238	210619	P.27	Hồ Thành Nhân	03/07/2006	5.25	6.25	5.75	4.75	LI		
1239	210620	P.27	Hứa Thiện Nhân	16/09/2006	6	5.5	8.75	2.5	LI		
1240	210621	P.27	Lê Xuân Ny	29/03/2006	7	7	9	6.5	LI		
1241	210622	P.27	Đặng Nguyễn Tú Oanh	25/02/2006	7	8.75	6	6	LI		
1242	210623	P.27	Huỳnh Gia Phong	25/03/2006	6	5.25	4.5	6	LI		
1243	210624	P.27	Nguyễn Huy Phong	08/07/2006	6.25	7.75	8	8.5	LI		
1244	210625	P.27	Nguyễn Xuân Phú	21/02/2006	6.5	6.5	5.75	7	LI		
1245	210626	P.27	Đặng Hoàng Phúc	05/09/2006	6	7.25	6.25	4.75	LI		
1246	210627	P.27	Trần Hoàng Phúc	29/09/2006	5.25	3	5.75	1.5	LI		
1247	210628	P.27	Võ Quang Phúc	01/06/2006	7.5	8.25	7.5	6	LI		
1248	210629	P.27	Ngô Văn Trường Phúc	16/04/2006	5.75	8	9.5	9	LI		
1249	210630	P.27	Phạm Hà Đăng Quang	20/11/2006	6.5	5.75	8	3.25	LI		
1250	210631	P.28	Võ Đại Quang	12/11/2006	6	3.25	5.25	3	LI		
1251	210632	P.28	Lê Trần Anh Quân	22/05/2006	7	5.75	6	3.5	LI		
1252	210633	P.28	Nguyễn Viết Quân	27/07/2006	6.5	8.5	5.75	7	LI		
1253	210634	P.28	Bùi Nữ Xuân Quỳnh	23/08/2006	6	4	4.75	4.25	LI		
1254	210635	P.28	Nguyễn Phúc Tâm	18/03/2006	6.5	8.5	6.75	7.5	LI		

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
1255	210636	P.28	Võ Chí Thành	01/01/2006	7	7	6	4	LI		
1256	210637	P.28	Nguyễn Minh Thảo	02/12/2006	5.75	8.5	5	6	LI		
1257	210638	P.28	Nguyễn Thị Phương Thảo	30/05/2006	7	7.5	4.25	6	LI		
1258	210639	P.28	Trần Đức Thiện	30/08/2006	7.5	4.75	8.75	6.5	LI		
1259	210640	P.28	Nguyễn Hà Xuân Thiện	12/02/2006	8	8.5	8.5	6.75	LI		
1260	210641	P.28	Nguyễn Văn Thịnh	19/01/2006	8.5	7	8.75	8.25	LI		
1261	210642	P.28	Võ Duy Thông	26/01/2006	6.75	7.25	4.5	7.25	LI		
1262	210643	P.28	Lê Thị Thanh Thủy	24/11/2006	7.25	3.75	4.75	2	LI		
1263	210644	P.28	Lê Ngọc Anh Thư	01/08/2006	7.75	7.75	6.25	4.75	LI		
1264	210645	P.28	Nguyễn Trần Anh Thư	05/05/2006	8	7	8.5	4.5	LI		
1265	210646	P.28	Trần Thị Anh Thư	20/04/2006	6.75	4.25	4.5	2	LI		
1266	210647	P.28	Nguyễn Thị Hoài Thương	07/02/2006	7.25	8.5	6.5	5	LI		
1267	210648	P.28	Đỗ Huyền Trang	24/07/2006	5.75	5.5	5.5	2.25	LI		
1268	210649	P.28	Lê Thảo Trang	18/10/2006	7.5	8.5	7.5	4	LI		
1269	210650	P.28	Hoàng Nữ Chân Trân	27/11/2006	8.5	5.25	7.75	3	LI		
1270	210651	P.28	Lý Minh Triển	07/05/2006	5.25	6.5	7.5	6	LI		
1271	210652	P.28	Trương Công Triệu	17/06/2006	6.5	6.75	5	4.75	LI		
1272	210653	P.28	Hồ Hoàng Thanh Trúc	30/04/2006	7.25	9.5	7.25	5.75	LI		
1273	210654	P.28	Lê Thế Trường	01/01/2006	6.75	8.5	5.5	2.75	LI		
1274	210655	P.29	Vũ Hoàng Tuấn	04/05/2006	6.25	1.25	3.25	1.5	LI		
1275	210656	P.29	Nguyễn Trần Minh Tuấn	12/03/2006	6.75	8.5	5.75	7.25	LI		
1276	210657	P.29	Vũ Thị Cẩm Tú	03/07/2006	6	5.5	6.25	5.25	LI		
1277	210658	P.29	Nguyễn Việt Tú	11/09/2006	4.25	4	5	1	LI		
1278	210659	P.29	Phạm Khắc Tùng	13/09/2006	5.5	8.5	4.75	1.25	LI		
1279	210660	P.29	Vũ Lê Thanh Tùng	22/05/2006	5.5	7	3.25	3.25	LI		
1280	210661	P.29	Đặng Thị Thục Uyên	03/11/2006	6	2.5	3.75	0.25	LI		
1281	210662	P.29	Trần Nữ Tú Uyên	07/06/2006	6.5	6.75	3.5	3	LI		
1282	210663	P.29	Trần Yến Vi	03/10/2006	6.25	5.25	4.5	3	LI		
1283	210664	P.29	Hà Đức Việt	21/06/2006	6.5	7.75	4	7.75	LI		
1284	210665	P.29	Lê Phước Vũ	06/07/2006	7.5	3.25	4.25	2.5	LI		
1285	210666	P.29	Mai Lương Khánh Vy	21/04/2006	6.25	8.5	4.25	6	LI		
1286	210667	P.29	Trịnh Lan Vy	30/04/2006	7	8.25	7	8.25	LI		
1287	210668	P.29	Lê Nguyễn Mai Vy	07/09/2006	6	5.25	5.5	3.75	LI		
1288	210669	P.29	Bùi Đinh An	21/07/2006	6.5	3.75	4.25	3.95	HO	Sinh học	

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
1289	210670	P.29	Đoàn Hoàng Anh	16/02/2006	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	HO	Sinh học	
1290	210671	P.29	Nguyễn Thị Minh Anh	13/09/2006	7.75	8.5	7.5	8	HO	Sinh học	
1291	210672	P.29	Châu Nguyễn Nguyên Anh	24/09/2006	6	4.75	4	4.14	HO	Sinh học	
1292	210673	P.29	Nguyễn Nhật Anh	22/09/2006	7.5	8.25	7.5	6.63	HO	Sinh học	
1293	210674	P.29	Trần Đỗ Phương Anh	19/01/2006	6	3	4.5	3.36	HO	Sinh học	
1294	210675	P.29	Nguyễn Phúc Thục Anh	07/08/2006	6.5	8.25	5.5	5.94	HO	Sinh học	
1295	210676	P.29	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	01/01/2006	6.75	8.5	6.5	1.98	HO	0	
1296	210677	P.29	Đinh Lê Xuân Bắc	22/02/2006	7.75	8	3.5	5.98	HO	Sinh học	
1297	210678	P.29	Trần Anh Gia Bảo	11/02/2006	8.5	8.5	7.5	5.31	HO	Sinh học	
1298	210679	P.30	Đào Minh Bảo	01/06/2006	6.5	5	3	4	HO	Sinh học	
1299	210680	P.30	Nguyễn Bin	06/07/2006	6.5	8	5.25	4.38	HO	0	
1300	210681	P.30	Nguyễn Thanh Bình	28/12/2006	6.5	5.75	8.75	6.38	HO	Sinh học	
1301	210682	P.30	Dương Minh Châu	17/12/2006	7	4.5	5.5	5.19	HO	Sinh học	
1302	210683	P.30	Nguyễn Ngọc Quỳnh Châu	16/04/2006	7	9.5	9.25	9.38	HO	Sinh học	
1303	210684	P.30	Nguyễn Thanh Cung	16/02/2006	6.75	7.25	6.25	6.08	HO	0	
1304	210685	P.30	Nguyễn Hữu Danh	24/04/2006	5.25	8.5	3.5	5.1	HO		
1305	210686	P.30	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	24/08/2006	7	8.5	7.25	6.31	HO		
1306	210687	P.30	Đồng Đức Dũng	02/08/2006	6.67	7.75	7.5	6.49	HO	Sinh học	
1307	210688	P.30	Hán Trần Đức Dũng	20/11/2006	6	8.25	7.5	8.75	HO	Sinh học	
1308	210689	P.30	Nguyễn Trịnh Dũng	22/03/2006	4.25	6.5	3.75	1.83	HO		
1309	210690	P.30	Phan Hải Dương	18/07/2006	5.75	7.25	4.75	3.45	HO	Sinh học	
1310	210691	P.30	Đinh Tiến Đạt	05/05/2006	5.5	4.5	4.75	4.3	HO	Sinh học	
1311	210692	P.30	Lữ Linh Đan	01/07/2006	6.75	9	8.5	9.5	HO		
1312	210693	P.30	Nguyễn Tấn Quang Đại	17/10/2006	5	3.75	2.25	1.06	HO		
1313	210694	P. Cách ly	Trần Nam Đạt	03/12/2006	6.75	6.5	8	9	HO	Sinh học	
1314	210695	P.30	Nguyễn Trọng Tâm Đạt	25/03/2006	7.25	8.75	7.25	9	HO	Sinh học	
1315	210696	P.30	Tô Thành Đạt	28/08/2006	5.5	5	4.5	2.13	HO	Sinh học	
1316	210697	P.30	Trần Đình	17/12/2006	5.5	7	6.25	5.21	HO		
1317	210698	P.30	Bùi Văn Thành Đô	20/01/2006	4.75	4.75	5.5	0.91	HO	Sinh học	
1318	210699	P.30	Nguyễn Hoàng Đức	17/04/2006	6	4	5.75	3.63	HO	Sinh học	
1319	210700	P.30	Trần Minh Đức	03/02/2006	6.5	8.75	9	7.08	HO		
1320	210701	P.30	Nguyễn Quang Đức	14/02/2006	5.75	8.75	6.5	7.95	HO	Sinh học	
1321	210702	P.30	Nguyễn Xuân Đức	25/02/2006	6.75	7.75	7.5	5.25	HO	Sinh học	
1322	210703	P.31	Vương Thị Hương Giang	19/02/2006	5.5	6.25	3.25	2.6	HO	Sinh học	

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
1323	210704	P.31	Trần Thị Thùy Giang	30/10/2006	6	4.75	4.5	4.6	HO		
1324	210705	P.31	Bùi Ngọc Kim Hân	05/08/2006	7	5.75	6	4.15	HO	Sinh học	
1325	210706	P.31	Nguyễn Ngọc Hân	25/08/2006	6	8.5	8	3.58	HO	Sinh học	
1326	210707	P.31	Trần Sơn Hải	08/01/2006	7.25	8	8.5	6.25	HO		
1327	210708	P.31	Nguyễn Ngọc Nhi Hạnh	03/12/2006	6.25	8.5	7.25	7.06	HO	Sinh học	
1328	210709	P.31	Phan Trung Hiếu	18/06/2006	6.5	8	5.25	6.69	HO	Sinh học	
1329	210710	P.31	Nguyễn Văn Hiếu	20/01/2006	5.5	5	5	7.31	HO	Sinh học	
1330	210711	P.31	Lê Nguyễn Thanh Hiền	10/12/2006	7	6.75	4.5	2.69	HO	Sinh học	
1331	210712	P.31	Trần Phan Thảo Hiền	01/05/2006	7	6	8.25	4.63	HO	Sinh học	
1332	210713	P.31	Phan Khải Hoàn	09/05/2006	5.42	8	7.75	9.13	HO	Sinh học	
1333	210714	P.31	Trần Đình Bảo Hoàng	09/06/2006	7	7.75	7.75	6.75	HO	Sinh học	
1334	210715	P.31	Đặng Thị Huệ	13/07/2006	6.5	6.75	5.25	6.94	HO	Sinh học	
1335	210716	P.31	Nguyễn Huỳnh Công Huy	21/04/2006	7.25	8.5	7.5	9.5	HO	Sinh học	
1336	210717	P.31	Phan Đình Nhật Huy	07/01/2006	5.75	7.75	4.5	4.71	HO	Sinh học	
1337	210718	P.31	Nguyễn Quang Huy	12/07/2006	7	7.75	7	6.74	HO	Sinh học	
1338	210719	P.31	Nguyễn Quang Huy	24/04/2006	7	8.5	5.75	3.81	HO	Sinh học	
1339	210720	P.31	Nguyễn Phạm Khánh Huyền	12/03/2006	6.25	6	6.5	4.13	HO	Sinh học	
1340	210721	P.31	Nguyễn Thu Huyền	09/09/2006	7.25	5.25	5.75	1.19	HO	Sinh học	
1341	210722	P.31	Hoàng Phi Hùng	20/07/2006	6.25	3.5	4.75	1.56	HO	Sinh học	
1342	210723	P.31	Nguyễn Long Hưng	02/05/2006	5	7.5	4	6.37	HO	Sinh học	
1343	210724	P.31	Vũ Quang Hưng	27/06/2006	6.5	9.75	7.25	8.25	HO	Sinh học	
1344	210725	P.31	Lại Võ Minh Khang	18/02/2006	6	6	6.5	1.49	HO	Sinh học	
1345	210726	P.31	Trần Thiên Khánh	15/08/2006	6.75	8.5	7.25	7.21	HO		
1346	210727	P.32	Ngô Quang Khải	20/10/2006	5.5	3.75	3	2.28	HO	0	
1347	210728	P.32	Trần Quang Khải	20/12/2006	6.5	8.5	8.75	5.06	HO	Sinh học	
1348	210729	P.32	Trịnh Đăng Khoa	26/01/2006	4	3	5.75	0.88	HO	Sinh học	
1349	210730	P.32	Nguyễn Tân Khoa	04/04/2006	8.25	7	5.25	5.25	HO	Sinh học	
1350	210731	P.32	Phạm Phương Khuê	08/09/2006	8.25	8.5	7.5	7.63	HO		
1351	210732	P.32	Nguyễn Thục Khuê	05/03/2006	7.5	8.25	9.75	9.75	HO		
1352	210733	P.32	Nguyễn Công Chí Kiên	15/04/2006	7.5	6.5	5.25	3.79	HO	Sinh học	
1353	210734	P.32	Lê Gia Kiệt	16/09/2006	4.25	4	5.75	3.63	HO		
1354	210735	P.32	Đỗ Tuấn Kiệt	01/07/2006	6.5	8	8.25	6.45	HO	Sinh học	
1355	210736	P.32	Trương Gia Lâm	03/03/2006	5.83	5.5	4.5	2.69	HO		
1356	210737	P.32	Tạ Nguyễn Thư Lê	18/09/2006	5.25	5.5	7	5.13	HO	Sinh học	

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
1357	210738	P.32	Hồ Thiên Gia Linh	31/08/2006	7.25	6.75	4.75	4.04	HO	Sinh học	
1358	210739	P.32	Nguyễn Khánh Linh	01/03/2006	6.75	7.25	8.75	7.25	HO	Sinh học	
1359	210740	P.32	Hồ Thị Phương Linh	19/09/2006	6.75	5	6.5	3.85	HO		
1360	210741	P.32	Nguyễn Phương Linh	15/08/2006	7.25	6	7.25	4.44	HO	Sinh học	
1361	210742	P.32	Nguyễn Lê Bảo Long	15/06/2006	6.25	3.75	2.5	2.13	HO		
1362	210743	P.32	Nguyễn Bảo Long	07/02/2006	7	7.75	8.5	8.06	HO	Sinh học	
1363	210744	P.32	Trần Bảo Long	15/07/2006	3.75	8.25	6.75	3.25	HO	Sinh học	
1364	210745	P.32	Nguyễn Hữu Long	05/03/2006	6	3.5	4	5.29	HO	Sinh học	
1365	210746	P.32	Nguyễn Công Đại Lộc	09/05/2006	4	2.75	4	1.98	HO		
1366	210747	P.32	Lê Văn Lộc	08/05/2006	6.5	7.25	4	4	HO		
1367	210748	P.32	Trần Anh Cát Lợi	10/03/2006	8.25	8.5	8.75	7.69	HO	Sinh học	
1368	210749	P.32	Võ Lê Khánh Ly	14/11/2006	6.75	6.75	7.5	6.1	HO	Sinh học	
1369	210750	P.32	Trần Thị Xuân Mai	01/02/2006	5.75	6	5.75	3.56	HO	Sinh học	
1370	210751	P.33	Bùi Phương Minh	25/09/2006	6.75	8.5	9.25	6.75	HO	Sinh học	
1371	210752	P.33	Tạ Đức Phương Nam	01/05/2006	7.5	7	5.75	7.5	HO	Sinh học	
1372	210753	P.33	Cao Vũ Linh Nga	04/12/2006	5.25	8.25	5.5	4	HO	Sinh học	
1373	210754	P.33	Võ Thành Nghĩa	09/08/2006	7	8.75	9.25	7.63	HO	Sinh học	
1374	210755	P.33	Nguyễn Trung Nghĩa	13/02/2006	6.75	4.5	5.75	3.21	HO	Sinh học	
1375	210756	P.33	Kiều Thị Ánh Ngọc	23/05/2006	5.75	7	7.25	2.5	HO		
1376	210757	P.33	Nguyễn Trần Bảo Ngọc	04/05/2006	8.25	9.75	8.75	7.2	HO	Sinh học	
1377	210758	P.33	Nguyễn Minh Ngọc	08/03/2006	7	4.5	5.75	3.96	HO	Sinh học	
1378	210759	P.33	Lê Hữu Nguyên	28/11/2006	7.25	7.25	5.25	2.75	HO	Sinh học	
1379	210760	P.33	Đào Quang Nguyên	16/08/2006	6.75	9	9	6.54	HO		
1380	210761	P.33	Võ Nguyễn Thanh Nguyên	10/02/2006	8.25	8.25	7.5	6.9	HO		
1381	210762	P.33	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	04/06/2006	5.5	8.25	6.5	3.8	HO	Sinh học	
1382	210763	P.33	Phạm Thị Thảo Nguyên	15/04/2006	6.25	6.25	6	3.35	HO	Sinh học	
1383	210764	P.33	Lê Phan Trung Nguyên	01/01/2006	7.25	8	5.5	7	HO		
1384	210765	P.33	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	05/09/2006	9	7.75	9	7.2	HO	Sinh học	
1385	210766	P.33	Lê Sỹ Nhân	03/09/2006	7.5	4.25	3.25	6.21	HO	Sinh học	
1386	210767	P.33	Đoàn Minh Nhật	30/10/2006	8.25	9.5	9	9.63	HO		
1387	210768	P.33	Võ Trung Nhật	09/12/2006	6.25	8.5	5	8.63	HO	Sinh học	
1388	210769	P.33	Trần Võ Lâm Nhi	08/04/2006	6.25	5.25	3.75	2.65	HO	Sinh học	
1389	210770	P.33	Nguyễn Trần Phương Nhi	15/06/2006	6	4.25	5	1.94	HO	Sinh học	
1390	210771	P.33	Lương Nguyễn Thảo Nhi	22/11/2006	6.75	8.5	8.25	5.85	HO		

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
1391	210772	P.33	Hoàng Ngọc Uyên Chi	10/11/2006	5.5	4.5	5	1.53	HO		
1392	210773	P.33	Nguyễn Ngọc Hồng Như	23/09/2006	5.5	6.5	4	2.85	HO	Sinh học	
1393	210774	P.33	Nguyễn Trần Quỳnh Như	01/08/2006	5.75	5.75	3.75	4	HO	Sinh học	
1394	210775	P.34	Võ Đăng Phát	22/11/2006	6.75	8.5	4	2.95	HO		
1395	210776	P.34	Lê Văn Hữu Phúc	14/12/2006	5.25	6.75	5.25	#N/A	HO		
1396	210777	P.34	Nguyễn Hoàng Thiên Phúc	14/10/2006	7.5	6	8.25	5.25	HO	Sinh học	
1397	210778	P.34	Nguyễn Trọng Phúc	31/03/2006	7.5	8.5	8.5	8	HO	Sinh học	
1398	210779	P.34	Lương Thị Kim Phương	26/11/2006	6.25	8.25	5.25	4.13	HO	Sinh học	
1399	210780	P.34	Hoàng Minh Phương	13/10/2006	6	7.75	6.5	7.25	HO	Sinh học	
1400	210781	P.34	Lưu Đình Quân	02/10/2006	6.5	8	5.75	6.14	HO		
1401	210782	P.34	Vũ Minh Quân	24/12/2006	4	5.75	4.75	2.4	HO		
1402	210783	P.34	Lê Nguyễn Ngọc Quân	10/07/2006	7.75	8.5	7	4.43	HO	Sinh học	
1403	210784	P.34	Mai Trung Quốc	23/05/2006	6.75	7.5	6.5	6.5	HO	Sinh học	
1404	210785	P.34	Trần Thị Diễm Quỳnh	11/01/2006	6.5	8.5	6.25	3.83	HO	Sinh học	
1405	210786	P.34	Bùi Thái Sơn	12/05/2006	5.75	7.5	8.75	7.38	HO	Sinh học	
1406	210787	P.34	Nguyễn Tiến Sơn	17/10/2006	6.75	6.75	7.25	5.1	HO		
1407	210788	P.34	Ngô Đức Thành	04/11/2006	5.25	7.75	5.75	4.81	HO	Sinh học	
1408	210789	P.34	Tạ Quang Thành	23/12/2006	5.25	2.5	7	4.18	HO		
1409	210790	P.34	Trần Chí Thắng	19/07/2006	5.5	4.75	5.75	3.58	HO	Sinh học	
1410	210791	P.34	Nguyễn Xuân Thắng	19/05/2006	7.75	6.5	4.75	4.98	HO	Sinh học	
1411	210792	P.34	Nguyễn Lê Gia Thảo	20/09/2006	6.75	8.5	9.75	5.98	HO	Sinh học	
1412	210793	P.34	Hoàng Thị Thanh Thảo	24/08/2006	5.25	2.5	3	2.25	HO	Sinh học	
1413	210794	P.34	Lê Thị Khánh Thi	14/08/2006	7.5	7	9.25	4.38	HO		
1414	210795	P.34	Bùi Thanh Thiện	02/11/2006	6.5	8.5	7.5	7.94	HO	Sinh học	
1415	210796	P.34	Nguyễn Gia Thịnh	12/05/2006	6.25	6	8.5	2.13	HO		
1416	210797	P.34	Đinh Ngô Trường Thịnh	28/01/2006	6.25	5.25	4	4.4	HO	Sinh học	
1417	210798	P.34	Nguyễn Viết Thông	25/05/2006	4.5	0.5	5.5	1.93	HO		
1418	210799	P.35	Nguyễn Thị Quỳnh Thơ	22/11/2006	7.25	3.75	6.25	4.78	HO	Sinh học	
1419	210800	P.35	Nguyễn Bích Thủy	11/05/2006	6.75	6.75	6.25	2.73	HO	Sinh học	
1420	210801	P.35	Nguyễn Thị Thu Thủy	16/04/2006	4.25	2	2.5	1.06	HO		
1421	210802	P.35	Nguyễn Thị Minh Thư	05/04/2006	5.75	6.25	5.75	4.58	HO	Sinh học	
1422	210803	P.35	Văn Thị Minh Thư	25/07/2006	7.25	7.75	6	7.75	HO		
1423	210804	P.35	Đặng Hoàng Thy	04/10/2006	7	5	7	3.05	HO	Sinh học	
1424	210805	P.35	Trần Thủy Tiên	22/04/2006	8	9.75	9	4.98	HO	Sinh học	

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
1425	210806	P.35	Phạm Hoàng Tiến	07/04/2006	6.25	7.75	4.5	6	HO	Sinh học	
1426	210807	P.35	Vũ Mạnh Tiền Tiến	09/03/2006	4.5	5.5	5.5	5.15	HO		
1427	210808	P.35	Nguyễn Việt Tiến	21/10/2006	5.25	6.5	5	7.81	HO		
1428	210809	P.35	Đinh Thị Quỳnh Trang	08/01/2006	7.5	5.25	8	5	HO	Sinh học	
1429	210810	P.35	Trần Cao Thùy Trang	30/03/2006	6.25	4.5	5.5	2.45	HO	Sinh học	
1430	210811	P.35	Đào Nguyễn Ngân Trâm	12/11/2006	7.5	4.5	6	3	HO		
1431	210812	P.35	Nguyễn Trương Bảo Trân	03/04/2006	5.75	5.25	4	3.75	HO	Sinh học	
1432	210813	P.35	Phạm Hồng Bảo Trân	18/05/2006	6.5	7.75	5.5	3.88	HO	Sinh học	
1433	210814	P.35	Võ Lê Ngọc Trân	28/02/2006	7	8	6.25	3.75	HO	Sinh học	
1434	210815	P.35	Trần Nguyễn Kiều Trinh	20/11/2006	6.25	6.5	4	6.38	HO		
1435	210816	P.35	Phạm Thị Phương Trinh	22/08/2006	6.25	6	6.5	5.35	HO	Sinh học	
1436	210817	P.35	Ra Lan Đỗ Tú Trinh	05/07/2006	7	8	7.25	5.18	HO	Sinh học	
1437	210818	P.35	Nguyễn Chí Trung	10/12/2006	3.5	1	3.25	1.26	HO	Sinh học	
1438	210819	P.35	Nguyễn Lê Trung	06/08/2006	5.75	4	7	4.79	HO		
1439	210820	P.35	Huỳnh Đặng Anh Tuấn	06/07/2006	5.75	8.5	6	2.8	HO	Sinh học	
1440	210821	P.35	Nguyễn Ngọc Tuyến	02/03/2006	6.25	4.5	5.25	3.83	HO	Sinh học	
1441	210822	P.35	Mai Nguyễn Ánh Tuyết	10/02/2006	6.92	5	5.25	2.25	HO	Sinh học	
1442	210823	P.36	Lê Thái Đức Tùng	20/02/2006	4.25	9.5	5	8.75	HO	Sinh học	
1443	210824	P.36	Ngô Nguyên Tùng	16/01/2006	3.75	5.25	5.25	3.48	HO	Sinh học	
1444	210825	P.36	Nguyễn Thị Phương Uyên	14/04/2006	4	4.75	8.75	2.55	HO		
1445	210826	P.36	Võ Hoàng Phương Nguyên	16/09/2006	5	6.75	5.75	3.75	HO	Sinh học	
1446	210827	P.36	Ngô Thị Hồng Vân	17/08/2006	6.5	5.25	4.75	1.88	HO		
1447	210828	P.36	Đào Vũ Văn	15/08/2006	5.5	6	7	5.53	HO	Sinh học	
1448	210829	P.36	Phan Tường Vi	13/09/2006	8.5	7.25	5	2.88	HO		
1449	210830	P.36	Nguyễn Quốc Việt	13/08/2006	5.5	8	4.75	5.25	HO	Sinh học	
1450	210831	P.36	Phạm Đình Hoàng Vinh	13/11/2006	7	8.5	6	4.55	HO	Sinh học	
1451	210832	P.36	Trần Long Vũ	06/10/2006	4.75	5.5	4	5.39	HO	Sinh học	
1452	210833	P.36	Chu Tuấn Vũ	06/11/2006	6.5	5.75	5	1.38	HO		
1453	210834	P.36	Ngô Chí Vỹ	04/11/2006	3	3.75	3.5	2.19	HO	Sinh học	
1454	210835	P.36	Thân Văn Hùng Anh	30/04/2006	5.25	#N/A	2	#N/A	SI		
1455	210836	P.36	Nguyễn Trần Kim Anh	04/06/2006	8	4.25	6.25	2.38	SI		
1456	210837	P.36	Nguyễn Ngọc Mai Anh	02/01/2006	8.25	5.5	6.25	2.23	SI		
1457	210838	P.36	Nguyễn Minh Ánh	10/11/2006	7.25	6.5	5	7.68	SI		
1458	210839	P.36	Trương Ngọc Ánh	25/07/2006	6.5	6.75	5.75	3.85	SI		

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
1459	210840	P.36	Hồ Lê Gia Bảo	28/05/2006	7	3	4.75	1.38	SI		
1460	210841	P.36	Vũ Cao Hoàng Bích	05/06/2006	6	5.75	4.25	1.5	SI		
1461	210842	P.36	Lê Dương Hiền Diệu	21/08/2006	6.25	2.75	3.75	3.9	SI		
1462	210843	P.36	Nguyễn Tấn Dũng	20/11/2006	5	6.75	3.75	3	SI		
1463	210844	P.36	Kiều Hồ Minh Đức	21/12/2006	6	4.75	5.5	5.75	SI		
1464	210845	P.36	Nguyễn Trường Giang	27/03/2006	7.5	5.5	7	7	SI		
1465	210846	P.36	Nguyễn Lê Ngọc Hà	12/01/2006	7.25	4.25	5.75	6.25	SI		
1466	210847	P.37	Nguyễn Bảo Hân	26/07/2006	7.5	7.5	8	6.25	SI		
1467	210848	P.37	Đoàn Gia Hân	26/01/2006	8.25	9.5	9	7.25	SI		
1468	210849	P.37	Huỳnh Gia Hân	11/11/2006	5.75	3.25	4	0.38	SI		
1469	210850	P.37	Lương Gia Hân	02/11/2006	7.5	5.25	6.5	4.9	SI		
1470	210851	P.37	Nguyễn Dương Gia Hân	17/03/2006	7.25	8.5	6.75	5.48	SI		
1471	210852	P.37	Vũ Ngọc Hân	09/06/2006	8	5	7.5	5.55	SI		
1472	210853	P.37	Trương Phạm Đông Hiếu	03/02/2006	5.5	7	7.5	5.5	SI		
1473	210854	P.37	Nguyễn Trần Thu Hòa	14/01/2006	5	2.25	3.25	1.63	SI		
1474	210855	P.37	Lê Đức Gia Huy	16/01/2006	4.25	3.25	3.5	5.13	SI		
1475	210856	P.37	Lê Xuân Huy	02/08/2006	4.92	5.5	4.75	6.25	SI		
1476	210857	P.37	Đỗ Thị Ánh Huyền	25/03/2006	6.25	8.5	6.5	4.38	SI		
1477	210858	P.37	Trần Khánh Huyền	18/02/2006	8.25	8	5	5.13	SI		
1478	210859	P.37	Phúc Thị Ngọc Huyền	29/04/2006	5.75	2.5	4	1.5	SI		
1479	210860	P.37	Lưu Văn Khang	19/06/2006	7	6.5	7	7.23	SI		
1480	210861	P.37	Nguyễn Hoàng Vân Khanh	20/01/2006	5.75	6	2.75	4.5	SI		
1481	210862	P.37	Hồ Văn Quang Khánh	22/08/2006	7	7	8.25	5.13	SI		
1482	210863	P.37	Trần Văn Quốc Khánh	04/09/2006	6	5.25	5.25	5.55	SI		
1483	210864	P.37	NguyễnAnh Khoa	01/07/2006	7	8.25	5.25	4.8	SI		
1484	210865	P.37	Vũ Hữu Châu Lâm	21/11/2006	5	6.25	7.25	5.4	SI		
1485	210866	P.37	Nguyễn Thị Phúc Liên	01/08/2006	6.5	4.75	4.75	3.18	SI		
1486	210867	P.37	Nguyễn Thị Ngọc Linh	07/02/2006	7.25	7.25	8.75	3.98	SI		
1487	210868	P.37	Phạm Thùy Linh	07/12/2006	4.25	0.75	2.5	1.5	SI		
1488	210869	P.37	Phan Thị Thùy Linh	13/02/2006	6.5	4.25	3	5.13	SI		
1489	210870	P.37	Nguyễn Ánh Ly	16/07/2006	6	4.5	3.5	1.75	SI		
1490	210871	P.38	Lâm Thị Lý	02/01/2006	7	7.25	4.75	2.93	SI		
1491	210872	P.38	Tạ Hoàng Tâm Mai	25/10/2006	7	5.75	8.5	6.75	SI		
1492	210873	P.38	Lê Hoàng Minh	27/06/2006	6.58	6	5	5.25	SI		

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
1493	210874	P.38	Trần Quang Minh	26/02/2006	6	5.5	6	3.13	SI		
1494	210875	P.38	Phạm Nguyễn Tiến Minh	25/12/2006	8	9	8.75	9.13	SI		
1495	210876	P.38	Hoàng Lan My	27/11/2006	8	3.75	6.5	6.75	SI		
1496	210877	P.38	Hoàng Ái Mỹ	13/09/2006	8.5	8.25	7.5	5.55	SI		
1497	210878	P.38	Trần Thị Kim Ngân	04/12/2006	6.75	5.75	6.5	5.15	SI		
1498	210879	P.38	Phan Trần Thanh Ngân	29/10/2006	5.75	4.75	4.5	3.13	SI		
1499	210880	P.38	Vũ Thị Thanh Ngân	15/08/2006	6.5	6.25	7.75	4.33	SI		
1500	210881	P.38	Vũ Ánh Ngọc	20/09/2006	6	7.25	6.5	6.13	SI		
1501	210882	P.38	Trần Bảo Ngọc	17/06/2006	5	8.75	5.75	4	SI		
1502	210883	P.38	Lê Thị Khánh Ngọc	01/01/2006	7.5	4	6	3.13	SI		
1503	210884	P.38	Phạm Như Khánh Ngọc	26/09/2006	6.5	6	6.25	8.15	SI		
1504	210885	P.38	Trần Đỗ Nguyên Ngọc	25/07/2006	6	7.5	4	4.5	SI		
1505	210886	P.38	Phạm Thị Kim Nguyên	28/12/2006	4.75	5.5	4.25	2.03	SI		
1506	210887	P.38	Phan Đỗ Thành Nhân	10/02/2006	8.25	8.5	8.25	5.53	SI		
1507	210888	P.38	Đinh Quang Nhật	16/06/2006	7.25	8.5	6.75	8.3	SI		
1508	210889	P.38	Nguyễn Sỹ Nhật	29/06/2006	4.5	4.5	5.75	3.65	SI		
1509	210890	P.38	Nguyễn Quỳnh Nhi	13/03/2006	6	6.75	4.75	5.6	SI		
1510	210891	P.38	Hà Ngọc Thảo Nhi	12/05/2006	6.25	7.75	4.5	7.95	SI		
1511	210892	P.38	Phạm Quỳnh Như	21/02/2006	6.75	5	5.75	5.3	SI		
1512	210893	P.38	Phan Nguyễn Yến Như	09/06/2006	5.25	7.25	6	2.7	SI		
1513	210894	P.38	Phạm Huy Phát	13/10/2006	6	4	4.75	4.98	SI		
1514	210895	P.39	Lê Quang Phát	26/02/2006	4.25	2.75	5.25	3.88	SI		
1515	210896	P.39	Trần Vi Phong Tam Phúc	20/03/2006	6.75	8.5	8.5	5.38	SI		
1516	210897	P.39	Trần Nguyễn Uyên Phương	13/06/2006	5.75	3.25	5.25	3.63	SI		
1517	210898	P.39	Nguyễn Thị Phượng	14/02/2006	7.75	7.75	7	7.38	SI		
1518	210899	P.39	Hồ Hà Thi Quân	24/10/2006	6.5	5	5.25	6.08	SI		
1519	210900	P.39	Hà Bùi Tú Quyên	12/07/2006	5	2.75	4.75	2.13	SI		
1520	210901	P.39	Phan Trúc Quỳnh	23/08/2006	6	8.25	7	5.45	SI	0	
1521	210902	P.39	Nguyễn Huỳnh Bá Sơn	10/07/2006	7.75	8.25	7.25	6.63	SI		
1522	210903	P.39	Lê Quang Thành	24/06/2006	6.25	8.25	5.75	6.88	SI		
1523	210904	P.39	Phạm Huy Thắng	09/03/2006	6	7.25	8	6.38	SI		
1524	210905	P.39	Lê Triệu Minh Thảo	25/08/2006	5.25	5.75	3.75	3.15	SI		
1525	210906	P.39	Cao Ngân Thảo	05/09/2006	7.25	6.25	7.5	3.88	SI		
1526	210907	P.39	Trần Thanh Thảo	05/07/2006	8	7.25	7.5	6.25	SI		

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
1527	210908	P.39	Nguyễn Thọ Thảo	28/11/2006	6.5	5.5	5.75	6.4	SI		
1528	210909	P.39	Nguyễn Thị Thu Thảo	02/01/2006	6	8.5	7.5	9.25	SI		
1529	210910	P.39	Ông Ích Thiện	07/10/2006	4.75	4.75	8	6.25	SI		
1530	210911	P.39	Tăng Hiếu Thịnh	13/10/2006	4.75	5.75	6	1.28	SI		
1531	210912	P.39	Nguyễn Thị Phương Thuỳ	08/04/2006	7	5.75	6.25	5.1	SI		
1532	210913	P.39	Nguyễn Thị Hoài Thư	21/01/2006	5	1.25	2.75	1	SI		
1533	210914	P.39	Trần Võ Quỳnh Thư	22/09/2006	4.5	3	5.75	3	SI		
1534	210915	P.39	Đặng Thị Mến Thương	07/10/2006	5.25	2	2.25	2.53	SI		
1535	210916	P.39	Nguyễn Kông Quỳnh Thy	06/03/2006	6.75	5.75	6.75	6.13	SI		
1536	210917	P.39	Đào Quang Tổ	22/03/2006	6.75	3.75	4.5	1.75	SI		
1537	210918	P.39	Bùi Ngọc Huyền Trang	28/09/2006	6.83	4	5.25	2.75	SI		
1538	210919	P.40	Nguyễn Ngọc Huyền Trang	01/11/2006	7.5	8.25	6.25	3.7	SI		
1539	210920	P.40	Lê Trần Thảo Trang	04/12/2006	7.75	4.75	6.25	3.88	SI		
1540	210921	P.40	Huỳnh Đỗ Uyên Trang	15/04/2006	7	8.5	6.25	6.38	SI		
1541	210922	P.40	Lê Bửu Trác	25/12/2006	5.25	8.5	5.5	5.45	SI		
1542	210923	P.40	Đặng Bảo Trân	05/10/2006	6.5	8.25	6.5	7.88	SI		
1543	210924	P.40	Nguyễn Thị Huyền Trân	25/05/2006	8.25	7.25	7.75	5	SI		
1544	210925	P.40	Nguyễn Minh Triết	27/06/2006	5.25	7.75	6.75	7.88	SI		
1545	210926	P.40	Lê Tấn Triều	21/04/2006	6.5	5	4.75	4.5	SI		
1546	210927	P.40	Trần Phú Trọng	18/06/2006	6.08	6.25	6.75	8.25	SI		
1547	210928	P.40	Nguyễn Thị Thanh Trúc	08/08/2006	5.75	4	4	2.38	SI		
1548	210929	P.40	Nguyễn Văn Anh Tuấn	24/04/2006	6	4	6.75	4.6	SI		
1549	210930	P.40	Phạm Mạnh Tuấn	16/01/2006	6.5	5.5	6.75	4.95	SI		
1550	210931	P.40	Đặng Văn Tuấn	03/05/2006	4.5	5.25	3.5	2.5	SI		
1551	210932	P.40	Phạm Gia Tuệ	28/11/2006	6.5	5.25	4.5	3.78	SI		
1552	210933	P.40	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	22/03/2006	7	7.75	7.75	5.35	SI		
1553	210934	P.40	Nguyễn Đức Tùng	18/02/2006	6.5	8	8.75	8.65	SI		
1554	210935	P.40	Hoàng Nguyễn Ngọc Khánh Uyên	28/01/2006	7	3.75	3.5	3.38	SI		
1555	210936	P.40	Lê Tố Uyên	21/06/2006	6.5	6.75	7	2.38	SI		
1556	210937	P.40	Nguyễn Thị Tường Vi	22/04/2006	5.5	7.75	7.75	5.9	SI		
1557	210938	P.40	Nguyễn Hoàng Tường Vy	18/02/2006	5.75	2.75	5.5	3.43	SI		
1558	210939	P.40	Nguyễn Thị Hồng Xuân	31/01/2006	4	2.5	2.5	1.88	SI		
1559	210940	P.40	Hồ Ngọc Như Ý	13/03/2006	6	8.5	6.25	4	SI		
1560	210941	P.40	Nguyễn Lê Gia An	28/08/2006	7.75	5	4.75	6.5	VA	Lịch sử	

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
1561	210942	P.40	Dương Thùy An	30/07/2006	6.17	3.5	4.25	6.25	VA	Địa lí	
1562	210943	P.41	Lưu Hoàng Thùy An	03/05/2006	6.67	3.25	3.75	5.75	VA	Địa lí	
1563	210944	P.41	Trịnh Châu Anh	05/08/2006	8	8	8.5	7	VA		
1564	210945	P.41	Võ Trần Diệu Anh	19/09/2006	8	5.75	8.75	7	VA	Lịch sử	
1565	210946	P.41	Nguyễn Lê Hoàng Anh	25/01/2006	6.5	3	6	5	VA	Lịch sử	
1566	210947	P.41	Nguyễn Ngọc Hoàng Anh	11/08/2006	6.75	1.75	5.5	5	VA	Địa lí	
1567	210948	P.41	Nguyễn Thị Lan Anh	17/01/2006	6.5	6.75	5	5	VA	Địa lí	
1568	210949	P.41	Nguyễn Hoàng Mai Anh	01/01/2006	7.75	8	7	6	VA		
1569	210950	P.41	Lê Hoàng Minh Anh	04/06/2006	5.75	6.25	5.25	4.5	VA	Địa lí	
1570	210951	P.41	Phạm Phương Anh	16/04/2006	8.5	8.5	8.75	7.5	VA	Lịch sử	
1571	210952	P.41	Hoàng Phạm Quỳnh Anh	21/04/2006	6.75	4.25	3.75	5.75	VA	Lịch sử	
1572	210953	P.41	Phạm Quỳnh Anh	16/08/2006	7.5	7	5	6.75	VA	Địa lí	
1573	210954	P.41	Trần Võ Quỳnh Anh	15/08/2006	8.5	5.5	4.25	7	VA	Lịch sử	
1574	210955	P.41	Phan Lê Thục Anh	05/06/2006	8	3.5	4.5	8.5	VA	Lịch sử	
1575	210956	P.41	Bùi Trần Thy Anh	08/10/2006	7.75	4	6.75	6.5	VA	Lịch sử	
1576	210957	P.41	Vũ Trúc Anh	14/01/2006	6.75	4	3.25	5	VA	Địa lí	
1577	210958	P.41	Trần Nhâm Khả Ái	20/11/2006	7.75	8.5	6.5	5.5	VA	Địa lí	
1578	210959	P.41	Nguyễn Ngọc Ánh	20/07/2006	6.5	3.25	3.5	5	VA	Lịch sử	
1579	210960	P.41	Phạm Ngọc Ánh	04/07/2006	6	3.75	3	2.5	VA		
1580	210961	P.41	Nguyễn Vũ Hồng Ân	11/10/2006	8	7.25	5.25	5.25	VA		
1581	210962	P.41	Nguyễn Hữu Bình	28/11/2006	7.08	3	3.75	6	VA	Địa lí	
1582	210963	P.41	Hoàng Bảo Châu	11/10/2006	6.5	3	4.5	4.25	VA	Lịch sử	
1583	210964	P.41	Nguyễn Đăng Hà Châu	30/06/2006	8.5	8.75	9.25	8	VA	Địa lí	
1584	210965	P.41	Nguyễn Quỳnh Chi	27/10/2006	6.5	3.25	2.75	7	VA	Lịch sử	
1585	210966	P.41	Lê Trần Quyền Diệu	09/10/2006	8.5	5	4.25	7	VA	Lịch sử	
1586	210967	P.42	Nguyễn Quang Dũng	05/09/2006	8	7.5	7	4.5	VA		
1587	210968	P.42	Nguyễn Hải Dương	26/12/2006	6	5	8.5	5.5	VA	Lịch sử	
1588	210969	P.42	Nguyễn Thùy Dương	09/11/2006	7	1.25	6	5.5	VA	Địa lí	
1589	210970	P.42	Nguyễn Ngọc Linh Đan	13/09/2006	6.5	0	4	3	VA	Địa lí	
1590	210971	P.42	Nguyễn Trần Gia Đạt	13/11/2006	6	5.75	7.5	4.75	VA		
1591	210972	P.42	Phạm Quốc Đạt	01/12/2006	6.5	4.5	7.25	5	VA	Lịch sử	
1592	210973	P.42	Nguyễn Ngọc Khánh Đoan	23/03/2006	8.5	5	7.75	6.75	VA	Lịch sử	
1593	210974	P.42	Lê Đỗ Huy Đức	08/01/2006	5	6.75	5.25	4.25	VA		
1594	210975	P.42	Nguyễn Ngô Kim Giao	06/01/2006	8	5	7.75	8	VA	Lịch sử	

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
1595	210976	P.42	Nguyễn Lê Khánh Hà	19/03/2006	7.25	3	5.75	7	VA	Địa lí	
1596	210977	P.42	Nguyễn Thu Hà	01/05/2006	8.5	6.5	8.25	8	VA	Địa lí	
1597	210978	P.42	Lê Bảo Hân	26/06/2006	7.25	5.25	6.5	5.5	VA	Địa lí	
1598	210979	P.42	Trần Hoàng Bảo Hân	10/06/2006	7.25	2	5.25	6.25	VA	Lịch sử	
1599	210980	P.42	Trình Bích Hân	24/06/2006	7.5	0.5	5	4.42	VA	Lịch sử	
1600	210981	P.42	Trần Lê Gia Hân	02/09/2006	8	7	7	8.5	VA		
1601	210982	P.42	Lê Nguyễn Ngọc Hân	07/04/2006	8	1.5	3	4.75	VA	Địa lí	
1602	210983	P.42	Lưu Thị Ngọc Hân	03/01/2006	7	3.5	3.5	5.5	VA	Lịch sử	
1603	210984	P.42	Nông Thị Ngọc Hân	02/07/2006	8	8	6.5	6.5	VA	Lịch sử	
1604	210985	P.42	Bùi Nguyễn Minh Hằng	28/02/2006	6.75	2.25	3.5	6	VA	Địa lí	
1605	210986	P.42	Nguyễn Thúy Hằng	24/05/2006	6.75	8.5	3.25	6.25	VA	Lịch sử	
1606	210987	P.42	Nguyễn Ngọc Hạnh	23/04/2006	8	6	6.5	7.5	VA	Địa lí	
1607	210988	P.42	Hà Trung Hiếu	16/03/2006	6.5	4.5	5.5	4.5	VA		
1608	210989	P.42	Bùi Lê Chiêu Hoàng	18/11/2006	7	7	6	6	VA	Lịch sử	
1609	210990	P.42	Văn Nguyễn Ngọc Hòa	30/04/2006	8	3.5	9	5.75	VA	Địa lí	
1610	210991	P.43	Phạm Đức Huy	24/09/2006	6.5	6	7	4	VA		
1611	210992	P.43	Trần Đức Huy	11/10/2006	4.33	3	4.25	3.75	VA	Lịch sử	
1612	210993	P.43	Lương Ngọc Huyền	14/01/2006	8.5	2.75	4.5	7	VA	Lịch sử	
1613	210994	P.43	Lê Thị Thanh Huyền	21/07/2006	8.5	4	5.25	7	VA		
1614	210995	P.43	Trần Thị Huyền	16/06/2006	6.5	5.5	3	5.75	VA		
1615	210996	P.43	Nguyễn Cao Thu Huyền	17/10/2006	8.5	3.5	7.5	8.5	VA		
1616	210997	P.43	Đào Mạnh Hùng	16/05/2006	5.25	2.25	4.25	3.5	VA		
1617	210998	P.43	Dương Tấn Hùng	16/05/2006	7.75	4.75	5.75	6	VA	Địa lí	
1618	210999	P.43	Vũ Thanh Hường	26/12/2006	6	2.75	2.75	4.5	VA	Địa lí	
1619	211000	P.43	Nguyễn Lê Bảo Khanh	24/06/2006	7	7.75	4	5.33	VA		
1620	211001	P.43	Phan Phúc Ngọc Khánh	11/09/2006	5.75	1.75	3.75	5	VA	Lịch sử	
1621	211002	P.43	Trần Đinh Đăng Khoa	02/07/2006	7	3.25	5.5	6	VA	Lịch sử	
1622	211003	P.43	Bùi Thiên Lam	25/02/2006	7.5	5	4.5	5	VA		
1623	211004	P.43	Lê Thị Thanh Lan	01/02/2006	8	5.75	6.75	7.5	VA	Địa lí	
1624	211005	P.43	Đinh Thiết Lâm	11/06/2006	5	4	5.5	3.5	VA	Địa lí	
1625	211006	P.43	Lê Võ Diệu Linh	05/09/2006	6.5	2.75	5.5	6	VA	Địa lí	
1626	211007	P.43	Nguyễn Hồ Đan Linh	28/10/2006	7.75	6.58	8	7.75	VA	Địa lí	
1627	211008	P.43	Đoàn Nguyên Khánh Linh	06/01/2006	7.5	8.5	7	6	VA	Lịch sử	
1628	211009	P.43	Nguyễn Trần Nguyệt Linh	14/07/2006	6.25	5	5.5	5.75	VA	Lịch sử	

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
1629	211010	P.43	Nguyễn Thị Phương Linh	10/01/2006	6.5	3	4	5.5	VA	Địa lí	
1630	211011	P.43	Trương Thị Khánh Ly	11/07/2006	8	3	5	7.25	VA	Lịch sử	
1631	211012	P.43	Phạm Ngọc Thùy Ly	01/01/2006	7.5	7	6.5	6.25	VA	Địa lí	
1632	211013	P.43	Lê Đinh Trúc Ly	17/04/2006	7	5.25	5.25	6	VA		
1633	211014	P.43	Trương Nguyễn Hoàng Mai	09/10/2006	7	6.25	4.25	4.5	VA	Lịch sử	
1634	211015	P.44	Đoàn Trần Phương Mai	19/07/2006	7	4.5	5	4	VA	Địa lí	
1635	211016	P.44	Lê Thị Tuyết Mai	28/02/2006	6.25	7.25	3.25	6	VA		
1636	211017	P.44	Trần Công Minh	30/05/2006	6.75	8	6.25	6.58	VA	Địa lí	
1637	211018	P.44	Lê Thảo Thùy Minh	30/06/2006	5.75	5	5	2.5	VA	Địa lí	
1638	211019	P.44	Cao Nguyễn Trà My	28/12/2006	7.5	6.25	6.75	5	VA		
1639	211020	P.44	Lê Trương Hoàng Nam	14/06/2006	5.75	6.25	3.5	6.5	VA	Lịch sử	
1640	211021	P.44	Trần Vũ Nhật Nam	25/05/2006	6.75	2.25	4.75	5.5	VA	Địa lí	
1641	211022	P.44	Ngô Thị Hằng Nga	01/06/2006	6.5	5.5	8.5	6.25	VA		
1642	211023	P.44	Hà Thị Thu Nga	18/01/2006	5.5	0.25	4	4	VA	Địa lí	
1643	211024	P.44	Lê Trần Thúy Nga	13/08/2006	7.5	3	5	6	VA		
1644	211025	P.44	Lương Thúy Nga	08/01/2006	8	4.25	5.25	7	VA	Địa lí	
1645	211026	P.44	Nguyễn Hoàng Ngân	29/12/2006	6.75	8	7.75	5.75	VA		
1646	211027	P.44	Trần Thị Khánh Ngân	29/07/2006	8	0	4.5	7.5	VA	Lịch sử	
1647	211028	P.44	Lê Kim Ngân	10/12/2006	7.5	7.25	5.75	6.75	VA	Địa lí	
1648	211029	P.44	Trịnh Thị Kim Ngân	21/05/2006	4.5	4.75	5.75	3.5	VA		
1649	211030	P.44	Nguyễn Thị Thanh Ngân	29/08/2006	7	5.75	6.25	6.5	VA		
1650	211031	P.44	Lê Hoàng Thu Ngân	27/04/2006	8.25	3.5	5.5	7.5	VA	Địa lí	
1651	211032	P.44	Phạm Đặng Gia Nghi	02/08/2006	6.75	6	6.5	6.25	VA	Lịch sử	
1652	211033	P.44	Nguyễn Trần Phương Nghi	13/10/2006	7.5	4.75	5.75	7	VA	Lịch sử	
1653	211034	P.44	Nguyễn Ngọc Song Nghi	29/11/2006	6.25	5.25	5.25	5.5	VA		
1654	211035	P.44	Huỳnh Bảo Ngọc	27/09/2006	7	7	4.5	5.5	VA		
1655	211036	P.44	Lê Thị Bảo Ngọc	10/09/2006	8.25	4.67	6.5	7.5	VA	Lịch sử	
1656	211037	P.44	Lê Trần Bình Nguyên	10/10/2006	7	7.75	7.25	6.5	VA	Lịch sử	
1657	211038	P. Cách ly	Hoàng Hạnh Nguyên	17/05/2006	7.75	7.5	9	5	VA	Lịch sử	
1658	211039	P.45	Tạ Hữu Nguyên	24/06/2006	7.5	6.25	4.75	5.42	VA	Lịch sử	
1659	211040	P.45	Lê Phạm Minh Nguyên	10/05/2006	8	5.25	7.25	5	VA		
1660	211041	P.45	Vũ Lý Thảo Nguyên	28/01/2006	8	7.25	5	6.67	VA		
1661	211042	P.45	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	19/11/2006	7.75	5.5	6	6.75	VA	Lịch sử	
1662	211043	P.45	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	04/06/2006	8	5.75	5.25	6.25	VA	Địa lí	

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
1663	211044	P.45	Bùi Hoàng Hà Nhi	08/03/2006	5	2.5	4	3.75	VA	Địa lí	
1664	211045	P.45	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	05/08/2006	5	2.75	3.25	4	VA	Lịch sử	
1665	211046	P.45	Nguyễn Phương Nhi	12/03/2006	7.5	5.75	7	7.5	VA	Lịch sử	
1666	211047	P.45	Trần Thị Yến Nhi	28/04/2006	7	6	8.25	5.75	VA	Lịch sử	
1667	211048	P.45	Phạm Trần Thoại Nhiên	26/02/2006	7.75	8.5	4.75	7.25	VA	Địa lí	
1668	211049	P.45	Phạm Hồng Nhung	12/01/2006	8	1.75	4.25	7.5	VA		
1669	211050	P.45	Võ Hà Như	15/10/2006	6.5	8.5	7.75	4.75	VA	Địa lí	
1670	211051	P.45	Nguyễn Thị Quỳnh Như	23/02/2006	7.75	2.5	5.25	5.92	VA		
1671	211052	P.45	Vũ Nguyên Quỳnh Như	09/02/2006	8	2.5	5	6.25	VA	Lịch sử	
1672	211053	P.45	Thân Hà Tuyết Như	09/12/2005	6.5	2.5	6.25	7	VA	Lịch sử	
1673	211054	P.45	Lê Tiến Phúc	11/06/2006	4.5	3.5	2.25	3.5	VA		
1674	211055	P.45	Trần Xuân Phúc	10/01/2006	6.5	4	6	5	VA	Địa lí	
1675	211056	P.45	Trần Ngọc Minh Phương	15/11/2006	7.5	3	4.75	6.75	VA		
1676	211057	P.45	Nay Tô Nam Phương	09/01/2006	6.75	2.25	5	5.5	VA	Lịch sử	
1677	211058	P.45	Đỗ Thị Uyên Phương	01/07/2006	7.75	6	4.5	6	VA	Lịch sử	
1678	211059	P.45	Trần Hoàng Bảo Phước	23/12/2006	7	1	3	5.25	VA	Địa lí	
1679	211060	P.45	Phạm Hữu Phước	29/07/2006	7.17	5.75	6.75	5.75	VA	Lịch sử	
1680	211061	P.45	Trương Thị Lệ Quyên	01/02/2006	5	2.25	2.5	4.5	VA	Địa lí	
1681	211062	P.45	Tô Ngọc Phương Quyên	21/03/2006	5	3	4.5	4.92	VA		
1682	211063	P.46	Nguyễn Kim Minh Quý	17/05/2006	7	1.5	5.25	6.5	VA	Lịch sử	
1683	211064	P.46	Lê Nguyễn Mai Quỳnh	12/04/2006	8	8	5.25	7.25	VA		
1684	211065	P.46	Đỗ Ngọc Như Quỳnh	02/08/2006	8.25	5.75	6.25	7.5	VA	Lịch sử	
1685	211066	P.46	Nguyễn Thị Như Quỳnh	04/03/2006	7	5.25	4.75	2.75	VA		
1686	211067	P.46	Nguyễn Như Quỳnh	29/01/2006	6.5	1.25	5.75	5.75	VA	Lịch sử	
1687	211068	P.46	Nguyễn Thị Minh Tâm	09/09/2006	7.25	6.5	2	6	VA	Địa lí	
1688	211069	P.46	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	14/08/2006	7	7.25	6.75	6.25	VA	Địa lí	
1689	211070	P.46	Phan Vũ Hoài Thanh Tâm	03/04/2006	6	4.25	4	5.5	VA	Địa lí	
1690	211071	P.46	Dương Ngọc Thành	01/05/2006	5	2.25	3	4.5	VA	Địa lí	
1691	211072	P.46	Nguyễn Trường Thịnh	29/05/2006	8	3	4.25	7	VA	Lịch sử	
1692	211073	P.46	Nguyễn Thanh Thúy	06/08/2006	8.5	7.75	6	6.5	VA	Lịch sử	
1693	211074	P.46	Quách Thanh Thùy	09/11/2006	7.75	6.25	6.5	6	VA		
1694	211075	P.46	Lê Thị Thu Thủy	27/05/2006	6	2.75	3	4.58	VA	Lịch sử	
1695	211076	P.46	Bùi Đức Anh Thư	16/10/2006	8	6	8.25	6.75	VA	Lịch sử	
1696	211077	P.46	Nguyễn Lê Anh Thư	29/04/2006	6.75	4.75	5.25	5.5	VA		

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
1697	211078	P.46	Nguyễn Ngọc Anh Thư	12/10/2006	6	0.5	2.75	5.5	VA	Lịch sử	
1698	211079	P.46	Nguyễn Anh Thư	26/08/2006	8.5	7.25	7.5	8.75	VA		
1699	211080	P.46	Trần Hoàng Anh Thư	24/06/2006	6.5	2.75	5	6.5	VA	Địa lí	
1700	211081	P.46	Trần Anh Thư	26/01/2006	5.75	4.5	5.25	6	VA	Địa lí	
1701	211082	P.46	Nguyễn Ngọc Khánh Thư	01/01/2006	7.25	7.5	8.25	5.5	VA		
1702	211083	P.46	Nguyễn Khả Thư	23/09/2006	8.5	6.5	6.75	7.25	VA	Địa lí	
1703	211084	P.46	Nguyễn Lê Linh Thư	18/06/2006	9	4	4.75	6.75	VA		
1704	211085	P.46	Đỗ Trần Minh Thư	14/04/2006	8.25	3.75	5.25	6.5	VA		
1705	211086	P.46	Trần Lê Ngọc Thư	24/10/2006	7.75	6.5	4.25	6.75	VA		
1706	211087	P.47	Phạm Thị Thiên Thư	06/11/2006	4.25	2.5	3.5	4.75	VA	Lịch sử	
1707	211088	P.47	Nguyễn Văn Thương	18/11/2006	7.25	7.75	5	7.25	VA	Địa lí	
1708	211089	P.47	Nguyễn Hoàng Thủy Tiên	22/05/2006	6.75	7.5	7.25	6.83	VA	Địa lí	
1709	211090	P.47	Trần Đỗ Anh Tiến	02/06/2006	6.25	7.5	9	4.5	VA		
1710	211091	P.47	Nguyễn Quốc Toàn	01/06/2006	6	3	2.5	5	VA	Lịch sử	
1711	211092	P.47	Hồ Phương Trang	16/09/2006	6	7.25	5	3.5	VA	Địa lí	
1712	211093	P.47	Vũ Thị Quỳnh Trang	05/11/2006	7	6	5.5	5.75	VA	Lịch sử	
1713	211094	P.47	Lê Hoàng Bảo Trâm	07/07/2006	7.5	4.25	4	6.5	VA	Địa lí	
1714	211095	P.47	Lê Thái Ngọc Trâm	30/06/2006	8	3.25	4.25	6.5	VA		
1715	211096	P.47	Phạm Châu Ngọc Trâm	10/10/2006	6.5	4.75	4	4.75	VA	Lịch sử	
1716	211097	P.47	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	17/12/2006	7.5	4.75	6.25	7	VA	Lịch sử	
1717	211098	P.47	Trần Nguyễn Thùy Trâm	08/12/2006	7	3.5	4	6.75	VA		
1718	211099	P.47	Nguyễn Ngọc Tú Trâm	02/01/2006	7.75	7	4.5	6.83	VA	Lịch sử	
1719	211100	P.47	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	26/01/2006	7.25	6.25	5	6	VA		
1720	211101	P.47	Hoàng Thảo Trân	24/01/2006	5.25	3	5.25	5.83	VA	0	
1721	211102	P.47	Nguyễn Viết Minh Triết	20/11/2006	7.5	3	5.75	4.25	VA	Địa lí	
1722	211103	P.47	Hà Nguyễn Đoan Trinh	25/04/2006	7.5	5.25	5.25	5.75	VA	Lịch sử	
1723	211104	P.47	Nguyễn Trịnh Hạnh Trinh	14/01/2006	8	6	3	5.5	VA	Địa lí	
1724	211105	P.47	Ngô Văn Trung	16/08/2006	6.25	3.25	2.75	4.92	VA	Địa lí	
1725	211106	P.47	Trịnh Thị Tuyến	28/07/2006	7	4.75	5.25	3.75	VA	Lịch sử	
1726	211107	P.47	Phạm Trần Ngọc Tuyết	16/10/2006	7.25	2.25	5.5	5.25	VA	Địa lí	
1727	211108	P.47	Lý Anh Tú	25/02/2006	7.75	4.5	6.25	6.5	VA	Địa lí	
1728	211109	P.47	Bùi Phương Uyên	02/03/2006	6.5	4.75	5.5	4.5	VA		
1729	211110	P.47	Lê Ngọc Phương Uyên	05/09/2006	4.5	3.5	4.75	1.75	VA		
1730	211111	P.48	Trần Vũ Phương Uyên	01/01/2006	6.75	5.75	6	5	VA	Lịch sử	

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
1731	211112	P.48	Hồ Thị Quỳnh Uyên	21/08/2006	8.5	2.75	5.75	7	VA	Lịch sử	
1732	211113	P.48	Nguyễn Thu Uyên	18/08/2006	5.5	3.25	3	4.5	VA	Địa lí	
1733	211114	P.48	Trần Tử Uyên	22/02/2006	8	5.25	7.75	7.58	VA	Lịch sử	
1734	211115	P.48	Phạm Thị Thanh Vân	24/12/2006	8.25	5.75	5.75	5	VA	0	
1735	211116	P.48	Đào Trần Thảo Vi	22/08/2006	6	7.75	3.75	3.75	VA		
1736	211117	P.48	Lê Thị Vi Vi	23/09/2006	7.25	8.5	5.25	5	VA	Lịch sử	
1737	211118	P.48	Đinh Phan Lê Vy	08/07/2006	7.25	4	4.25	6	VA	Lịch sử	
1738	211119	P.48	Đoàn Thị Thảo Vy	26/01/2006	6.25	7.25	6.5	5	VA		
1739	211120	P.48	Trịnh Trúc Vy	26/02/2006	7.75	6.75	5.5	6.25	VA		
1740	211121	P.48	Lê Mai Tường Vy	05/09/2006	4.75	2.25	3.5	3.5	VA	Lịch sử	
1741	211122	P.48	Nguyễn Trần Hoàng Yến	07/03/2006	7.25	5	7.25	6	VA	Địa lí	
1742	211123	P.48	Trương Hoàng Như Ý	23/03/2006	7.5	2.75	7	6.5	VA	Lịch sử	
1743	211124	P.48	Nguyễn Ngọc Ánh	22/02/2006	5.25	2.75	2.75	1	SU		
1744	211125	P.48	Đồng Nhật Ánh	24/11/2006	7	4.25	5.75	5.25	SU		
1745	211126	P.48	Lê Phạm Đình Bảo	30/11/2006	7.25	6.5	7.5	5.75	SU		
1746	211127	P.48	Hoàng Trần Quỳnh Chi	17/11/2006	7	2.5	6.5	6.5	SU		
1747	211128	P.48	Phan Kiều Diễm	14/04/2006	5.75	7	6.25	4.75	SU		
1748	211129	P.48	Nguyễn Thị Doanh Doanh	19/11/2006	6.25	5.25	7	6.75	SU		
1749	211130	P.48	Đặng Nguyễn Tiến Dũng	26/01/2006	7.25	2.5	8	6.25	SU		
1750	211131	P.48	Hoàng Xuân Dũng	26/09/2006	6.25	5	3.5	8.5	SU	0	
1751	211132	P.48	Trần Minh Đăng	20/03/2006	4.5	2.25	4.25	0.25	SU		
1752	211133	P.48	Phan Tiến Đạt	15/07/2006	6.5	3.25	4.75	8.5	SU		
1753	211134	P.48	Đặng Vũ Hà	12/01/2006	6.75	3.75	5.25	6.75	SU		
1754	211135	P.49	Nguyễn Hải Hoàng	27/05/2006	7	4.75	5.25	5.75	SU		
1755	211136	P.49	Trần Huy Hoàng	08/09/2006	6	3.75	5.25	2.75	SU		
1756	211137	P.49	Nguyễn Phi Hùng	20/01/2006	6.5	3	3.75	4	SU		
1757	211138	P.49	Lê Đăng Khoa	06/01/2006	4.75	4.5	4.75	2.75	SU		
1758	211139	P.49	Đặng Phạm Thanh Lương	25/02/2006	7.25	7.25	8.25	9.25	SU		
1759	211140	P.49	Nguyễn Bảo Ngọc	19/11/2006	6.75	2.75	4.5	3	SU		
1760	211141	P.49	Nguyễn Hoàng Nguyên	25/06/2006	4.75	8.5	3.75	8.5	SU		
1761	211142	P.49	Trần Thảo Nguyên	08/11/2006	6	6.75	9.25	5	SU		
1762	211143	P.49	Hoàng Lê Mai Phương	04/08/2006	6.75	6	8.5	1.5	SU		
1763	211144	P.49	Y Vũ Quang Niê Kđăm	24/10/2006	4.75	3.25	1	0.5	SU		
1764	211145	P.49	Trần Quyền	26/03/2006	5	3.5	2.25	0	SU		

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
1765	211146	P.49	Nguyễn Đức Anh Tài	11/10/2006	5	2.5	4.25	7	SU		
1766	211147	P.49	Nguyễn Thị Hồng Thảo	13/12/2006	6.75	5.75	5	7	SU		
1767	211148	P.49	Đỗ Ngọc Minh Thư	09/10/2006	6.75	6.25	4	2	SU		
1768	211149	P.49	Nguyễn Thủy Tiên	18/07/2006	5.75	6.5	4.25	3.75	SU		
1769	211150	P.49	Lương Thị Đoan Trang	19/12/2006	6	0.5	3.5	0.25	SU		
1770	211151	P.49	Phạm Thị Thanh Trúc	15/03/2006	7	5.75	6.5	3.75	SU		
1771	211152	P.49	Võ Lê Phương Uyên	30/03/2006	8.25	5.25	5.75	5.5	SU		
1772	211153	P.49	Hoàng Thị Tố Uyên	09/09/2006	7.25	4	5.75	8.75	SU		
1773	211154	P.49	Nguyễn Ngọc Thảo Vân	04/09/2006	7	3.33	5.75	4.5	SU		
1774	211155	P.49	Đường Hải Anh	19/05/2006	8	4.5	4.5	9.25	DI		
1775	211156	P.49	Đỗ Nguyễn Thiên Anh	20/01/2006	4.5	7.5	6.75	7.25	DI		
1776	211157	P.49	Nguyễn Hoàng Thủy Diệu	09/02/2006	5.5	8.25	5	7.25	DI		
1777	211158	P.49	Khắc Trí Dũng	18/12/2006	7.5	2.25	5	6.75	DI		
1778	211159	P.50	Nguyễn Viết Dũng	26/11/2006	6.25	4.5	4.5	6.75	DI		
1779	211160	P.50	Nguyễn Bạch Dương	09/02/2006	8	3.75	5.25	8	DI		
1780	211161	P.50	Trần Văn Phước Đại	09/12/2006	6.08	4.25	4.5	5	DI		
1781	211162	P.50	Nguyễn Minh Đức	11/01/2006	6.58	5	7.75	4.5	DI		
1782	211163	P.50	Nguyễn Thanh Hà	15/01/2006	7	3.5	4.75	6	DI		
1783	211164	P.50	Hồ Ngọc Hân	21/12/2006	6.5	5	4.5	9.25	DI		
1784	211165	P.50	Trần Ngọc Hân	03/12/2006	4.25	3.5	3.5	6	DI		
1785	211166	P.50	Lê Thị Thu Hiền	21/08/2006	6.5	7.75	4	7.25	DI		
1786	211167	P.50	Nguyễn Anh Huy	14/04/2006	7.75	8	8	9.5	DI		
1787	211168	P.50	Phạm Nhật Huy	26/10/2006	6.75	8	6.5	8.25	DI		
1788	211169	P.50	Ngô Quốc Huy	07/02/2006	7.75	6	8.75	6.25	DI		
1789	211170	P.50	Đào Thị Thanh Huyền	12/10/2006	5.25	5.75	6.25	7.25	DI		
1790	211171	P.50	Nguyễn Thị Hương	18/04/2006	4.25	1.5	5.5	3.75	DI		
1791	211172	P.50	Phan Gia Hy	04/09/2006	6.5	3.5	5.25	6.75	DI		
1792	211173	P.50	Dương Nguyễn Gia Khang	02/07/2006	7	7.5	3.75	7.25	DI		
1793	211174	P.50	Nguyễn Hữu Tuấn Khoa	01/03/2006	6.5	6.75	4.5	4.75	DI		
1794	211175	P.50	Nguyễn Phạm Gia Linh	01/03/2006	8.25	6.25	6	8.5	DI		
1795	211176	P.50	Đỗ Hoàng Ngân	09/09/2006	6.5	7	6.5	8.5	DI		
1796	211177	P.50	Nguyễn Đình Nguyên	21/10/2006	5.5	3.25	4.25	5.75	DI	0	
1797	211178	P.50	Phạm Cao Thảo Nguyên	03/06/2004	8.25	3.25	6.75	7.5	DI		
1798	211179	P.50	Nhữ Thị Thu Nguyệt	10/05/2006	5	2.5	3.75	7.5	DI		

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
1799	211180	P.50	Nguyễn Tân Nhàn	10/03/2006	6.5	5.25	5.75	8.25	DI		
1800	211181	P.50	Phan Thị Ngọc Nhi	28/07/2006	6	6.25	6.75	7.25	DI		
1801	211182	P.50	Huỳnh Tấn Phát	01/02/2006	5.25	3.5	3.5	4.5	DI		
1802	211183	P.51	Lâm Thiên Phong	24/09/2006	8	4	4.25	8	DI		
1803	211184	P.51	Lê Anh Quân	24/03/2006	5.25	2.5	4.5	7	DI		
1804	211185	P.51	Lê Thị Như Quỳnh	31/07/2006	6.5	3.75	4	5	DI		
1805	211186	P.51	Trần Ngọc Sơn	05/11/2006	7.5	6.75	5.75	7.5	DI		
1806	211187	P.51	Nguyễn Thái Thảo	22/02/2006	7.25	2.25	3.25	6.75	DI		
1807	211188	P.51	Trần Thị Thảo	16/01/2006	7	4.5	3	7	DI		
1808	211189	P.51	Phan Thị Thanh Tiền	04/03/2006	5.58	4	5	3.75	DI		
1809	211190	P.51	Nguyễn Thùy Trâm	12/07/2006	5.42	5.75	5	4.75	DI		
1810	211191	P.51	Hoàng Nữ Bội Trân	08/02/2006	6.25	7.5	7	7	DI		
1811	211192	P.51	Trần Minh Trí	09/04/2006	7.25	7.25	5	8	DI		
1812	211193	P.51	Hoàng Ngọc Hồng Trúc	11/06/2006	5	3	3	4	DI		
1813	211194	P.51	Nguyễn Cao Quang Trường	19/05/2006	4.5	0	2.5	3	DI		
1814	211195	P.51	Đặng Cát Tường	10/04/2006	6.25	5.5	7.25	7.25	DI		
1815	211196	P.52	Lê Bảo An	10/08/2006	6.25	8.5	8.5	6.8	TI		
1816	211197	P.52	Nguyễn Phan Quốc Huy	07/10/2006	6.25	8.25	4.75	3.2	TI		
1817	211198	P.51	Trần Thế Hùng	03/05/2006	7.5	8.75	6.25	2.5	TT		
1818	211199	P.52	Trịnh Duy Hưng	18/03/2006	6.25	7.75	8	8.6	TI		
1819	211200	P.52	Nguyễn Ngọc Hưng	22/04/2006	5.5	2.5	3	5.6	TI		
1820	211201	P.52	Ksor Kevin	07/09/2006	6.25	8.25	8	2	TI	0	
1821	211202	P.52	Bùi Nguyên Khôi	03/01/2006	6.75	7.5	5.5	6.8	TI		
1822	211203	P.52	Đoàn Quốc Kiên	17/02/2006	6.75	8.25	9.75	7.4	TI		
1823	211204	P.51	Đinh Bảo Lam	04/01/2006	6.5	7.75	5.75	3.5	TT		
1824	211205	P.52	Đỗ Quang Minh	19/10/2006	6.25	6.25	7.5	2	TI		
1825	211206	P.52	Mai Huy Nguyên	06/10/2006	4.5	6	3	0	TI		
1826	211207	P.52	Trần Thanh Nguyên	29/01/2006	5.25	4.25	4.25	6.4	TI		
1827	211208	P.53	Võ Trần Nguyên	17/09/2006	7.25	5	5.5	6	TI		
1828	211209	P.53	Cao Đức Phát	18/07/2006	7	6.75	7	8.2	TI		
1829	211210	P.53	Hồ Tân Phú	18/10/2006	5	8	5.25	0	TI		
1830	211211	P.53	Nguyễn Lê Quang	22/10/2006	7	6.5	7.25	3.8	TI		
1831	211212	P.53	Đặng Võ Bá Quyết	27/08/2006	5.25	3.5	2.5	0	TI		
1832	211213	P.51	Lê Hữu Thái Sơn	27/07/2006	7.5	9.25	8.75	2	TT		

STT	SBD	Phòng thi	Họ và tên	Ngày sinh	Đ. Văn	Đ. Toán	Đ. NN	Đ. Chuyên	Mã chuyên 1	Mã chuyên 2	Ghi chú
1833	211214	P.53	Mai Ngọc Thi	16/06/2006	7	8.5	7.75	6.2	TI		
1834	211215	P.53	Phạm Ngọc Thọ	20/12/2006	7.25	8.5	6.75	4.8	TI		
1835	211216	P.53	Châu Trần Mạnh Tiến	14/06/2006	5.25	6.5	7.25	6.6	TI		
1836	211217	P.53	Lê Quang Trung	10/03/2006	6.5	8	9	6.8	TI		
1837	211218	P.53	Vũ Lê Anh Tuấn	07/03/2006	4.25	8.25	5.75	0	TI		
1838	211219	P.53	Phùng Ngọc Tuấn	28/03/2006	7	8.5	8	6.4	TI		
1839	211220	P.14	Nguyễn Trọng Khôi	05/07/2006	4.5	3.25	4.5	3.9	TP	0	

Đắk Lắk, ngày 14 tháng 6 năm 2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐẮK LẮK

Đỗ Tường Hiệp

PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GDĐT